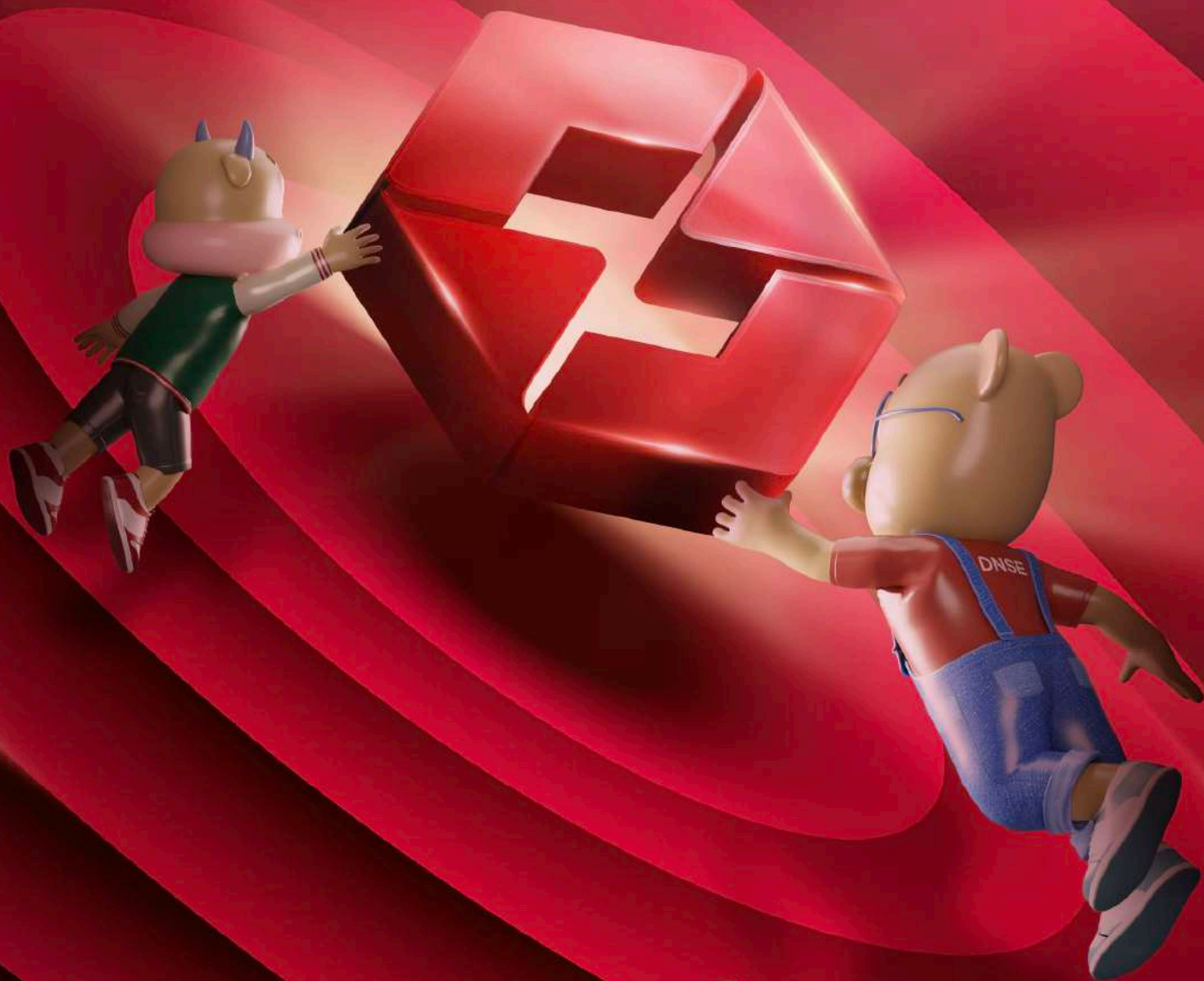




LÀM CHỦ
CUỘC CHƠI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

CHƯƠNG

01

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH

CHƯƠNG

05

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2025

- Tầm nhìn phát triển
- Kế hoạch hành động

CHƯƠNG

02

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

- Về doanh nghiệp
- Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- Sơ đồ tổ chức

CHƯƠNG

06

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Báo cáo của HĐQT 2024
- Báo cáo Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
- Hoạt động Quản trị rủi ro
- Thông tin Cổ phiếu DSE & Cơ cấu Cổ đông tại 31/12/2024

CHƯƠNG

03

ẢN TƯỢNG 2024

- Thành tựu nổi bật
- Giải thưởng nổi bật

CHƯƠNG

07

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đầu tư phát triển nhân lực
- Trách nhiệm đối với xã hội, nhà nước và cổ đông

CHƯƠNG

04

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

- Đánh giá thị trường 2024 & triển vọng 2025
- Kết quả kinh doanh 2024

CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin về Công ty
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính



Thư ngỏ của Chủ tịch

“

Chúng tôi tin rằng, tài nguyên nhân sự chất lượng cao, sức mạnh công nghệ và sự đầu tư sát sao nhằm phát triển tệp khách hàng cốt lõi sẽ là những chiến lược then chốt đưa DNSE gặt hái những bước tăng trưởng đột phá.



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác của DNSE,

Năm 2024 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và DNSE nói riêng. Dù vậy, với nỗ lực và quyết tâm của toàn đội ngũ, DNSE đã đạt được những cột mốc phát triển ý nghĩa.

Vào ngày 1/7/2024, mã cổ phiếu DSE của DNSE chính thức niêm yết trên sàn HoSE. DNSE trở thành công ty chứng khoán duy nhất được chấp thuận niêm yết trong 5 năm trở lại đây. Đây là bước đi chiến lược để phát triển quy mô và uy tín doanh nghiệp, đồng thời cũng mở ra cơ hội huy động vốn từ các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế, tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

Năm qua, vượt lên bối cảnh thị trường không thuận lợi, DNSE đã tập trung phát triển quy mô khách hàng và hệ thống sản phẩm phát huy thế mạnh công nghệ. Chiến lược này đã giúp chúng tôi tiếp tục tăng trưởng với doanh thu 829 tỷ đồng, tăng 12% so với 2023; tổng tài sản hơn 10.600 tỷ đồng, tăng 43%; dư nợ cho vay ký quỹ tăng 56% so với đầu năm.

Hoạt động mở rộng khách hàng là điểm nhấn đáng tự hào năm 2024. DNSE duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần mở tài khoản mới 4 Quý liên tiếp, chiếm 21,6% thị phần tài khoản chứng khoán mở mới toàn thị trường. Cứ 5 tài khoản mở mới thì có một tài khoản mở tại DNSE.

Đầu năm 2025, DNSE đón cột mốc 1 triệu tài khoản chứng khoán. Thành tựu này đạt được chỉ trong vòng 3,5 năm từ khi chúng tôi bắt đầu hành trình đổi mới toàn diện. Bên cạnh đó, từ vị trí Top 5 thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh trong Quý 1/2024, DNSE đã bắt tốc vượt lên vị trí Top 2 vào Quý 4/2024.

Xác định năm 2025 sẽ tiếp tục đối diện nhiều thách thức, đội ngũ DNSE kiên định với tâm thế tập trung và thúc đẩy những thế mạnh sẵn có.

Chúng tôi tin rằng, tài nguyên nhân sự chất lượng cao, sức mạnh công nghệ và sự đầu tư sát sao nhằm phát triển tệp khách hàng cốt lõi sẽ là những chiến lược then chốt đưa DNSE gặt hái những bước tăng trưởng đột phá.

Về nhân sự, DNSE luôn hướng đến củng cố một nguồn nhân lực hiệu suất cao, vận hành khoa học, sáng tạo, tự động hóa. Sự gắn bó và phát triển của những thành viên trong đội ngũ sẽ là chìa khóa then chốt trong mô hình phát triển tinh gọn của DNSE.

Về công nghệ, nhiệm vụ tiên quyết là đảm bảo hệ thống vận hành nhanh, ổn định, linh hoạt. Cùng với việc tiên phong ứng dụng hệ thống bảo mật từ eSentire – đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh mạng dẫn đầu toàn cầu từ 6 tháng cuối năm 2024, DNSE cũng đã đầu tư hệ thống LinuxONE và vận hành hạ tầng mới với những cải tiến rõ nét. Hiện tại, thời gian xử lý lệnh đã giảm 30% so với nền tảng cũ.

Nền tảng của DNSE cũng đã sẵn sàng cho việc vận hành chính thức hệ thống KRX thời gian tới. Chúng tôi kỳ vọng, khi tính năng giao dịch trong ngày (T+0) áp dụng, mô hình quản trị, cho vay theo từng giao dịch (Margin Deal) mà DNSE là đơn vị đầu tiên, duy nhất hiện nay áp dụng sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh lớn của DNSE, giúp khách hàng gia tăng hiệu quả đầu tư.

Về phát triển khách hàng, vừa qua chúng tôi đã triển khai đồng loạt các hoạt động nghiên cứu khách hàng thông qua nhiều hình thức. Trên cơ sở đó, năm 2025, DNSE sẽ mở rộng các sản phẩm tài chính đa dạng, chuyên biệt hơn, đưa ra những giải pháp đơn giản, nhanh, tối ưu về chi phí nhất cho khách hàng.

Trên hành trình “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” của DNSE, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lời tri ân sâu sắc nhất tới Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác.

Hy vọng rằng, với sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị, DNSE sẽ giữ vững vị thế công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu, đóng góp vào “kỷ nguyên vươn mình” của đất nước nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, đồng thời mang đến những giá trị bền vững cho Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác!

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và đầu tư hiệu quả!

Trân trọng,

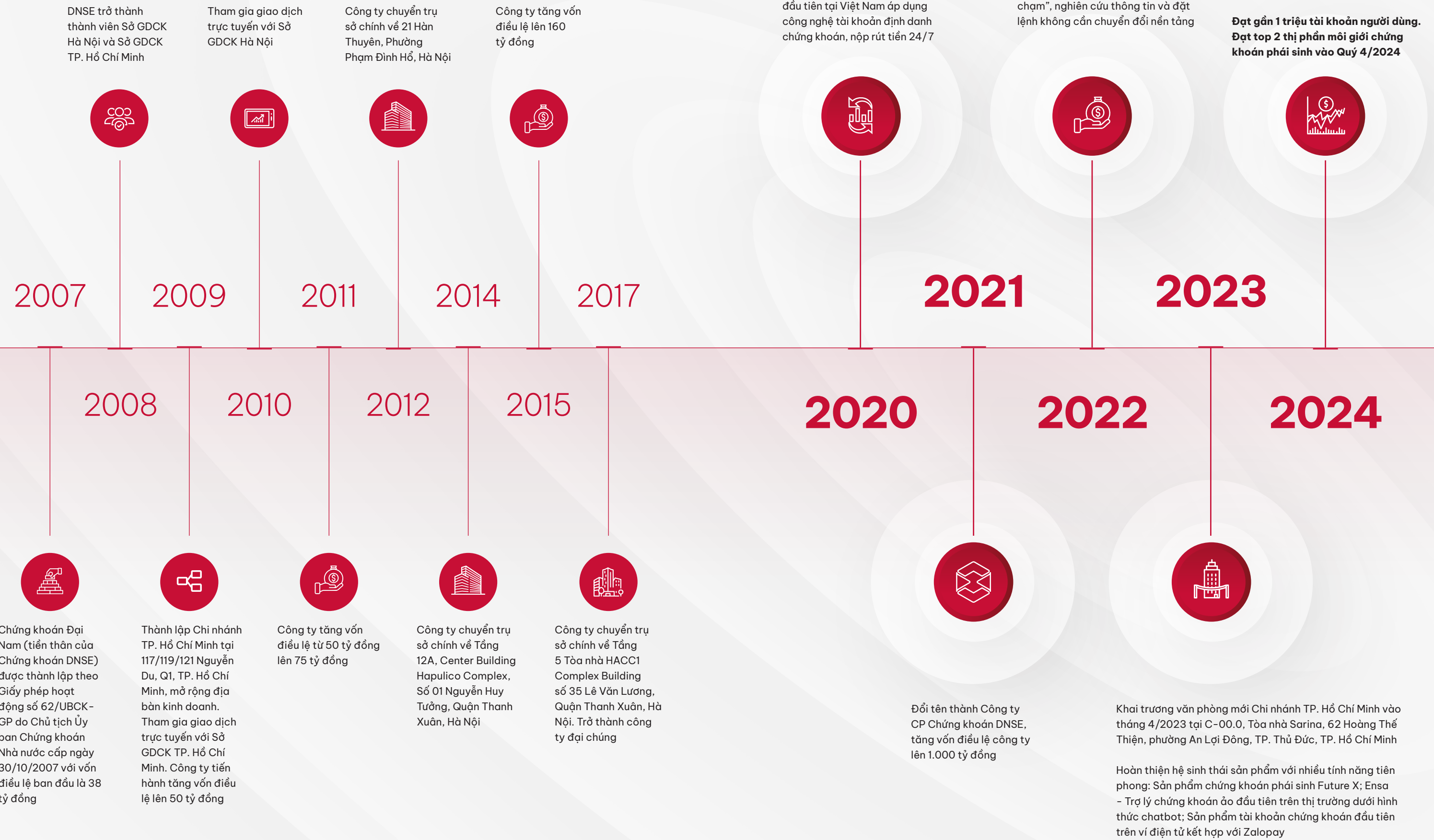
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Hoàng Giang



Tổng quan doanh nghiệp

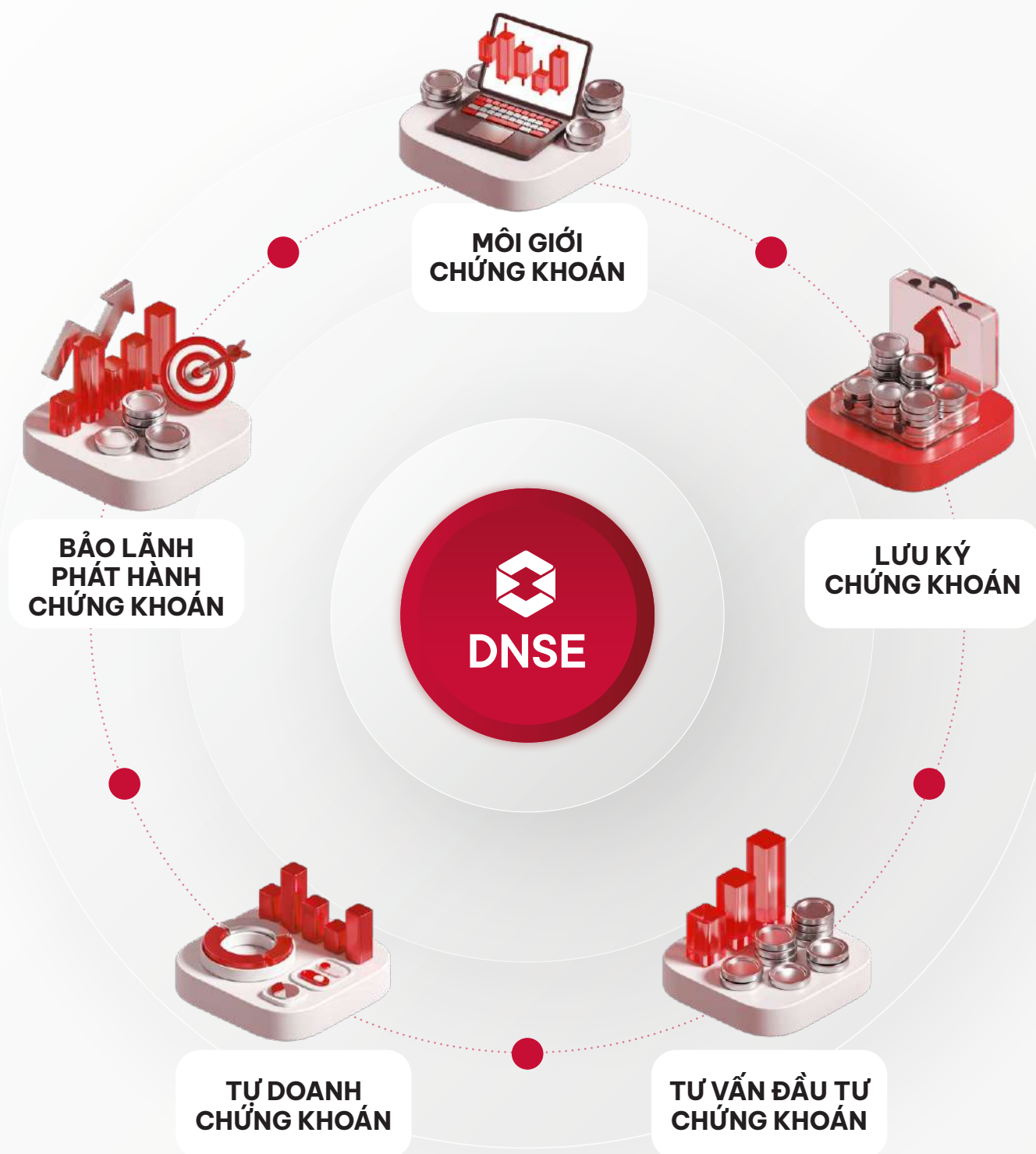
- Về doanh nghiệp
- Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- Sơ đồ tổ chức

VỀ DOANH NGHIỆP
LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



VỀ DOANH NGHIỆP

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



VỀ DOANH NGHIỆP

ĐỊA BÀN KINH DOANH



(Theo Quyết định số 71/QĐ-UBCK ngày 02/02/2023 về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập Chi nhánh Công ty chứng khoán số 132/QĐ-UBCK ngày 16/03/2021 về việc thay đổi địa chỉ của Chi nhánh DNSE tại TP. Hồ Chí Minh)

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

DNSE là công ty đầu tư, kinh doanh, môi giới chứng khoán; đặt trọng tâm vào việc **kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ**, với mục tiêu tiên phong dẫn dắt thị trường chứng khoán số tại Việt Nam.



SỨ MỆNH

“Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm tài chính, nâng tầm trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Lắng nghe
thấu hiểu

Luôn làm
tốt hơn

Tôn trọng
lời nói



TÍNH CÁCH THƯƠNG HIỆU



Tiên phong

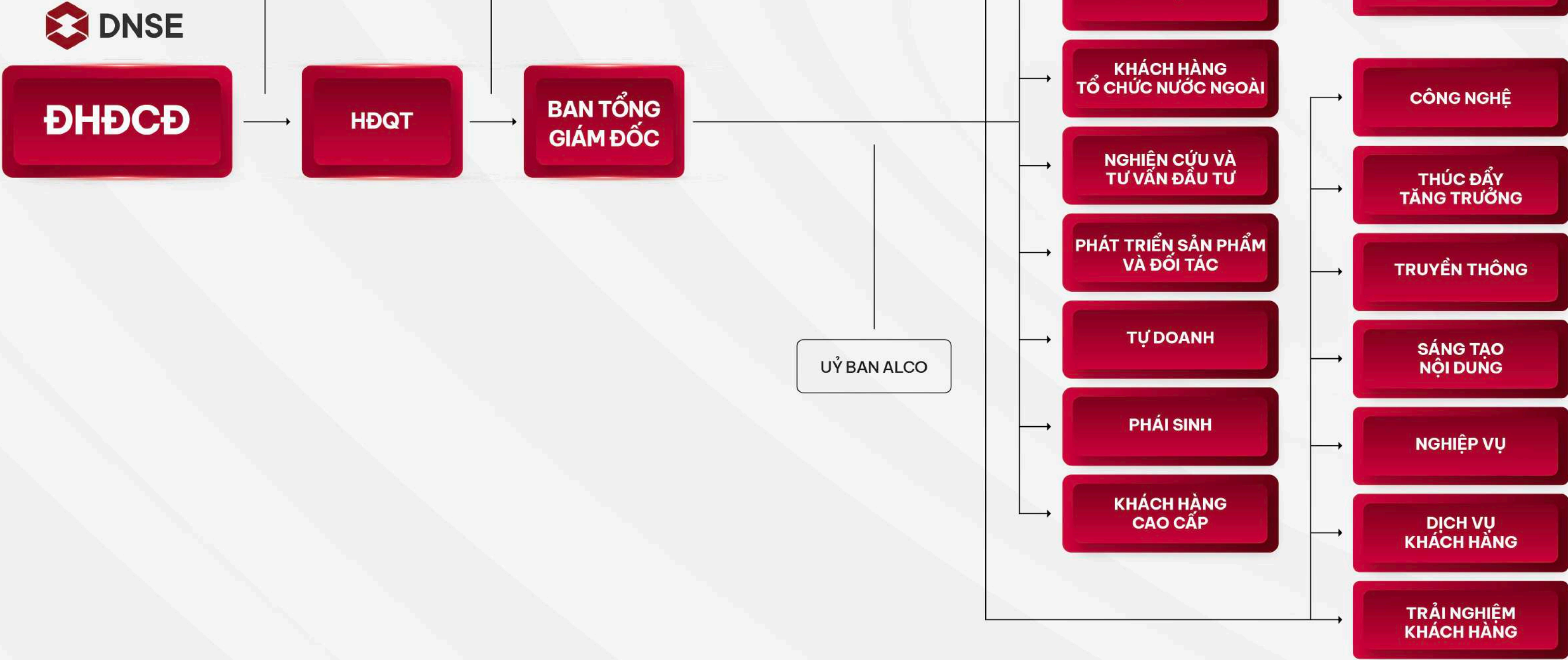


Tinh giản



Trẻ trung

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CƠ CẤU TỔ CHỨC



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Từ năm 2019 đến nay: Phó Chủ tịch – Thành viên HĐQT tại các công ty niêm yết quy mô lớn trên thị trường (YEG, TNG, SVC...)
- Top 30 under 30 (Top 30 nhân vật dưới 30 tuổi xuất sắc nổi bật) vinh danh bởi Tạp chí Forbes năm 2016
- 10 năm giữ vị trí Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT tại CTCP Chứng khoán VNDirect
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Chicago, Mỹ
- Cử nhân Toán Kinh tế – Khoa học máy tính Đại học Nebraska, Mỹ



Ông LÊ ANH TUẤN
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 6 năm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân – CTCP Chứng khoán VNDirect
- Nhiều năm kinh nghiệm vị trí Chuyên gia cao cấp tại KPMG Việt Nam và CTCP Chứng khoán SSI
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh – Đại học Khoa học Ứng dụng Saxion, Hà Lan



Bà PHẠM THỊ THANH HOA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giám đốc vận hành CTCP Công nghệ Tài chính Encapital giai đoạn 2019 – 2020
- 12 năm giữ vị trí quản lý và chuyên gia cao cấp tại CTCP Chứng khoán VNDirect, CTCP Chứng khoán SSI, Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Thạc sỹ Ngân hàng – Tài chính – Đại học Paris Dauphine và ESCP Business School, Pháp



Bà NGUYỄN THỊ HÀ NINH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Từ năm 2013 – nay: Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tại các công ty niêm yết (VCP, PTI...)
- Hơn 20 năm kinh nghiệm tại các cương vị Kế toán trưởng – Giám đốc tài chính trong các tổ chức, trong đó hơn 13 năm giữ vị trí Kế toán trưởng tại CTCP Chứng khoán VNDirect; 2 năm đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính CTCP VSD Holdings
- Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại Đại học Toulon, Pháp



Ông BÙI ANH DŨNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

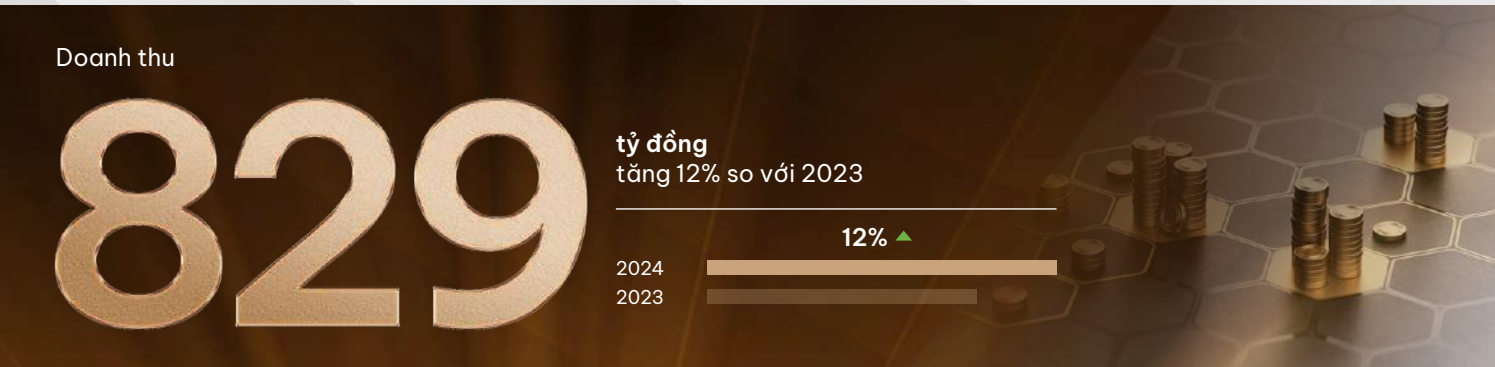
- Sáng lập và Giám đốc AhaSlides Việt Nam
- Hơn 4 năm giữ các vị trí Giám đốc Công nghệ sáng tạo, Giám đốc Công nghệ mảng Mobile và Marketing tại CTCP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, Vicare, CTCP Chứng khoán VNDirect và CTCP VNP Group
- 4 năm Kỹ sư công nghệ tại Isobar Australia và Isobar UK
- Cử nhân Công nghệ thông tin, Thạc sỹ Khoa học máy tính tại Đại học Công nghệ Swinburne, Úc



Ảnh tượng 2024

- Thành tựu nổi bật
- Giải thưởng nổi bật

THÀNH TỰU NỔI BẬT



GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT





Báo cáo kết quả kinh doanh 2024

- Đánh giá thị trường 2024 & triển vọng 2025
- Kết quả kinh doanh 2024

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VĨ MÔ 2024

Kinh tế toàn cầu vững vàng

Sau một giai đoạn phục hồi mạnh mẽ từ đại dịch COVID-19, kinh tế thế giới nhìn chung vẫn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh xung đột địa chính trị tiếp tục diễn ra, mặc dù mặt bằng lạm phát & lãi suất đang có xu hướng giảm. Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt mức tăng trưởng 3,2% vào năm 2024, giữ nguyên so với dự báo đưa ra trước đó và bằng hoặc cao hơn 0,1% so với tăng trưởng năm 2023.

Trong năm 2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục hạ lãi suất để kích thích kinh tế, tăng trưởng GDP của Mỹ tăng từ 0,2 - 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó, lên mức 2,7% - 2,8%, bác bỏ những dự báo về suy thoái kinh tế. Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, Trung Quốc chỉ đạt khoảng 4,8% tăng trưởng - thấp hơn so với mục tiêu 5% - bất chấp việc các chính sách hỗ trợ được tung ra vào

tháng 9 và tháng 11. Vào tháng 9/2024, Trung Quốc đã đưa ra một gói kích thích lớn thông qua chính sách tiền tệ (cắt giảm 0,5 điểm phần trăm của lãi suất thể chấp cho nhà ở hiện tại và giảm thêm 10 điểm cơ bản của lãi suất hợp đồng mua lại có thời hạn (repo) thời hạn 14 ngày), sau đó vào tháng 11/2024, một gói kích thích tài khóa được triển khai (bơm 10.000 tỷ Nhân dân tệ). Tuy nhiên, gói tài khóa này lại gây thất vọng khi chủ yếu tập trung vào việc giảm bớt gánh nặng các khoản nợ cho các địa phương, thay vì bơm tiền trực tiếp vào nền kinh tế. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro ước tính phục hồi từ mức tăng trưởng thấp của năm 2023 (0,4% - 0,5%) lên mức 0,8% năm 2024. Bên cạnh đó, kinh tế các quốc gia mới nổi ở Châu Á tăng trưởng mạnh, nơi nhu cầu bùng nổ đối với các sản phẩm bán dẫn, điện tử và trí tuệ nhân tạo, đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh cho khu vực này.

Hình 1: Tăng trưởng GDP toàn thế giới (% - yoy)



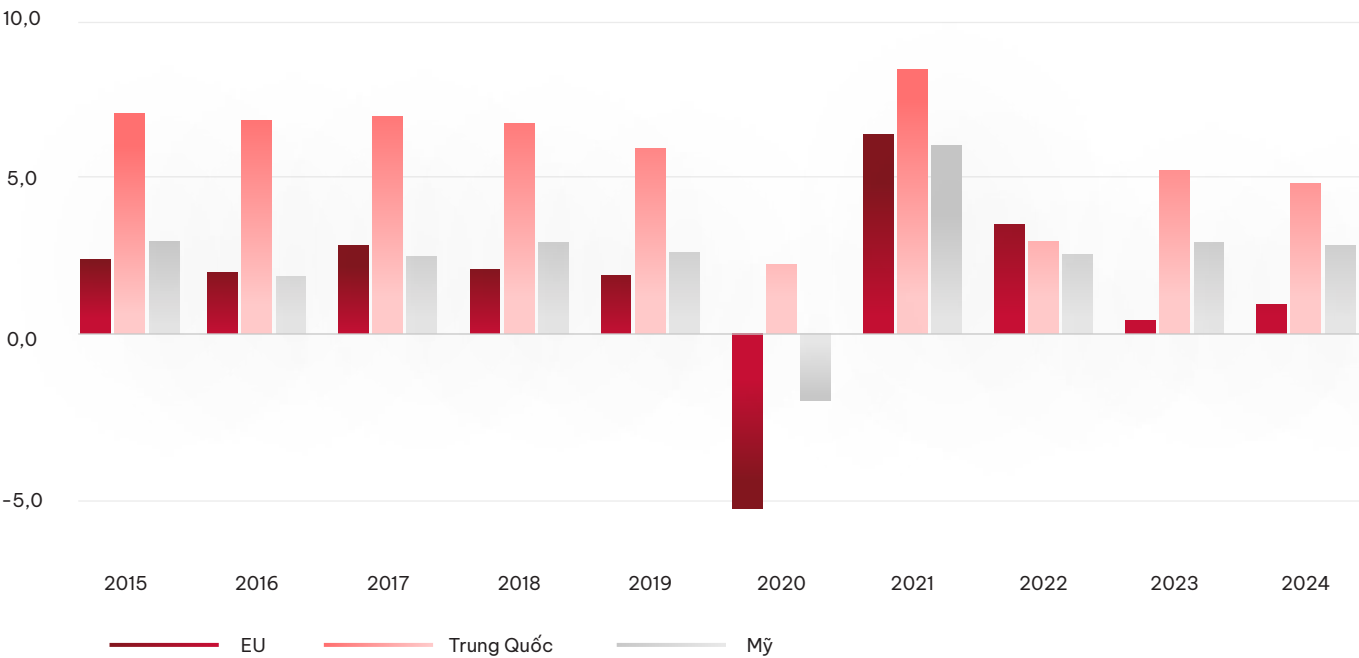
Nguồn: IMF

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VĨ MÔ 2024

Kinh tế toàn cầu vững vàng

Hình 2: Tăng trưởng GDP các nền kinh tế lớn trên thế giới (% - yoy)



Tăng trưởng GDP (2024) toàn cầu được dự báo đạt mức

3,2%

Tăng trưởng GDP của Mỹ tăng từ

0,2-0,3 điểm

Trung Quốc chỉ đạt khoảng 4,8% tăng trưởng

Bằng hoặc cao hơn so với tăng trưởng năm 2023

0,1%

Lên mức

2,7-2,8%

Thấp hơn so với mục tiêu

5%



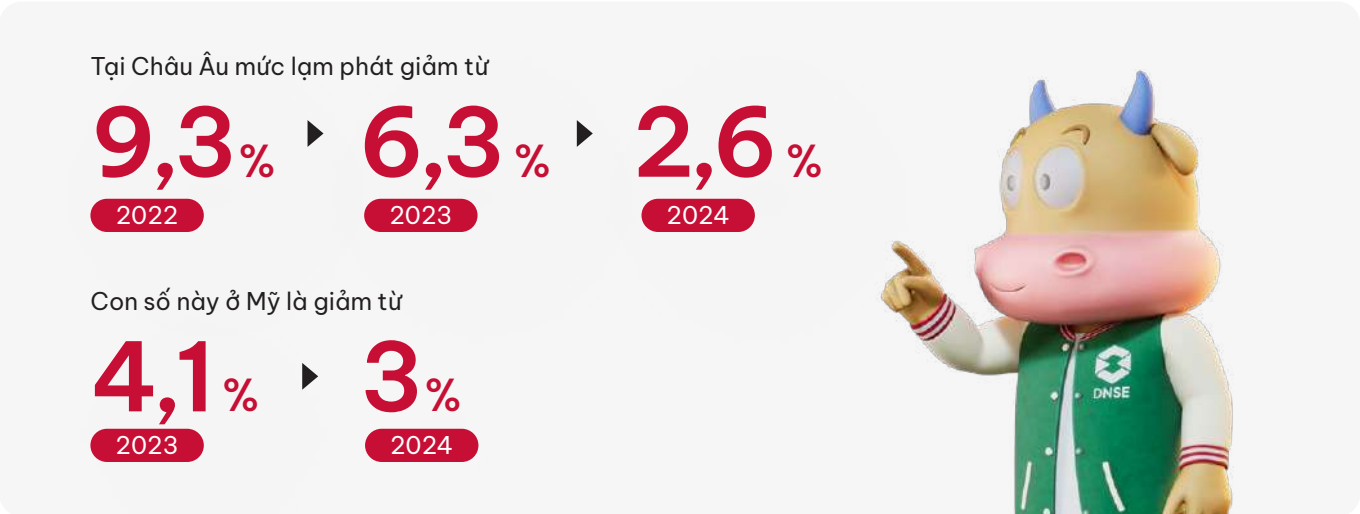
ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VĨ MÔ 2024

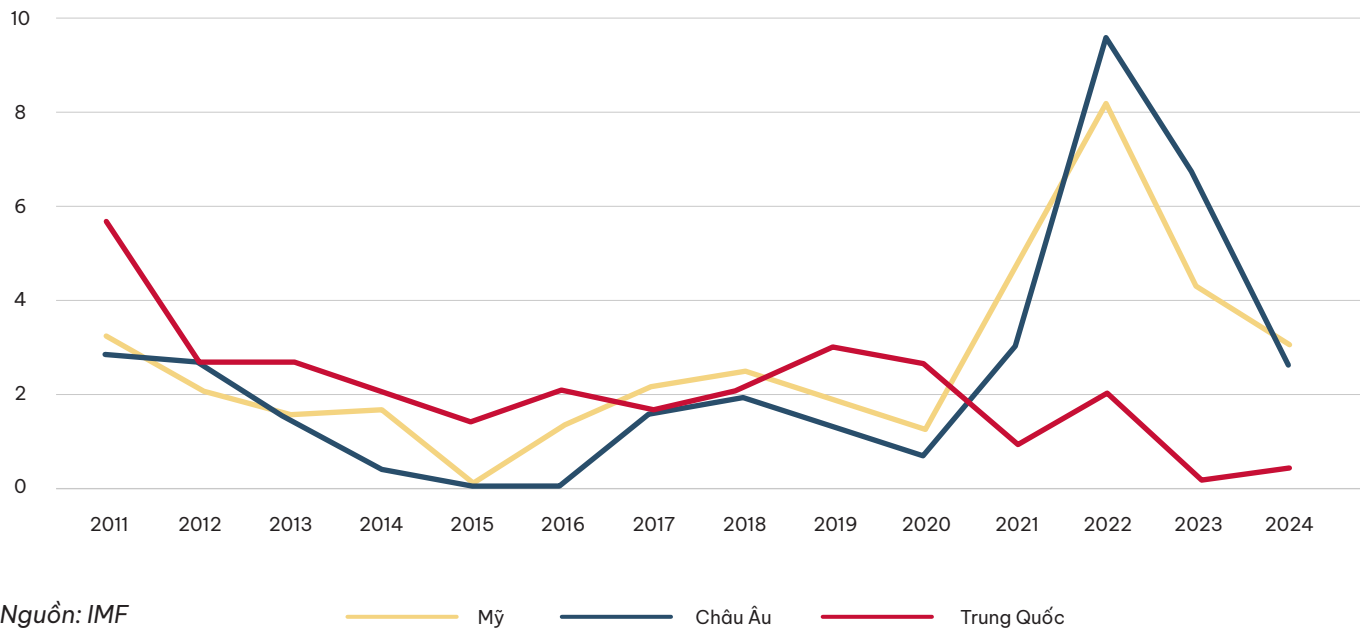
Lạm phát trên thế giới duy trì đà giảm năm thứ 2 liên tiếp sau Covid

Ngoại trừ Trung Quốc vẫn duy trì xu hướng giảm phát, xu hướng lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, điều này đóng vai trò quan trọng trong quyết định hạ lãi suất của các Ngân hàng Trung ương trên thế giới, góp phần tích cực giúp kinh tế thế giới tăng trưởng ổn định và bền vững. Tại Châu Âu mức lạm phát giảm từ 9,3% năm 2022 về

6,3% trong năm 2023 và về mức 2,6% năm 2024. Con số này ở Mỹ là giảm từ 4,1% năm 2023 về 3% năm 2024. Nhìn chung, phần lớn các quốc gia phát triển và gần 60% số nền kinh tế mới nổi, lạm phát tổng thể đã giảm về mục tiêu của ngân hàng trung ương.



Hình 3: Tình hình lạm phát các nền kinh tế lớn trên thế giới (%)



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

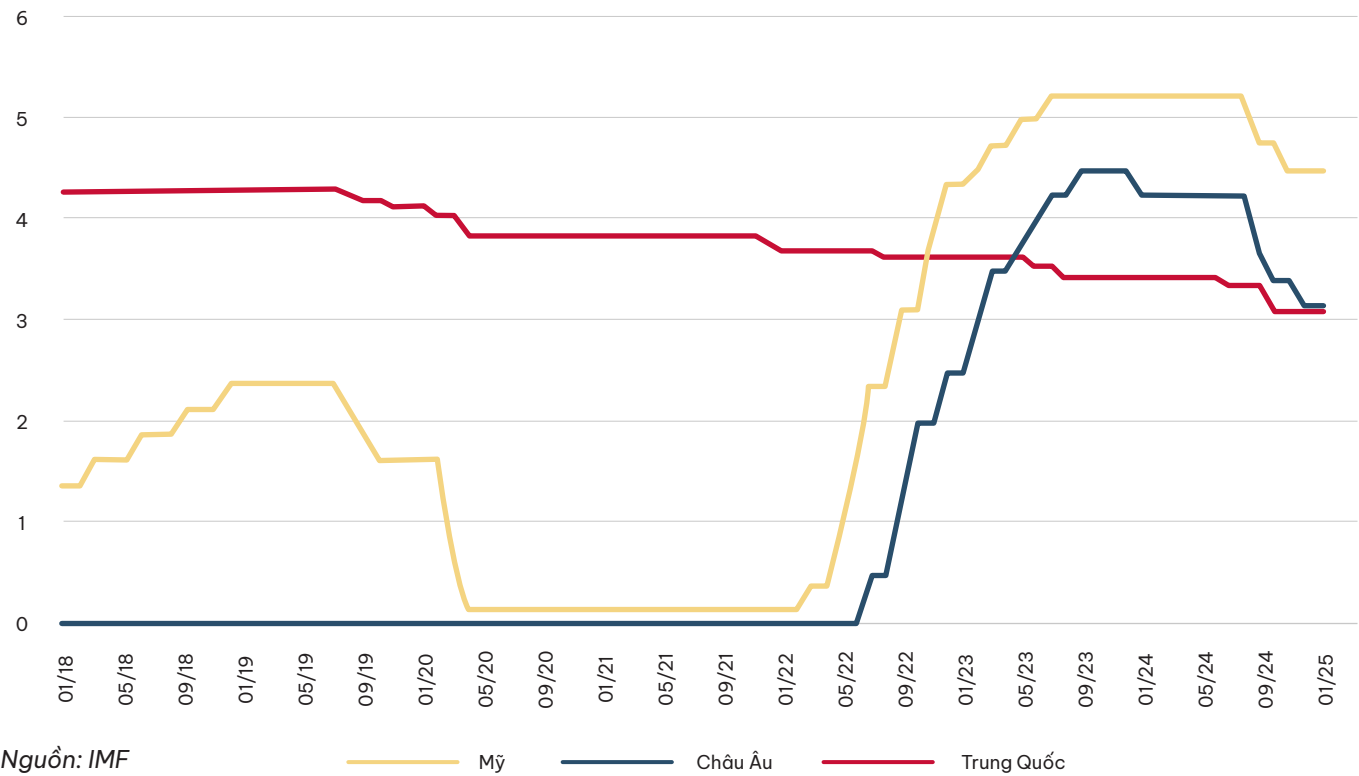
KINH TẾ VĨ MÔ 2024

Các Ngân hàng Trung Ương lớn chuyển sang nới lỏng chính sách tiền tệ, FED hạ lãi suất về mức 4,25 - 4,5% vào cuối năm 2024

Phần lớn các Ngân hàng Trung Ương trên thế giới áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích tăng trưởng kinh tế. Trong đó, Mỹ và Châu Âu có mức độ giảm lãi suất điều hành cao nhất kể từ giai đoạn Quý 2/2024. FED liên tục hạ lãi suất (3 lần trong năm 2024) nhằm kích cầu, giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy cho kinh tế

Mỹ. Trong khi đó, Ngân hàng Trung Ương Châu Âu (ECB) hạ lãi suất 4 lần trong năm 2024, đưa lãi suất về mức 3%. Những động thái này có tác động lan tỏa đến nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt tác động đến dòng vốn quốc tế và thị trường tài chính và tỷ giá hối đoái.

Hình 4: Lãi suất điều hành các nền kinh tế lớn (%)



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

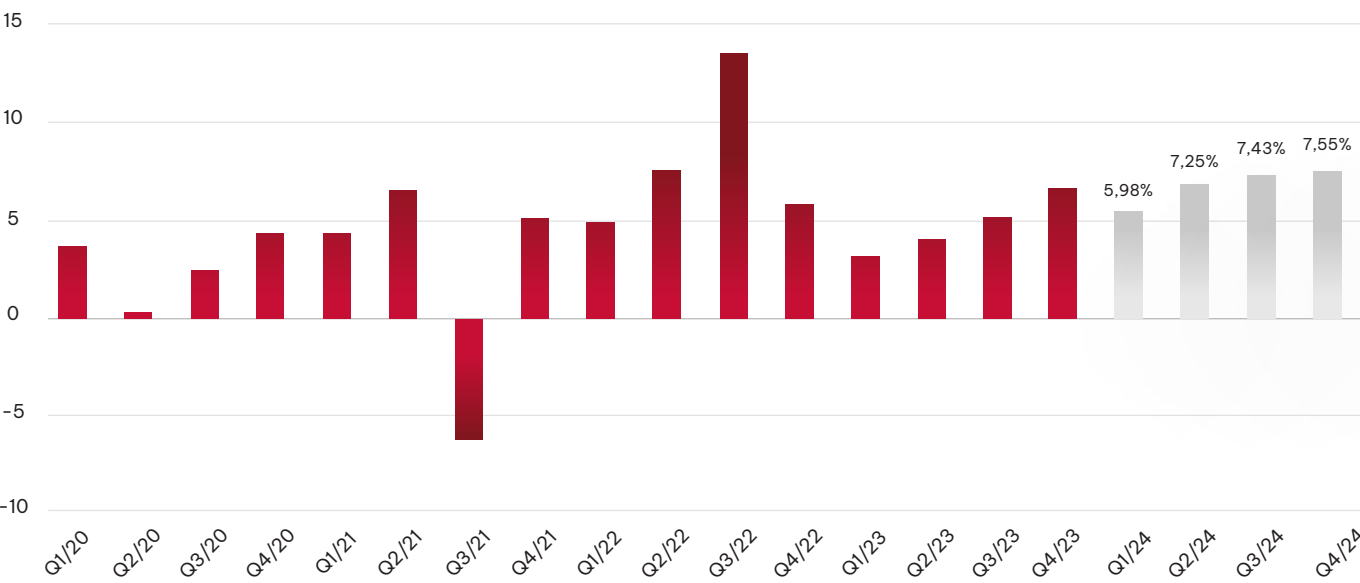
KINH TẾ VIỆT NAM

Tăng trưởng GDP vượt mức kế hoạch

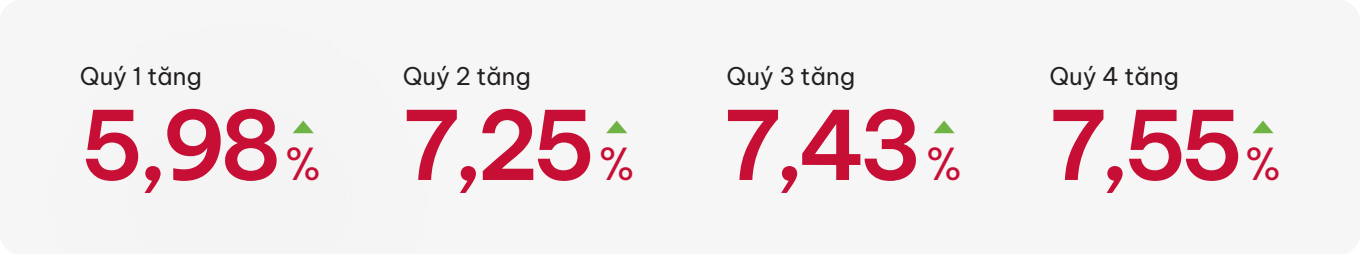
Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê (GSO), GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 - 2024, duy trì xu hướng tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước (Quý 1 tăng 5,98%, Quý 2 tăng 7,25%, Quý 3 tăng 7,43%, Quý 4 tăng 7,55%). Tăng trưởng

kinh tế vượt 7% của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn khó khăn, nhiều quốc gia tăng trưởng thấp. Với những thành tựu kinh tế ấn tượng của năm 2024, tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục được các tổ chức dự báo tích cực trong năm 2025.

Hình 5: Tăng trưởng GDP Việt Nam theo quý (% - yoy)



Nguồn: GSO



Xuất nhập khẩu: Xuất nhập khẩu hàng hóa tạo kỷ lục mới

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2024 đạt 786 tỷ USD – tăng gần 15,4% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%, nhập khẩu tăng 16,7%, xuất siêu cả năm đạt 24,77 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu phản ánh đúng thực tế trạng thái của nền kinh tế, nội tại phục

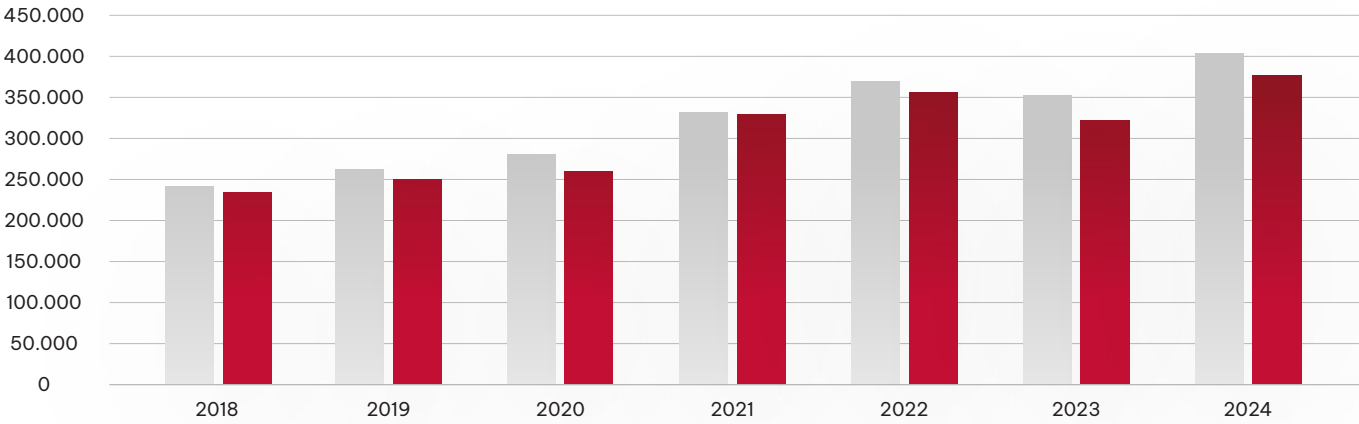
hồi mạnh khi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa trong nước tăng mạnh, trong khi đó nhu cầu nhập khẩu của các đối tác chưa thực sự mạnh (do nhu cầu kinh tế tại các quốc gia lớn vẫn đang còn yếu).

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VIỆT NAM

Xuất nhập khẩu: Xuất nhập khẩu hàng hóa tạo kỷ lục mới

Hình 6: Xuất nhập khẩu Việt Nam từ năm 2018 - 2024



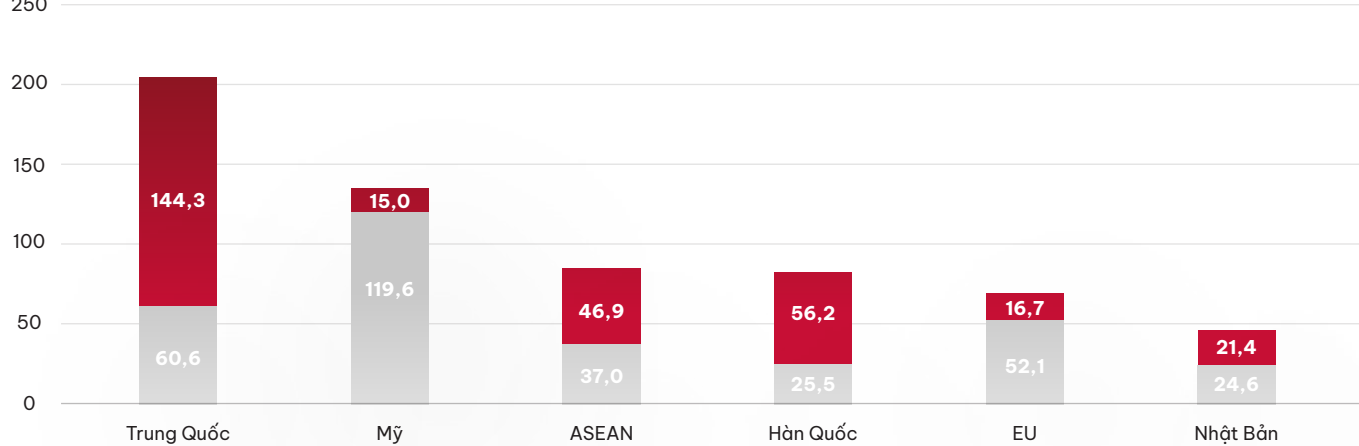
Nguồn: WiGroup, đơn vị: Triệu USD

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD. Trong năm 2024, xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 104,6 tỷ USD tăng 25,6% so với năm trước; xuất siêu sang EU 35,4 tỷ USD, tăng 23,2%; xuất siêu sang Nhật Bản đạt 3,2 tỷ USD, tăng 91,9%; nhập siêu từ Trung Quốc 83,7 tỷ USD,

tăng 69,5%; nhập siêu từ Hàn Quốc 30,7 tỷ USD, tăng 5,9%; nhập siêu từ ASEAN 9,9 tỷ USD, tăng 18,9%.

Về mặt hàng xuất khẩu, số liệu thống kê đã cho thấy rõ sự phục hồi rõ nét: tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm máy vi tính điện tử tăng trưởng 26,6%; gỗ tăng trưởng 33,5%; cao su chất dẻo tăng trưởng gần 30%; dệt may, vải tăng 14,2% - 16,7%...

Hình 7: Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 2024



Nguồn: Wigroup, đơn vị: tỷ USD

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

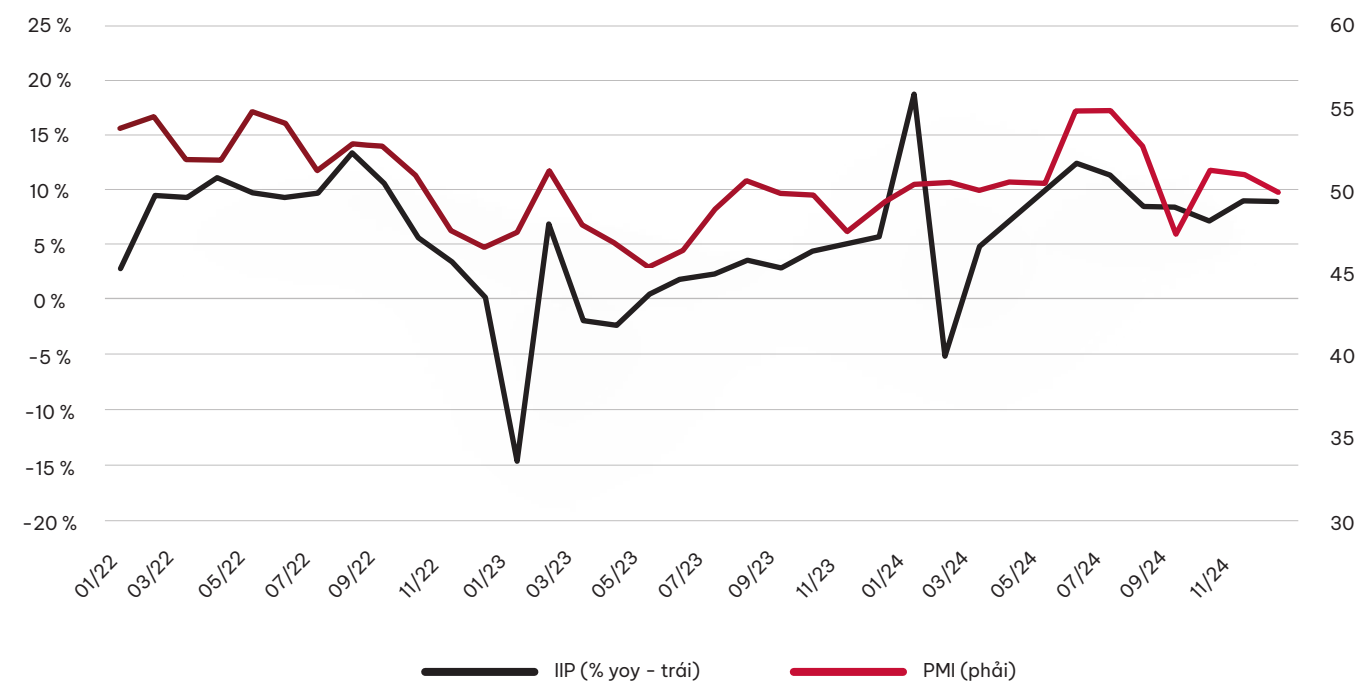
KINH TẾ VIỆT NAM

Sản xuất công nghiệp & PMI: Chỉ số PMI giảm nhẹ trong tháng cuối năm 2024

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 12/2024 đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm, đây là tháng thứ 3 trong năm 2024 có điểm số PMI dưới 50. Trong khi đó, trước giai đoạn Covid-19, chỉ số PMI của Việt Nam luôn trên mức 51 điểm. Theo báo cáo, ngành sản xuất Việt Nam đã mất đi động lực tăng trưởng trong tháng cuối năm 2024. Cùng với đó, chỉ số IIP cũng

chỉ có 3 tháng trên 10% trong năm 2024 – bất chấp mức nền khá thấp trong năm 2023 – thấp hơn nhiều so với tăng trung bình năm 2018 (12,1%). Ba điểm nổi bật trong tháng này bao gồm: sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm hơn; niềm tin kinh doanh giảm mạnh và đạt mức thấp nhất trong 19 tháng; việc làm và hàng tồn kho tiếp tục giảm.

Hình 8: Chỉ số PMI và sản xuất công nghiệp (IIP) Việt Nam



Nguồn: GSO và Wigroup

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

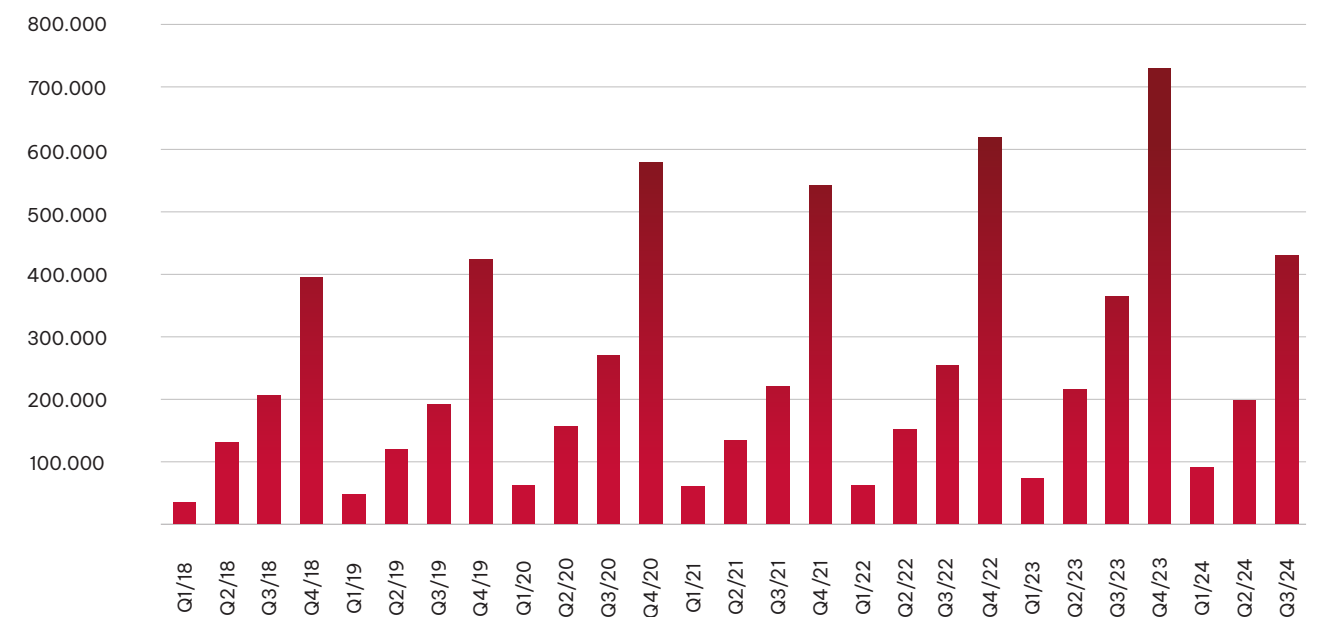
KINH TẾ VIỆT NAM

Đầu tư công: Tăng tốc vào cuối năm

Năm 2024 là năm quan trọng trong việc tạo nền tảng hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 ước đạt 411 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 77,6% kế hoạch của Chính

phủ đề ra. Đầu tư công đang tập trung đẩy mạnh vào giai đoạn sắp tới khi các dự án trọng điểm như sân bay Long Thành, cao tốc Bắc Nam là những ưu tiên hàng đầu.

Hình 9: Vốn đầu tư công lũy kế mỗi năm (đơn vị tính: tỷ đồng)



Nguồn: Bộ tài chính

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

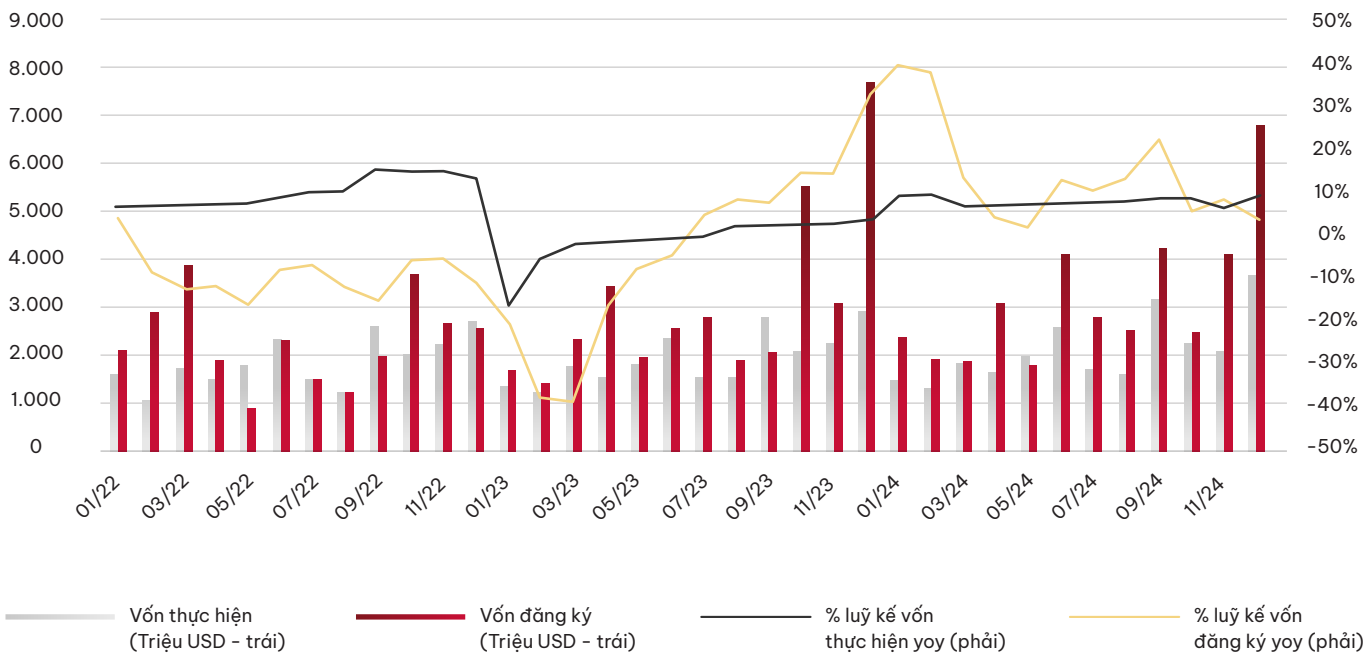
KINH TẾ VIỆT NAM

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân và FDI đăng ký tăng trưởng mạnh vào cuối năm

Cả năm 2024, FDI đăng ký ở mức 38,23 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ, trong khi đó FDI giải ngân tăng 9,4% đạt 25,35 tỷ USD. Vốn đăng ký đầu tư FDI tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 25,58 tỷ USD, chiếm 66,9% tổng vốn đăng ký, tiếp theo là ngành kinh doanh bất động sản với 6,31 tỷ USD, chiếm 16,5%. Về đối tác đầu tư, năm 2024 có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm 26,7% tổng

vốn, tăng 31,4% so với năm 2023. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5%, tăng 37,5%. Tiếp theo là Trung Quốc với 2,84 tỷ USD, chiếm 14,4%; Hồng Kông (Trung Quốc) với 2,17 tỷ USD, chiếm 11% tổng vốn đầu tư. Điều này cho thấy xu hướng dịch chuyển FDI rõ rệt từ các quốc gia “Trung Quốc+1” vào Việt Nam, trước bối cảnh xu hướng áp thuế của chính quyền Tổng thống Donald Trump vào Trung Quốc.

Hình 10: Vốn đăng ký, vốn thực hiện và tăng trưởng số lũy kế của FDI



Nguồn: GSO và Wigroup

Thị trường trái phiếu: Hoạt động phát hành cải thiện & ngân hàng vẫn chiếm tỉ trọng lớn đối với hoạt động phát hành

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 31/12/2024, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 443.457 tỷ đồng tăng 31% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai

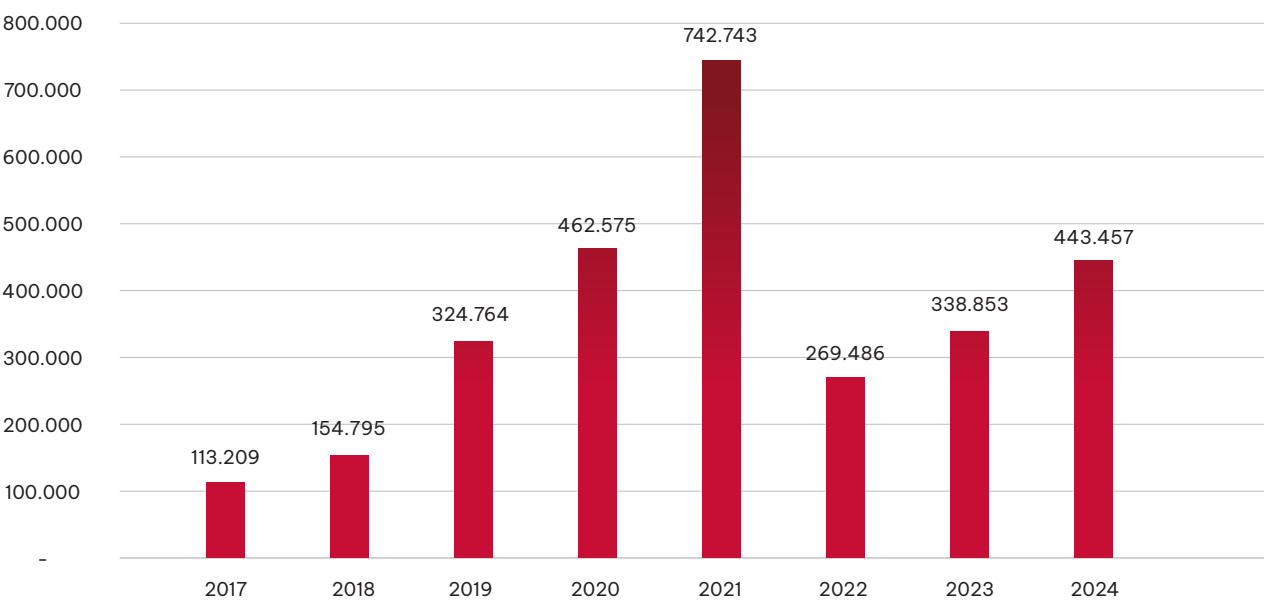
đoạn khủng hoảng năm 2022. Xét về cơ cấu tổ chức phát hành, ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng chính lên đến 69%, xếp sau là bất động sản với 20% (giảm mạnh so với giai đoạn trước đây, tỷ trọng phát hành của bất động sản chiếm từ 30% - 35%).

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VIỆT NAM

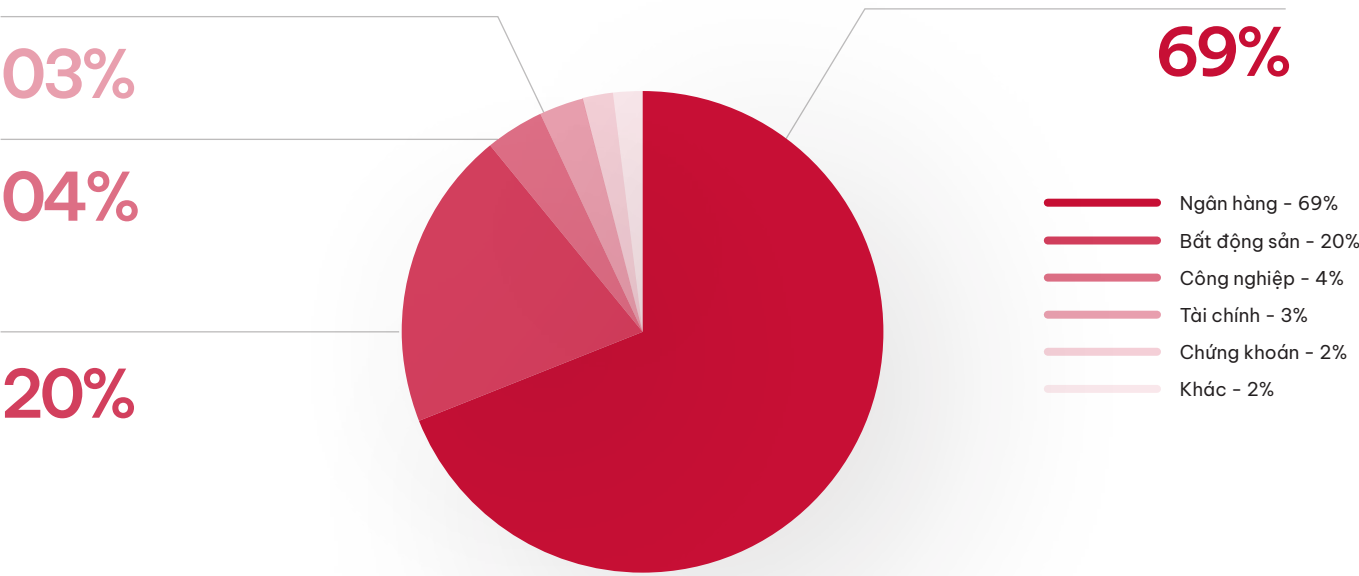
Thị trường trái phiếu: Hoạt động phát hành cải thiện & ngân hàng vẫn chiếm tỉ trọng lớn đối với hoạt động phát hành

Hình 11: Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp



Nguồn: VBMA, đơn vị: tỷ đồng

Hình 12: Cơ cấu phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2024



Nguồn: VBMA

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

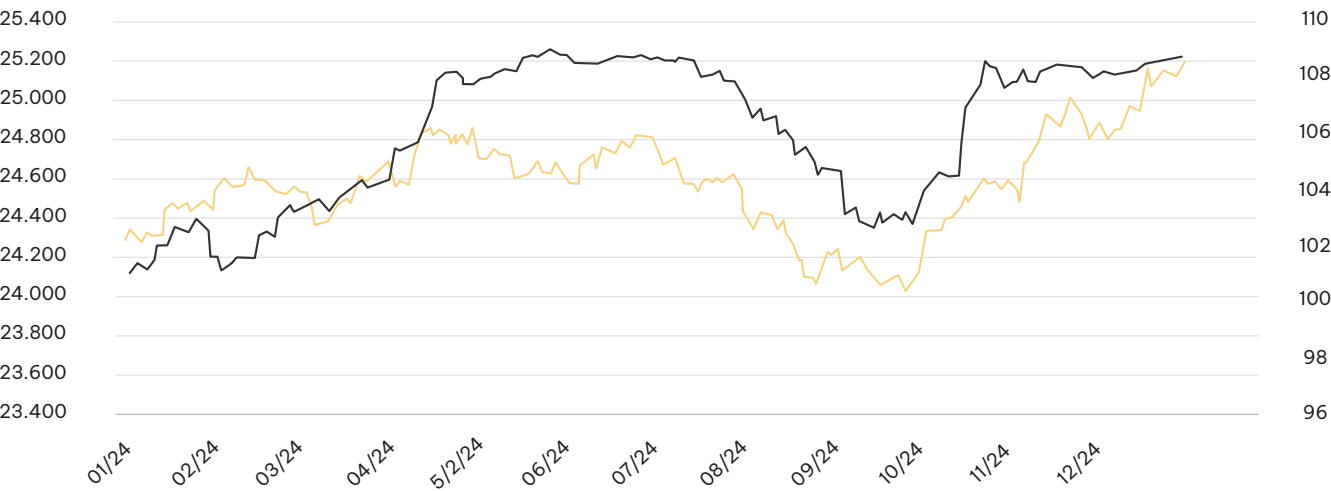
KINH TẾ VIỆT NAM

Tỷ giá USD/VND: cả năm mất giá 4,7%, chịu áp lực lớn từ DXY

Tỷ giá USD/VND mất giá 4,7% so với đầu năm 2024, trong bối cảnh đồng USD có xu hướng tăng giá khi chỉ số DXY tăng mạnh từ 100 lên đỉnh 108. Tỷ giá đã lên đến mức đỉnh trong giai đoạn Quý 3/2024 ở mức 25.485 và đang có

dấu hiệu gia tăng trong 2 tháng cuối năm 2024. Việc đón nhận thông tin lạm phát cao hơn dự kiến trong tháng 10 của Mỹ đã tác động đến chỉ số DXY, từ đó tác động lên tỷ giá USD/VND.

Hình 13: Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND và DXY



Nguồn: Wigroup — Tỷ giá USD/VND LNH — DXY (phải)

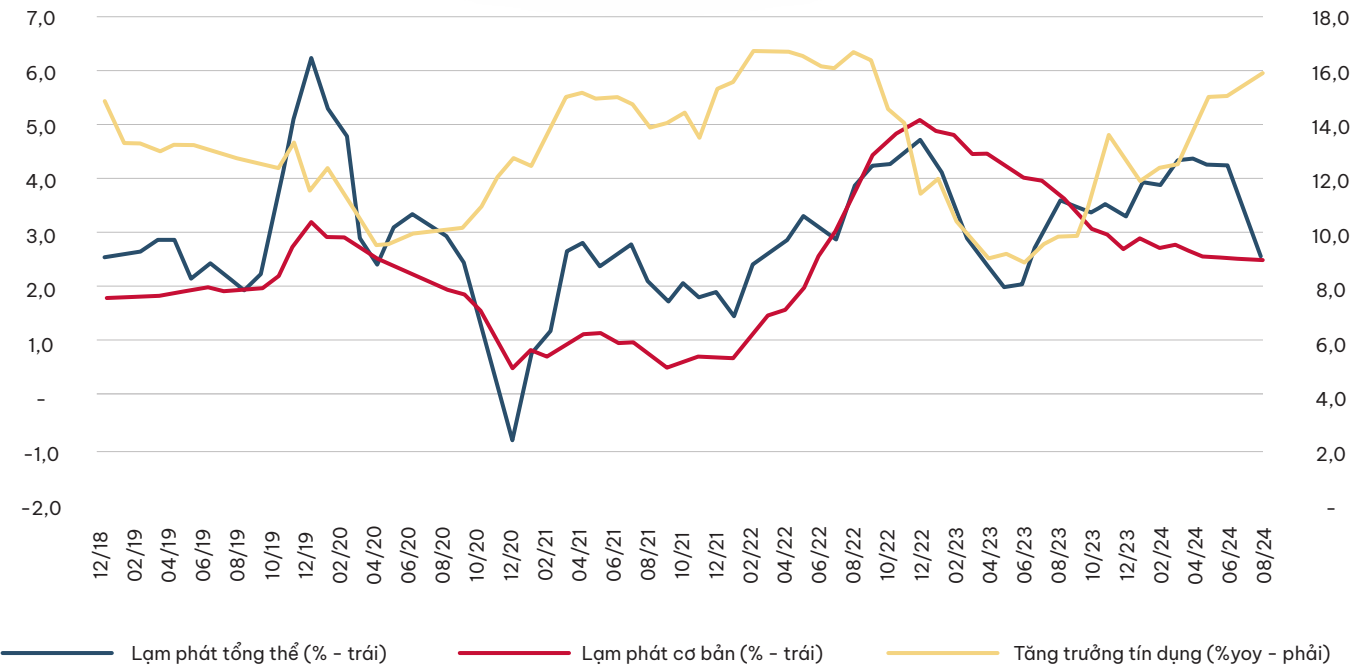


Lạm phát 2024: dưới mục tiêu của Chính phủ & tạo tiền để cho tín dụng tăng trưởng 15%

Lạm phát tổng thể và lạm phát cơ bản có xu hướng giảm trong năm 2024. Bình quân cả năm 2024, lạm phát tổng thể bình quân tăng 3,63%, thấp hơn mục tiêu 4% - 4,5% Chính phủ đề ra, lạm phát cơ bản trung bình cả năm 2024 tăng 2,71%. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong nước, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô – là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế

của Việt Nam năm 2024. Do vậy, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng tín dụng bứt tốc vào những thời điểm cuối năm, vượt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% đề ra. Đây là kết quả của việc áp dụng các chính sách linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với diễn biến thế giới, cũng như diễn biến của lạm phát trong nước.

Hình 14: Lạm phát cơ bản, lạm phát tổng thể và tăng trưởng tín dụng



Nguồn: GSO, SBV

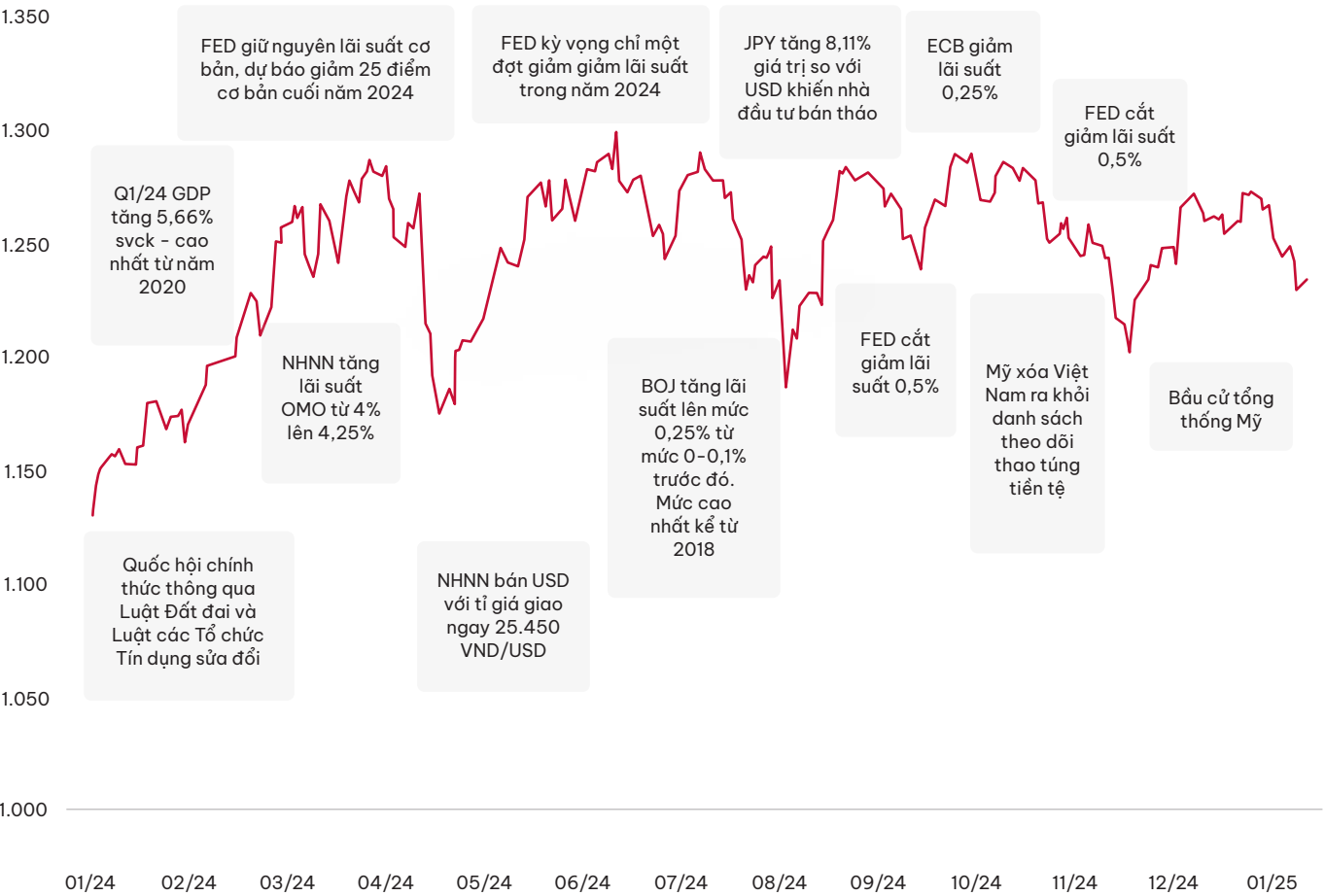
ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2024

Nhận định chung: Một năm thách thức – VN-Index nhiều lần vượt mức 1.300 nhưng không thành, kết thúc năm 2024 ở mức 1.267 điểm (tăng 12,11% so với đầu năm). Thanh khoản thị trường tăng tốc trong nửa đầu năm 2024, theo đà tăng của chỉ số, nhưng sau đó giảm xuống còn khoảng

15.000 tỷ đồng mỗi phiên giao dịch trong giai đoạn tháng 10 – tháng 12. Tính cho cả năm, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HoSE đạt 21.500 tỷ đồng (tăng khoảng 23% so với cùng kỳ năm trước).

Hình 15: Biến động VN-Index trong 1 năm



Nguồn: DNSE tổng hợp

Khối ngoại bán ròng mạnh trong năm 2024

Theo thống kê của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE), nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 90.311 tỷ đồng trên sàn HoSE, tương đương hơn 3,55 tỷ

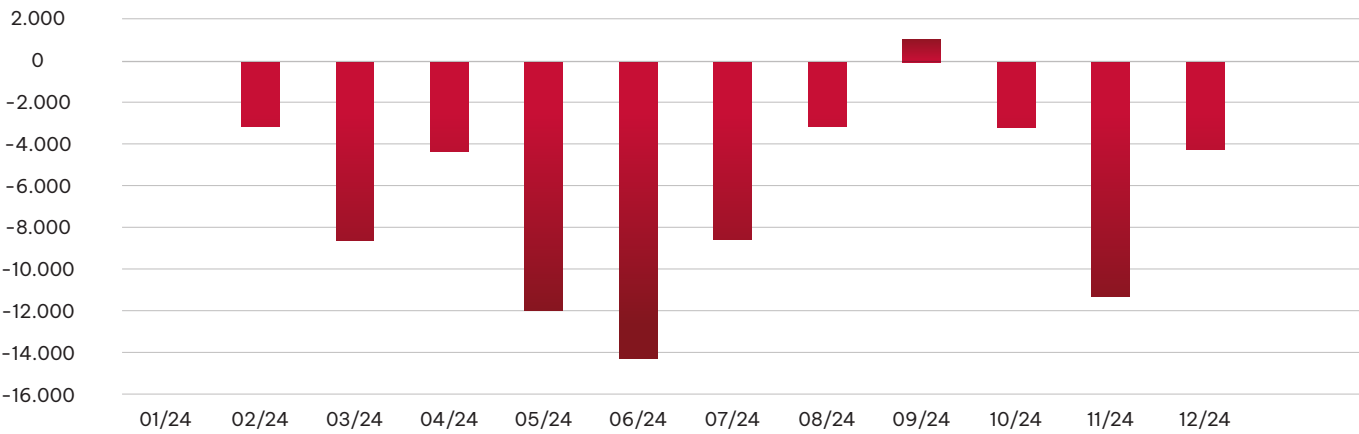
USD. Nếu tính toàn thị trường chứng khoán, con số sẽ vượt 93.000 tỷ đồng. Đây là mức kỷ lục trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2024

Khối ngoại bán ròng mạnh trong năm 2024

Hình 16: Giá trị mua (bán) ròng của khối ngoại theo các tháng năm 2024



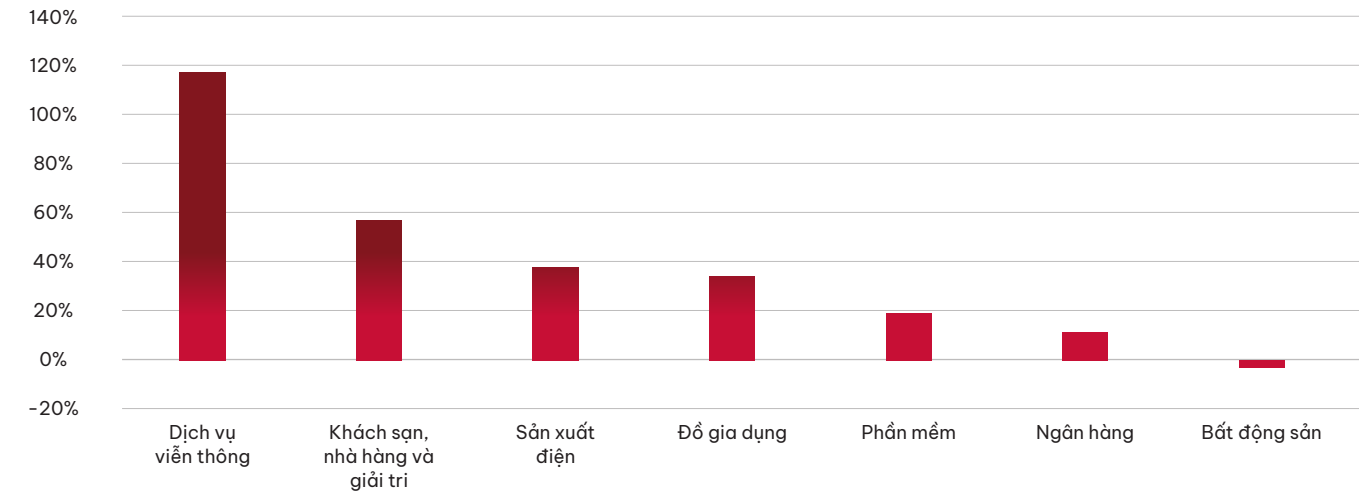
Nguồn: Vietstock, đơn vị: tỷ đồng

Viễn thông và công nghệ là các ngành có hiệu suất tốt nhất trong năm 2024

Bất chấp việc bán ròng của khối ngoại, một số ngành vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt trong năm 2024, như ngành dịch vụ viễn thông – mức tăng giá cổ phiếu của ngành này lên đến 118%, ngành khách sạn, nhà hàng và giải trí tăng đến 57,7%, ngành sản xuất điện 38,5%, ngành đồ gia dụng

34,3%, ngành phần mềm công nghệ tăng 19,6%. Các ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa lớn như ngân hàng cũng tăng 11,7%, tuy nhiên nhóm ngành quản lý và phát triển bất động sản giảm 3,2%.

Hình 17: Mức tăng giá cổ phiếu một số ngành chính năm 2024



Nguồn: WiGroup, DNSE

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ THẾ GIỚI 2025

Tăng trưởng GDP thế giới dự báo tăng trưởng 3,2% trong năm 2025, tương đương 2024

Theo dự báo của Quỹ tiền tệ thế giới vào tháng 10/2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức 3,2% trong năm 2025 – tương đương mức tăng năm 2024 (trong đó tăng trưởng của các quốc gia phát triển tăng 1,8%, các quốc gia mới nổi và đang phát triển tăng trưởng 4,2%), trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị vẫn chưa hạ nhiệt, các bất ổn về chính sách gia tăng và sự phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia.

Theo IMF, lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm về mức 4,3% trong năm 2025 từ mức 5,8% năm 2024, khi cuộc chiến chống lạm phát đã có tiến triển tích cực, lạm phát đang tiến gần mục tiêu của các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, Anh và khu vực EU: lạm phát của Mỹ dự báo sẽ về mức 1,9%; lạm phát EU về mức 2,3%; và lạm phát của các quốc gia mới nổi & đang phát triển sẽ về mức 5,9% từ mức 7,9% của năm 2024. Với áp lực lạm phát suy giảm, chính sách tiền tệ toàn cầu đã được nới lỏng và chuyển trọng tâm sang thúc đẩy tăng trưởng kinh tế từ nửa cuối năm 2024. Nhiều ngân hàng trung ương của các nền kinh tế lớn đã bắt đầu cắt giảm lãi suất, như ECB và FED đã giảm tổng cộng 75 điểm cơ bản, trong khi Anh cũng đã hạ lãi suất 50 điểm cơ bản. Quá trình hạ lãi suất dự báo được tiếp tục diễn ra trong năm

2025, tuy nhiên tần suất có thể sẽ ít hơn so với kế hoạch trước đây.

Giá dầu thế giới được tiếp tục dự báo giảm từ 76\$ xuống 69\$/thùng (giảm 10% so với 2023) do cung vượt cầu, cũng như nhu cầu toàn cầu phục hồi chậm, đặc biệt tại Trung Quốc. Ngoài ra, xu hướng dịch chuyển sang các nguồn năng lượng tái tạo và xu hướng phát triển ô tô điện trên thế giới là những nguyên nhân chính khiến giá dầu suy yếu trong phần lớn thời gian của năm nay và những năm tiếp theo. Triển vọng giá dầu thô năm 2025 sẽ phụ thuộc vào 3 câu chuyện chính: khả năng thẩm thấu các chính sách kích cầu tới nền kinh tế Trung Quốc, khả năng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tác động tiêu cực tới kinh tế toàn cầu và khả năng tổng thống Trump hiện thực hóa các cam kết về việc gia tăng sản lượng khai thác dầu thô của Mỹ. Khối OPEC+ có thể sẽ tiếp tục trì hoãn nới lỏng cắt giảm sản lượng nếu triển vọng cung cầu không cải thiện. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị leo thang và sự bất ổn về chính sách thương mại gia tăng, cũng như sự phân mảnh trong thương mại có thể làm gián đoạn mạng lưới thương mại toàn cầu gây tác động lên giá hàng hóa, trong đó có giá dầu.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức

3,2%

trong năm 2025

Tăng trưởng của các quốc gia phát triển tăng

1,8%

Các quốc gia mới nổi và đang phát triển tăng trưởng

4,2%

Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm về mức

4,3%

trong năm 2025

Từ mức

5,8%



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ THẾ GIỚI 2025



Mỹ: tái định hình chiến lược kinh tế toàn cầu với khẩu hiệu “Kinh tế Mỹ vì người Mỹ” trong bối cảnh nới lỏng chính sách tiền tệ của FED

Chính sách kinh tế của chính quyền Tổng thống Donald Trump và định hướng tiền tệ của FED sẽ có ảnh hưởng sâu rộng đối với nền kinh tế Mỹ cũng như dòng vốn quốc tế và thương mại toàn cầu. Chính quyền Trump tiếp tục thúc đẩy các chính sách bảo hộ thương mại, cải cách thuế và đầu tư công, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Mỹ. Cùng với đó, xu hướng hạ lãi suất của FED để kích thích tăng trưởng, dù cũng phải đối mặt với thách thức kiểm soát lạm phát trong bối cảnh nợ công của Mỹ đang ở mức cao. Những yếu tố này đang tái định hình nền kinh tế Mỹ và gây áp lực lên chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư toàn cầu. Năm 2025 sẽ là bước ngoặt quan trọng, quyết định bức tranh kinh tế thế giới trong 5 năm tới.

Chính quyền Donald Trump đã tập trung hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân như một trụ cột chiến lược, thông qua việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 21% xuống 15%, khuyến khích dòng vốn quay trở lại Mỹ, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất chiến lược. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đơn giản hóa quy trình pháp lý và giảm

thiểu các rào cản hành chính, đồng thời áp đặt thuế nhập khẩu cao và tái đàm phán các hiệp định thương mại quốc tế nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp chủ chốt của Mỹ, đặc biệt là đối với hàng hóa Trung Quốc.

Tuy nhiên, các biện pháp bảo hộ này dự báo sẽ tạo ra xáo trộn trong dòng vốn đầu tư và thương mại quốc tế, khiến các đối tác thương mại của Mỹ phải điều chỉnh chiến lược và tái cơ cấu chuỗi cung ứng. Đầu tư vào công nghệ cao và AI cũng là một phần quan trọng trong chiến lược của chính quyền Trump, với mục tiêu tăng cường nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các lĩnh vực mũi nhọn như sản xuất bán dẫn, y tế công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Những chính sách này không chỉ củng cố vị thế của Mỹ trong các lĩnh vực đổi mới toàn cầu mà còn mở ra cơ hội việc làm và thị trường mới, giúp Mỹ duy trì sự bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. Trong giai đoạn 2025 – 2028, triển vọng kinh tế Mỹ sẽ rất tích cực, với tăng trưởng ổn định và mở rộng phạm vi ảnh hưởng toàn cầu.

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ THẾ GIỚI 2025

Mỹ tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong các ngành sản xuất chip, trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lượng tái tạo, định hình lại nền kinh tế thế giới theo hướng có lợi cho mình. Các ngành sản xuất trong nước sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn so với đối thủ quốc tế, giúp nền kinh tế Mỹ bước vào giai đoạn tăng trưởng ổn định và thiết lập những chuẩn mực mới trong sản xuất, thương mại và tài chính.

Cùng với đó, chính sách tiền tệ của FED sẽ đóng vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định kinh tế. Sau giai đoạn thắt chặt để kiểm soát lạm phát trong 2023 – 2024, FED dự kiến nới lỏng thận trọng vào năm 2025, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế Mỹ bước vào chu kỳ tăng trưởng ổn định. Sự kết hợp giữa nền tảng kinh tế mạnh mẽ và chính sách tiền tệ linh hoạt sẽ giúp Mỹ duy trì vai trò dẫn dắt chu kỳ tăng trưởng bền vững toàn cầu.

Sự hồi phục kinh tế Trung Quốc vẫn là ẩn số

Trung Quốc đang đối mặt với nguy cơ giảm tốc tăng trưởng kinh tế dài hạn do tác động từ cuộc chiến thương mại với Mỹ, đặc biệt dưới thời Tổng thống Donald Trump. Theo tổ chức dự báo quốc tế Consensus, tăng trưởng GDP chịu tác động tiêu cực từ chính sách của Trump, có thể làm giảm GDP Quý 4/2025 của Trung Quốc từ mức 4,5% xuống mức 3,9%, Quý 1/2026 xuống 3,4%, là mức thấp đối với kinh tế Trung Quốc. Ngoài ra, lĩnh vực bất động

sản đóng góp 30% GDP của Trung Quốc, đã và đang gặp khủng hoảng thanh khoản và sụp đổ các tập đoàn lớn, gây mất niềm tin, kéo theo suy giảm đầu tư, tác động một cách đáng kể lên kinh tế Trung Quốc.

Chính sách thuế nhập khẩu chính quyền Donald Trump để xuất có thể tạo ra rủi ro lớn đối với hàng hóa Trung Quốc, ảnh hưởng mạnh mẽ đến chuỗi sản xuất và thương mại “Made in China” trong nhiều năm tới. Đây là một “điều kiện mới khắc nghiệt” mà nền kinh tế Trung Quốc sẽ phải đối mặt. Các biện pháp áp thuế của chính quyền Trump tác động tiêu cực và làm suy yếu vai trò chuỗi công xưởng sản xuất toàn cầu tại Trung Quốc. Thêm vào đó, việc dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Đông Nam Á và Ấn Độ càng tăng áp lực lên kinh tế Trung Quốc.

Tăng trưởng GDP chịu tác động tiêu cực từ chính sách của Trump, có thể làm giảm GDP Quý 4/2025 của Trung Quốc từ mức 4,5 % xuống mức

3,9%



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VIỆT NAM 2025

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2025 được dự báo 6,5% - 7,0%, phấn đấu đạt mục tiêu 7,0% - 7,5%. Đầu tư công là trụ cột trong giai đoạn 2025 - 2028, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn 2025 - 2028 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi Việt Nam tập trung hoàn thiện hạ tầng trung hạn, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững, và hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP 2 con số. Các dự án đầu tư công trọng điểm trong giao thông, logistics và phát triển đô thị sẽ đóng vai trò chủ chốt, kết nối các vùng kinh tế trọng điểm, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy liên kết vùng.

Hệ thống đường bộ và đường sắt cao tốc được coi là mạch máu kinh tế, giúp giảm thời gian di chuyển, chi phí vận tải và tăng hiệu quả giao thương giữa Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các khu vực vệ tinh. Đặc biệt, dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam với tổng vốn đầu tư 67 tỷ USD sẽ là bước đột phá, không chỉ rút ngắn khoảng cách Bắc - Nam mà còn thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ dọc hành lang kinh tế.

Giai đoạn này chứng kiến mức đầu tư công kỷ lục, với tổng vốn giải ngân ước đạt hơn 2.400.000 tỷ đồng, tăng 30% so với trước, với mục tiêu giải ngân trên 90%, đảm bảo triển khai đồng bộ các dự án hạ tầng chiến lược. Đây sẽ là động lực thúc đẩy kinh tế nội địa, lan tỏa đến các ngành công nghiệp phụ trợ, xây dựng và dịch vụ, tạo đà phát triển bền vững. Sự tập trung này thể hiện quyết tâm cải thiện hạ tầng và chiến lược dài hạn của Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc để hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tổng vốn giải ngân ước đạt hơn

2.400.000 tỷ đồng

tăng 30% so với trước, với mục tiêu giải ngân trên 90%

Thương mại toàn cầu hỗ trợ Việt Nam tăng trưởng & kỳ vọng thành đối tác thân thiện với Mỹ

Thương mại toàn cầu sôi động dự kiến sẽ hỗ trợ xuất khẩu Việt Nam trong năm 2025. Xuất khẩu Việt Nam dự báo sẽ tăng từ 9% đến 10% nhờ vào các yếu tố sau: (1) Ngân hàng Thế giới dự báo thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu sẽ tăng 3,4% trong năm 2025, cao hơn mức 2,5% của năm 2024; (2) Việt Nam sẽ tận dụng các hiệp định thương mại song phương/khu vực như CPTPP và RCEP để thúc đẩy cải cách trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. (3) Việt Nam có thể được hưởng lợi trong việc Mỹ đánh thuế hàng hóa Trung Quốc, cũng như tận dụng được vị thế đối tác chiến lược toàn diện với Chính phủ Hoa Kỳ. Quan hệ ngoại giao Đối tác chiến lược toàn diện giúp Việt Nam tham gia vào các chuỗi thương mại quan trọng như bán dẫn và công nghệ cao; (4) Việt Nam chủ động giảm thuế nhập khẩu với Mỹ thông qua kế hoạch nhập khẩu khí LNG, mua máy bay và hợp đồng quân sự, từ đó duy trì cân bằng thương mại với Mỹ.

Chính sách thuế nhập khẩu 10% mà Mỹ đề xuất sẽ tạo áp lực lên lợi nhuận của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, đặc

biệt trong các ngành điện tử, máy móc, dệt may, da giày và đồ gỗ, vì khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc vào thị trường Mỹ. Tuy nhiên, mức thuế này áp dụng đồng đều cho tất cả các quốc gia (ngoại trừ một số quốc gia đặc biệt như Trung Quốc, Mexico và Châu Âu), giúp Việt Nam duy trì lợi thế cạnh tranh của mình. Do vậy, Việt Nam có ít rủi ro bị đánh thuế “đặc biệt” nhờ cơ cấu xuất khẩu không quá phụ thuộc vào Trung Quốc, quốc gia chính bị Mỹ áp thuế. Tuy nhiên, hoạt động thương mại vẫn tồn tại một số rủi ro, bao gồm căng thẳng và xung đột địa chính trị kéo dài, cùng với chính sách thuế của Mỹ, đặc biệt là việc áp dụng thuế quan rộng hơn, có thể làm gián đoạn chuỗi giá trị toàn cầu và ảnh hưởng đến các đối tác thương mại chính của Việt Nam. Tuy vậy, Việt Nam đang có vị thế thuận lợi để vươn lên trong chuỗi cung ứng toàn cầu, chuyển hướng sang các ngành sản xuất và dịch vụ có giá trị cao hơn. Ngành sản xuất hiện chiếm khoảng 69% tổng vốn FDI và đã chứng tỏ sức hút của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển mình từ một trung tâm sản xuất chi phí thấp sang các ngành có giá trị gia tăng cao.



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

KINH TẾ VIỆT NAM 2025

Chính sách tiền tệ: dư địa dành cho Chính sách tiền tệ không còn nhiều

Ngân hàng Nhà nước với 3 mục tiêu chính: tăng trưởng GDP, ổn định lạm phát và giữ vị thế tiền đồng (VND). Nhìn chung, tăng trưởng GDP và lạm phát được dự báo sẽ đạt được mục tiêu Chính phủ đề ra. Biến số tỷ giá USD/VND chịu 3 tác động chính: (1) chịu sức ép từ mục tiêu giữ vị thế đồng USD mạnh từ chính quyền Tổng thống Trump; (2) chịu tác động bởi tổng cung cầu ngoại tệ trong nước; (3) bộ đệm thanh khoản (dự trữ ngoại hối).

(1) Chỉ số DXY, sau một năm 2024 tăng mạnh (kết thúc năm ở mức 108 - 108,5 - tăng khoảng 6,5% - 7% so với cuối năm 2023 và biên độ dao động tối đa lên đến 8%), bước vào năm 2025 với nhiều ẩn số khó lường nhưng xu hướng chung kỳ vọng là đi lên. Đồng USD chịu sức ép giữ vị thế đồng USD mạnh so với các quốc gia lớn khác và mối lo áp lực lạm phát có thể quay trở lại (dưới tác động của các biện pháp thuế quan), từ đó kéo theo lộ trình nới lỏng chậm lại của FED.

(2) Đối với cung cầu ngoại tệ, cân đối cung cầu ngoại tệ dự kiến có thể cải thiện so với năm 2024 dù chưa dỗi dào, chuyển từ thâm hụt sang cân bằng. Trong đó, giải ngân FDI kỳ vọng có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối tích cực 8% - 10% nhờ hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất Trung Quốc +1. Cán cân thương mại

dự kiến thặng dư ở mức thấp hơn so với năm trước - ước đạt khoảng 19 - 20 tỷ USD, chủ yếu do thương mại toàn cầu chậm lại và nhu cầu nhập khẩu cho các dự án đầu tư công lớn có xu hướng gia tăng.

Dự trữ ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước ước tính cuối 2024 ở mức 82 tỷ USD, tương đương 2,6 tháng nhập khẩu, thấp hơn ngưỡng tối thiểu 3 tháng nhập khẩu (theo khuyến nghị của IMF). Do vậy, trước áp lực lớn của DXY trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước sẽ còn ít dư địa để can thiệp thị trường ngoại hối, để bình ổn tỷ giá USD/VND đặc biệt trong bối cảnh nợ xấu của hệ thống ngân hàng đang ở mức cao (2,3%), và tỷ lệ bao nợ xấu giảm, chỉ còn mức 82%.

Mặc dù vậy, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu áp lực duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, duy trì mặt bằng môi trường lãi suất thấp nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, với mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng từ 7,0% đến 8,5%. Tuy nhiên, để ổn định tỷ giá, mặt bằng lãi suất khó có thể duy trì ở mức thấp, dự báo sẽ tăng nhẹ khoảng 50 điểm và có kiểm soát, phù hợp với diễn biến tăng trưởng kinh tế và tín dụng. Mức lãi suất này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để duy trì đà tăng trưởng tín dụng, đồng thời đảm bảo sự ổn định của thị trường vốn và hệ thống ngân hàng.

FDI kỳ vọng có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối tích cực

8-10 %

Dự trữ ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước ước tính cuối 2024 ở mức

82 tỷ USD

Cán cân thương mại dự kiến thặng dư ở mức thấp hơn so với năm trước - ước đạt khoảng

19-20 tỷ USD

Mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng từ

7,0-8,5 %

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

Cơ hội: Kỳ vọng vào việc nâng hạng thị trường mới nổi hạng 2 của FTSE vào tháng 9

Khả năng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên nhóm “thị trường mới nổi” trong giai đoạn 2025 – 2027 được kỳ vọng sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính nói chung cũng như thị trường chứng khoán nói riêng. Hiện nay, theo tiêu chí của FTSE Russell, Việt Nam đã đáp ứng được 7/9 tiêu chí nâng hạng; hai tiêu chí cần cải thiện bao gồm việc gỡ bỏ yêu cầu bắt buộc nhà đầu tư nước ngoài phải ký quỹ trước khi giao dịch (prefunding) và xử lý giao dịch không thành công (failed trade management). Trong năm 2024, với việc Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 68, tiêu chí non-prefunding đã được triển khai. Với tiêu chí cuối cùng để nâng hạng là xử lý giao dịch không thành công (failed trade management), đây được xem là giải pháp căn cơ để áp dụng cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm (CPP). Trong Luật Chứng Khoán sửa đổi cuối năm 2024, cho phép VSDC được phép thành lập công ty con để thực hiện nghiệp vụ thanh toán bù trừ trung

tâm, sẽ hứa hẹn giải quyết được tiêu chí cuối cùng trong việc nâng hạng.

Theo FTSE, việc nâng hạng sẽ thu hút dòng vốn quốc tế lớn từ 5 – 7 tỷ USD từ các quỹ quốc tế, cải thiện cấu trúc và tăng tính minh bạch cho thị trường vốn. Điều này không chỉ tăng thanh khoản mà còn giúp doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả hơn. Các lĩnh vực như công nghệ, năng lượng tái tạo và sản xuất sẽ được hưởng lợi lớn, củng cố niềm tin của nhà đầu tư quốc tế và đưa Việt Nam trở thành một điểm đến hấp dẫn trong bản đồ tài chính toàn cầu. Sự kiện này dự báo sẽ thay đổi hoàn toàn cục diện của thị trường chứng khoán, biến nó từ một công cụ giao dịch thành một nền tảng tài chính hỗ trợ tăng trưởng dài hạn, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.



Việt Nam đã đáp ứng được

7/9 tiêu chí nâng hạng

Việc nâng hạng sẽ thu hút dòng vốn quốc tế lớn từ

5-7 tỷ USD



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024 & TRIỂN VỌNG 2025

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

Định giá đang ở vùng thấp của lịch sử



Trong kịch bản cơ sở, trong năm 2025, mức định giá P/E thị trường được dự đoán sẽ cải thiện từ mức 13,5 (cuối 2024) đến mức 12,5 – 13,0. P/E hiện tại đang ở dưới 1 độ lệch chuẩn so với trung bình 10 năm. Tăng trưởng EPS được dự báo ở mức tăng 7% – 10% do thị trường chịu nhiều yếu tố đẩy biến động và bất định (hành động của khối ngoại, chính sách của Tổng thống Trump, xung đột địa chính trị). Do vậy, vùng điểm hợp lý của VN-Index trong năm 2025 nằm trong khoảng 1.237 – 1.323 (trung bình ở mức 1.280).

Ở kịch bản tích cực hơn, trong bối cảnh thị trường chứng khoán được nâng hạng trong năm 2025 theo tiêu chí của FTSE, tăng trưởng EPS được dự báo sẽ tích cực hơn, tăng từ 10% – 15%, do vậy vùng điểm hợp lý của VN-Index đối với kịch bản tích cực nằm trong biên độ 1.323 – 1.436.

Trong kịch bản cơ sở, Tăng trưởng EPS được dự báo ở mức tăng

7-10 %

Ở kịch bản tích cực hơn, tăng trưởng EPS được dự báo sẽ tích cực hơn, tăng từ

10-15 %



ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024
& TRIỂN VỌNG 2025
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

Thách thức

Rủi ro từ chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ & lạm phát của Mỹ

Các chính sách bảo hộ thương mại mạnh mẽ hơn từ chính quyền Donald Trump có thể tác động tiêu cực dòng vốn đầu tư toàn cầu, dẫn đến biến động lớn trên thị trường tài chính quốc tế và ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn ngoại vào Việt Nam. Việc duy trì vị thế mạnh của đồng USD gây áp lực lên tỷ giá USD/VND, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán, làm suy giảm thanh khoản tài chính và có thể đẩy nhanh xu hướng rút vốn khỏi Việt Nam. Điều này sẽ làm suy yếu niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài, tác động không nhỏ đến ổn định kinh tế và sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam.

Rủi ro lạm phát Mỹ tác động chính sách tiền tệ của FED

Hiện nay, nợ công của Mỹ đang neo ở mức cao, có thể tác động đến lạm phát nếu chính quyền mới của Tổng thống Trump tiếp tục đẩy mạnh chính sách tài khóa, tác động lên lạm phát của Mỹ. Nếu lạm phát tại Mỹ khó hạ như dự kiến ban đầu sẽ tác động đến quá trình hạ lãi suất của FED.

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG 2024
& TRIỂN VỌNG 2025
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025

Thách thức

Bất động sản: tiếp tục gặp khó khăn do đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp vẫn duy trì cao trong năm 2025

Ngành bất động sản, một trụ cột quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng lợi nhuận 2024 giảm mạnh hơn 16% do những khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn (tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp). Tỷ trọng phát hành trái phiếu doanh nghiệp bất động sản giảm mạnh từ mức 30% - 35% ở trong giai đoạn trước 2022, xuống mức 20% trong năm 2024, cho thấy rõ những khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn qua kênh trái phiếu. Mặt khác, khi nguồn thu của ngành bất động sản đang chậm, tác động trực tiếp đến khả năng trả nợ, cũng như kênh huy động vốn qua kênh tín dụng. Năm 2025, đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp bất động sản duy trì ở mức cao, hơn 120 ngàn tỷ, tiếp tục gây áp lực cho các doanh nghiệp bất động sản. Ngoài ra, năm 2025, ngành bất động sản được kỳ vọng có thể phục hồi, tuy nhiên cũng gặp không ít thách thức trong bối cảnh Luật

Chứng khoán sửa đổi cũng như Luật Đất đai 2024 được ban hành theo hướng siết chặt hơn, có thể gây ảnh hưởng không tích cực đến các ngành liên quan như ngân hàng, xây dựng và vật liệu xây dựng và bất động sản. Sự suy yếu của bất động sản còn kéo giảm tăng trưởng GDP, làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư và tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế vĩ mô.

Tăng trưởng lợi nhuận 2024 giảm mạnh hơn

16%

Đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp bất động sản hơn

120 ngàn tỷ

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2019 - 2024

Kết quả kinh doanh	Đơn vị tính: Triệu đồng					
	2024	2023	2022	2021	2020	2019
Doanh thu	828.930	739.297	466.943	186.610	21.848	18.501
Trong đó: Doanh thu từ hoạt động môi giới	144.839	67.645	84.848	90.034	6.809	5.084
Chi phí hoạt động	419.478	334.004	304.562	100.603	12.021	12.363
Lợi nhuận trước thuế	227.501	285.636	94.924	68.126	2.825	75
Lợi nhuận sau thuế	181.771	228.984	77.763	54.470	2.152	(112)

Bảng cân đối kế toán	2024	2023	2022	2021	2020	2019
Tổng tài sản	10.637.252	7.446.063	6.409.145	2.315.226	187.309	176.592
Vốn điều lệ	3.300.000	3.000.000	3.000.000	1.000.000	160.000	160.000
Vốn chủ sở hữu	4.029.800	3.305.345	3.136.361	1.058.568	164.087	161.935

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: tỷ đồng		
	Năm 2024		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Tổng doanh thu	828,93	1.119	74%
Tổng chi phí	601,43	701	86%
Lợi nhuận trước thuế	227,50	419	54%
Lợi nhuận sau thuế	181,77	335	54%

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Năm 2024	Năm 2023	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	10.637.252	7.446.063	42,86%
Doanh thu thuần	807.412	714.514	13,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	213.539	270.534	-21,07%
Lợi nhuận khác	13.962	15.102	-7,55%
Lợi nhuận trước thuế	227.501	285.636	-20,35%
Lợi nhuận sau thuế	181.771	228.984	-20,62%

Về doanh thu

Trong năm 2024, DNSE đã trải qua một năm kinh doanh với những diễn biến đáng chú ý. Tổng doanh thu của công ty đạt 829 tỷ đồng, tương đương 74% so với kế hoạch ban đầu, và ghi nhận mức tăng trưởng 12% so với năm 2023 trong đó, lãi từ các khoản cho vay và phải thu 361 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ 2023. Mức tăng doanh

thu năm 2024 chủ yếu đến từ doanh thu môi giới và doanh thu nguồn vốn. Hai hạng mục này có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2024 do việc mở rộng thị phần giao dịch và chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, huy động thành công 900 tỷ đồng vào tháng 2/2024.

Về chi phí

Tổng chi phí năm 2024 của DNSE là 601 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2023 và đạt 86% so với dự toán. Sự gia tăng chi phí chủ yếu đến từ chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ tăng 60% (từ 123 tỷ lên 196 tỷ đồng), trong đó chi phí môi giới tăng từ 111 tỷ lên 175 tỷ đồng, chi phí lưu ký và dịch vụ khác đều tăng gấp đôi. Bên cạnh đó, chi phí quản lý công ty cũng tăng 62% (từ 94 tỷ lên 152 tỷ đồng) do mở rộng đội ngũ nhân sự, và đầu tư thêm cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển.

Về lợi nhuận

Kết quả lợi nhuận cho thấy mức giảm nhẹ so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 228 tỷ đồng, tương đương 54% kế hoạch và giảm 20% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 182 tỷ đồng, giảm 21% so với năm 2023. Lợi nhuận giảm do trích lập danh mục tự doanh và tác động của bối cảnh thị trường chứng khoán không thuận lợi trong năm qua. Những con số này phản ánh nỗ lực của DNSE trong việc duy trì và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong môi trường thị trường biến động.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng, giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,24	1,60	-22%
Hệ số thanh toán nhanh	1,24	1,60	-22%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,62	0,56	12%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,64	1,25	31%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	0,11	0,12	-8%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23%	32%	-30%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5%	7%	-30%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2%	3%	-39%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng		
Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản ngắn hạn	8.172.043	6.597.764
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.093.162	505.276
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.941.835	3.064.085
Các khoản cho vay	3.839.423	2.438.512
Các khoản phải thu	291.115	560.827
Tài sản ngắn hạn khác	6.508	29.064
Tài sản dài hạn	2.465.209	848.298
Tài sản tài chính dài hạn	2.328.606	729.682
Tài sản cố định	96.210	84.720
Tài sản dài hạn khác	40.393	33.896
Tổng cộng tài sản	10.637.252	7.446.063

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng		
Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
Nợ ngắn hạn	6.589.050	4.126.429
Vay ngắn hạn	6.505.929	3.643.056
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.136	3.033
Phải trả người bán ngắn hạn	1.797	532
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.652	30.278
Phải trả người lao động	18.553	16.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.102	17.583
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.880	415.798
Nợ dài hạn	18.402	14.288
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18.343	14.227
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	60	61
Tổng nợ phải trả	6.607.452	4.140.717

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn trong năm 2024 đã được triển khai hiệu quả, hướng tới mục tiêu mở rộng quy mô, duy trì an toàn vốn và đảm bảo thanh khoản ổn định. DNSE đã đa dạng hóa nguồn vốn, đồng thời tối ưu chi phí

MỞ RỘNG QUY MÔ NGUỒN VỐN VÀ TỐI ƯU CHI PHÍ HUY ĐỘNG VỐN

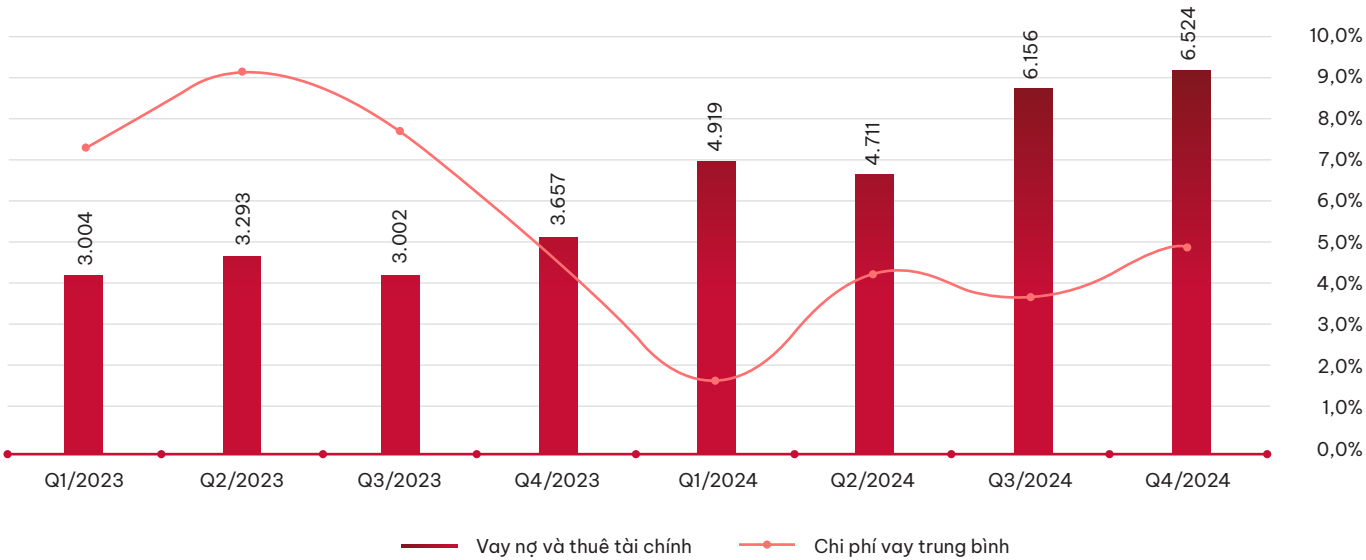
Năm 2024, DNSE đã thành công chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), huy động được 900 tỷ đồng nhằm mở rộng quy mô và tăng cường nguồn lực tài chính phục vụ cho các hoạt động chiến lược như ứng trước tiền bán, giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán và đầu tư vào hạ tầng nền tảng công nghệ. Việc chính thức niêm yết cổ phiếu DSE trên sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đánh dấu cột mốc quan trọng, mở ra giai đoạn mới cho DNSE trong hành trình tiếp cận thị trường vốn đại chúng tại Việt Nam và quốc tế.

Song song với kế hoạch tăng vốn cổ phần, DNSE đã chủ động thúc đẩy đa dạng hóa nguồn vốn vay từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Trong năm qua, DNSE

để đảm bảo hiệu quả, hỗ trợ kịp thời và liên tục cho các hoạt động kinh doanh. Việc đáp ứng tốt nhất nhu cầu vốn của khách hàng luôn được ưu tiên hàng đầu trong công tác điều hành nguồn vốn tại DNSE.

mở rộng hợp tác sâu rộng với hơn 10 ngân hàng và tổ chức tín dụng mới, bao gồm các ngân hàng quốc doanh, ngân hàng nước ngoài, và các ngân hàng thương mại cổ phần, nâng tổng hạn mức tín dụng lên hơn 13.000 tỷ đồng với đa dạng hình thức cấp tín dụng.

Nhờ chiến lược huy động vốn hiệu quả, DNSE đã cải thiện đáng kể chi phí vốn vay, tận dụng tối đa nguồn vốn giá rẻ. Lãi suất huy động bình quân trong năm 2024 giảm chỉ còn một nửa so với năm 2023, thậm chí có thời điểm giảm xuống chỉ bằng một phần tư so với cùng kỳ. Nền tảng vốn rẻ cũng là tiền đề và lợi thế lớn giúp DNSE duy trì hiệu quả kinh doanh, đảm bảo khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, cạnh tranh và tối ưu chi phí nhất cho khách hàng.



Hình 18: Tăng trưởng quy mô và tối ưu chi phí vốn vay huy động

Mở rộng hợp tác sâu rộng với hơn

10 ngân hàng
và tổ chức tín dụng mới

Nâng tổng hạn mức tín dụng lên hơn

13.000 tỷ đồng
với đa dạng hình thức cấp tín dụng

Huy động được

900 tỷ đồng
nhằm mở rộng quy mô

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN

TẬN DỤNG NGUỒN VỐN ĐỂ TĂNG QUY MÔ DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Nhờ khả năng nhạy bén trong việc dự đoán và bám sát xu hướng lãi suất, DNSE đã tận dụng tối đa cơ hội từ môi trường lãi suất thấp để tối ưu hóa chi phí vốn và mở rộng quy mô danh mục đầu tư tài sản tài chính.

Trong năm qua, DNSE đã phát triển danh mục đầu tư đa dạng, tập trung vào các tài sản tài chính an toàn và thanh khoản cao như tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu của các tổ chức tín dụng uy tín. Các khoản đầu tư này mang lại mức lợi suất cao, góp phần tạo nên tỷ suất lợi nhuận ấn tượng, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh toàn diện của công ty.

Năm 2024, DNSE ghi nhận mốc lịch sử với tổng tài sản đạt hơn **10.637 tỷ VNĐ**, tăng trưởng 43% so với năm 2023. Trong đó, tiền và tài sản tài chính đóng vai trò quan trọng với mức tăng trưởng vượt bậc 49%, đạt hơn **6.320 tỷ VNĐ** vào cuối năm. Danh mục đầu tư được phân bổ hợp lý, cân đối giữa an toàn và hiệu quả sinh lời, không chỉ giúp DNSE xây dựng nền tảng tài chính vững chắc mà còn giảm thiểu rủi ro và chuẩn bị sẵn sàng trước các biến động của thị trường.

TRỨNG VÀNG – SẢN PHẨM TỐI ƯU VỐN CHO KHÁCH HÀNG

Trong năm 2024, DNSE đã giới thiệu sản phẩm **Trứng Vàng** dành cho các nhà đầu tư quan tâm đến nhóm sản phẩm thu nhập cố định, bao gồm nhiều hình thức đa dạng như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ quỹ,... của các tổ chức tín dụng lớn như BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank... Sản phẩm này giúp tối ưu hóa nguồn vốn của nhà đầu tư thông qua lợi suất hấp dẫn, linh hoạt về kỳ hạn và phù hợp với nhiều nhu cầu tài chính khác nhau. Sự ra mắt của các sản phẩm thu nhập cố định không chỉ mở rộng lựa chọn đầu tư cho khách hàng mà còn đáp ứng khẩu vị rủi ro và kế hoạch tài chính theo từng giai đoạn thị trường. Ngay từ khi ra mắt, **Trứng Vàng** đã thu hút được sự quan tâm và ủng hộ lớn từ đông đảo khách hàng.

Bước sang năm 2025, DNSE sẽ tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư, mang đến những lựa chọn phù hợp hơn với khẩu vị rủi ro và mục tiêu tài chính của từng nhà đầu tư, đem lại mức lợi suất cố định ưu đãi nhất. Công ty sẽ không ngừng cải tiến sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư phân bổ nguồn vốn một cách tối ưu và hiệu quả hơn nữa.

DNSE ra mắt “Trứng Vàng” mang đến lợi ích

Lợi suất hấp dẫn lên đến

5,3 %/năm

Đầu tư dễ dàng chỉ từ

1.000.000 VNĐ



Sinh lời ổn định, tăng trưởng và bảo vệ tài sản khỏi biến động thị trường.



Kỳ hạn đa dạng, phù hợp với mọi nhu cầu đầu tư.

Đặc biệt: Chỉ tại DNSE, NĐT có thể “ấp” Trứng Vàng Không Kỳ Hạn từ

1.000 VNĐ

(áp dụng với Trứng Én)



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

DNSE DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU VỀ THỊ PHẦN MỞ TÀI KHOẢN MỚI TRONG 4 QUÝ LIÊN TIẾP

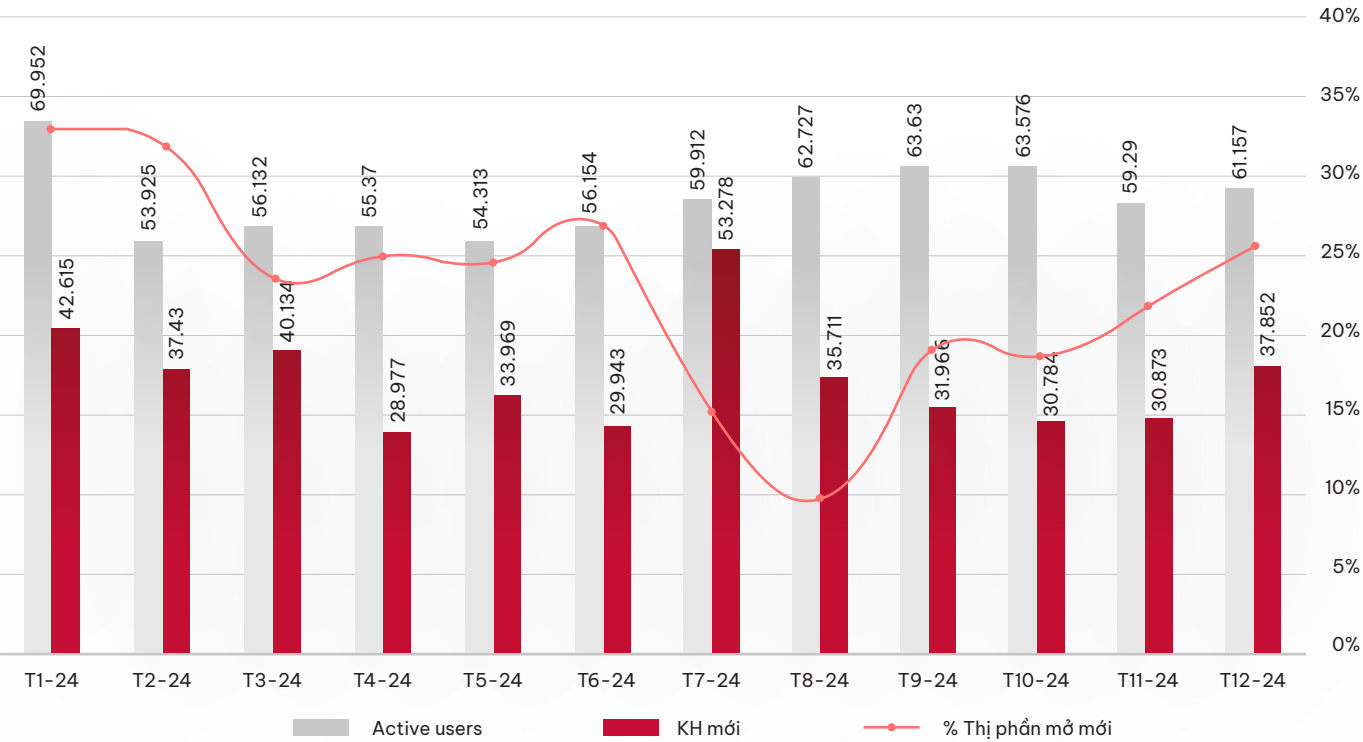
Là công ty tiên phong trong chính sách Miễn phí giao dịch và đầu tư phát triển khách hàng qua kênh đối tác, năm 2024 DNSE vẫn duy trì phong độ trong việc thu hút khách hàng nhờ việc liên tục triển khai các chương trình ưu đãi, tặng thưởng với mong muốn có nhiều nhà đầu tư biết đến Entrade X by DNSE – nền tảng miễn phí giao dịch trọn đời và lựa chọn đơn giản hóa cho hành trình đầu tư của mình.

DNSE duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần mở tài khoản mới trong 4 quý liên tiếp, chiếm 21,6% thị phần tài khoản chứng

khoản mở mới toàn thị trường năm 2024. Có thể nói, cứ 5 tài khoản mở mới thì có một tài khoản mở tại DNSE.

Trong năm 2024, DNSE mở mới gần 434.000 tài khoản, trong đó gần 75% khách hàng đến từ kênh đối tác Zalopay thông qua sản phẩm Tài khoản chứng khoán đầu tiên trên ví điện tử của thị trường Việt Nam.

Thời gian	Tài khoản mở mới	Thời gian	Tài khoản mở mới	Thời gian	Tài khoản mở mới
01/24	42.615	05/24	33.969	09/24	31.966
02/24	37.430	06/24	29.943	10/24	30.784
03/24	40.134	07/24	53.278	11/24	30.873
04/24	28.977	08/24	35.711	12/24	37.852



Hình 19B : Tăng trưởng về khách hàng

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

DNSE DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU VỀ THỊ PHẦN MỞ TÀI KHOẢN MỚI TRONG 4 QUÝ LIÊN TIẾP

Thành quả này đã nâng tổng số lượng tài khoản lũy kế DNSE đang quản lý lên hơn **994.000** tài khoản vào cuối năm 2024 và DNSE vừa đạt mốc 1 triệu tài khoản chứng khoán vào ngay đầu tháng 1 năm 2025.

Tiêu chí	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Số tài khoản khách hàng	5.548	44.727	189.845	561.279	994.406
Số tài khoản mở mới	992	39.179	145.118	371.434	433.532
Tỉ lệ tăng trưởng	22%	706%	324%	196%	77%

SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN QUẢN LÝ

Với việc chú trọng vào trải nghiệm người dùng theo từng điểm chạm trên ứng dụng, DNSE liên tục nâng cấp giao diện, cải tiến tính năng, phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Các gói sản phẩm margin đa dạng từ miễn lãi 3 ngày, 5 ngày, 10 ngày đến lãi suất ưu đãi 5,99%, 9,99%... cùng danh mục ký quỹ được chọn lọc kỹ càng và cập nhật định kỳ, phù hợp với thị trường đã thu hút nhiều khách hàng quan tâm sử dụng. Bên cạnh đó, là công ty chứng khoán tiên phong với cam kết miễn phí giao dịch trọn đời, DNSE vẫn là một trong các lựa chọn hàng đầu dành cho các nhà đầu tư chủ động giao dịch với mong muốn tối ưu hiệu quả đầu tư của mình khi tiết kiệm được một khoản lớn về chi phí giao dịch.

Trong năm 2024, DNSE đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm từ giao dịch lệnh, tư vấn khuyến nghị để cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, cũng như cung cấp thông tin kịp thời đến khách hàng. DNSE đang ngày càng tiến gần đến mục tiêu trở thành “Nền tảng chứng khoán

thấu hiểu nhà đầu tư”, chinh phục kỷ nguyên công nghệ bằng những sản phẩm số tiên phong, bắt kịp thế giới như Môi giới ảo – AI Broker, Ensa AI Chat.

Không chỉ vậy, DNSE là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam cung cấp khả năng giao dịch trực tiếp trên siêu biểu đồ với sản phẩm TradingView – siêu biểu đồ dành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp. Đây là nền tảng phân tích kỹ thuật hàng đầu thế giới, giúp chuyển hóa dữ liệu phức tạp thành cơ hội đầu tư rõ ràng giúp việc đầu tư của khách hàng trở nên đơn giản hơn rất nhiều.

Những nỗ lực trên đã giúp DNSE nâng cao sự tin tưởng và tín nhiệm của khách hàng với minh chứng là tổng giá trị tài sản DNSE quản lý của khách hàng (AUM) tính đến 31/12/2024 ghi nhận là 38.854 tỷ, tăng 72% so với đầu năm. Số lượng chứng khoán quản lý đạt 1,7 tỷ cổ phiếu, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2023.

Thời gian	Số lượng Chứng khoán quản lý	Thời gian	Số lượng Chứng khoán quản lý	Thời gian	Số lượng Chứng khoán quản lý
T1/2024	1.354.079,68	T5/2024	1.811.475,54	T9/2024	1.537.528,10
T2/2024	1.355.637,86	T6/2024	1.548.410,75	T10/2024	1.464.675,70
T3/2024	1.409.107,31	T7/2024	1.580.886,53	T11/2024	1.496.670,23
T4/2024	1.848.950,44	T8/2024	1.591.944,30	T12/2024	1.702.936,86

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

TOP 2 THỊ PHẦN GIAO DỊCH PHÁI SINH QUÝ 4/2024

Ngoài việc duy trì phát triển các sản phẩm chứng khoán cơ sở, DNSE cũng tập trung nguồn lực chất lượng cao để đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm Phái sinh với nhiều tính năng tiện ích và những sản phẩm nổi bật. Kết thúc Quý 1/2024 DNSE bắt ngờ lọt top 5 trong thị trường giao dịch

Quý	Thị phần Phái sinh DNSE qua các Quý
Q1/2023	0,01%
Q2/2023	0,22%
Q3/2023	0,95%
Q4/2023	0,64%

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được dự báo sẽ tiếp tục phát triển với cả cơ hội và thách thức đan xen. DNSE tiếp tục giữ vững tầm nhìn trở thành công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu, không ngừng đổi mới và cải tiến để mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng. Trong năm 2025, DNSE sẽ tập trung phát triển các giải pháp công nghệ tiên tiến như ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để tối ưu hóa việc quản lý tài sản, phân tích thị trường và hỗ trợ ra quyết định đầu tư. Các sản phẩm như môi giới ảo, quản trị rủi ro tự động, và nền tảng tài chính tích hợp sẽ tiếp tục được hoàn thiện, mở rộng tính năng nhằm mang lại trải nghiệm đầu tư toàn diện hơn cho người dùng và đảm bảo mục tiêu “đơn giản hóa đầu tư cho người Việt”.

Chỉ tiêu	Chứng khoán cơ sở	Chứng khoán phái sinh
Tổng số lượng tài khoản lũy kế	1.605.262	73.621
Tổng số lượng tài khoản active	108.259	5.732
Giá trị giao dịch/tháng	20,8 nghìn tỷ	1.774.306 Hợp đồng
Thị phần	2,48%	21,29%

chứng khoán phái sinh và liên tục tăng trưởng và bứt tốc lên Top 2 thị phần vào Quý 4/2024 với 9,98% thị phần. Kết thúc năm 2024, DNSE đứng thứ 3 trong thị phần chứng khoán phái sinh toàn thị trường.

Quý	Thị phần Phái sinh DNSE qua các Quý
Q1/2024	4,01%
Q2/2024	5,11%
Q3/2024	5,30%
Q4/2024	9,98%

Song song đó, DNSE sẽ đầu tư mạnh mẽ vào việc xây dựng hệ sinh thái số hóa, tăng cường bảo mật và tối ưu hóa tốc độ xử lý giao dịch trên nền tảng Entrade X by DNSE, đảm bảo mọi thao tác đều nhanh chóng, chính xác và liền mạch. Đồng thời, đội ngũ chăm sóc khách hàng sẽ được nâng cấp cả về công cụ lẫn kỹ năng để phục vụ khách hàng tốt hơn, với mục tiêu đưa thời gian phản hồi xuống mức tối thiểu và gia tăng mức độ hài lòng. Với tinh thần sáng tạo và quyết tâm, DNSE hướng tới việc tạo nên những bước ngoặt đột phá, ghi dấu ấn mạnh mẽ hơn trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2025.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

CÂU LẠC BỘ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT DNSE PRO CLUB

Với mục tiêu tri ân và gia tăng gắn kết của khách hàng với DNSE, mang lại giá trị gia tăng và trải nghiệm độc đáo – khác biệt, **câu lạc bộ khách hàng thân thiết DNSE Pro Club chính thức ra mắt ngày 24/05/2024** trên nền tảng ứng dụng Entrade X by DNSE và website giao dịch <https://entradex.dnse.com.vn/>.

- ✔ Tích lũy Star toàn diện với hệ sinh thái sản phẩm của DNSE
- ✔ Hệ thống cộng thưởng Star tự động
- ✔ Ưu đãi độc quyền, quà tặng hấp dẫn riêng biệt từ DNSE
- ✔ Đổi quà dễ dàng ngay trên ứng dụng Entrade X



Theo đó, dựa trên điểm Star tích lũy theo giao dịch (Cổ phiếu, Phái sinh, Vay margin, Trúng vàng có kì hạn), khách hàng được xét hạng và hưởng các ưu đãi, đặc quyền theo 04 hạng thành viên:

Điều kiện tích lũy Star	Hạng Rookie 0 đến 999 Star	Hạng Pro X 1.000 đến 4.999 Star	Hạng Master X 5.000 đến 19.999 Star	Hạng Legend X 20.000 Star trở lên
Giao dịch trúng vàng 1.000.000 VND	+1	+1,05	+1,1	+1,15
Giao dịch cổ phiếu 30.000.000 VND	+1	+1,05	+1,1	+1,15
Tiền vay Margin 450.000.000 VND	+1	+1,05	+1,1	+1,15
Giao dịch phái sinh 7 hợp đồng	+1	+1,05	+1,1	+1,15

Ngoài cơ chế tích Star theo giao dịch, khách hàng có thể tích lũy Star đổi quà từ chương trình Giới thiệu bạn bè, tặng Star nhân dịp sinh nhật, Star thưởng từ các chương trình ưu đãi/khuyến mại khác từ DNSE...

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

CÂU LẠC BỘ KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT DNSE PRO CLUB

Với mong muốn mang lại trải nghiệm độc đáo và khác biệt, DNSE đang từng bước xây dựng các chính sách, ưu đãi để khách hàng quy đổi, sử dụng từ Star đổi quà. Một số ưu đãi đã được DNSE triển khai trong năm 2024:

Chính sách Margin đặc quyền dành cho khách hàng thân thiết – Loyalty margin từ

08.2024

Đổi Star sang voucher của Đối tác Wichart từ

09.2024

Tặng Chứng chỉ quỹ cho khách hàng giao dịch lần đầu từ

09–11.2024

Đổi Star ra tiền từ

10.2024

Trong năm 2025, DNSE Pro Club sẽ tiếp tục được hoàn thiện về chính sách và đa dạng hóa các ưu đãi, đặc quyền dành cho khách hàng thân thiết. Đây cũng là mục tiêu

trọng điểm của DNSE trong năm tới, nhằm từng bước tối ưu và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng trong quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ của công ty.

Vô vàn ưu đãi với DNSE Pro Club

DNSE Pro Club - Nơi tri ân Khách hàng thân thiết! Bạn không chỉ được thưởng Star tri ân mà còn sử dụng để đổi lấy những phần thưởng giá trị, độc đáo và hấp dẫn



Tặng miễn phí Chứng chỉ quỹ
Đặc biệt dành tặng cho khách mới giao dịch tại DNSE với số lượng có hạn



Chính sách vay Margin X đặc quyền
Ưu đãi hấp dẫn dành riêng cho Khách hàng thân thiết từ hạng Pro X trở lên



Đổi Star nhận tiền
Star tích lũy có thể chuyển đổi sang tiền mặt nhanh chóng, tiện lợi

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Vươn lên **top 2 thị phần phái sinh**, khẳng định vị thế dẫn đầu công nghệ

SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI

Năm 2024 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của DNSE trong lĩnh vực chứng khoán phái sinh:

- Tổng số tài khoản giao dịch phái sinh mở mới trong năm tăng trưởng vượt bậc, đạt 30.105 tài khoản, tăng 97,7% so với năm 2023.
- Tăng trưởng số lượng tài khoản mở mới phản ánh niềm tin của nhà đầu tư vào dịch vụ và sản phẩm của DNSE, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có sự cạnh tranh gay gắt.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Quý 4/2024, DNSE đã vươn lên đạt vị trí thứ 2 trên thị trường chứng khoán phái sinh với thị phần 9,98%, tăng mạnh so với cùng kỳ.

Đây là mức thị phần cao nhất mà DNSE đạt được trong lịch sử hoạt động phái sinh, khẳng định sự hiệu quả trong chiến lược mở rộng dịch vụ. DNSE chỉ đứng sau Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (55,84%) và vượt qua các đối thủ lớn như HSC (6,03%) và Techcom Securities (5,07%).

SẢN PHẨM PHÁI SINH NỔI BẬT

DNSE tiếp tục cung cấp các sản phẩm giao dịch phái sinh với nhiều tính năng công nghệ hiện đại, đáp ứng tối đa nhu cầu nhà đầu tư:

- Sản phẩm Future X nổi bật với tỷ lệ ký quỹ hấp dẫn chỉ 18,48%, thấp hơn so với trung bình thị trường, giúp nhà đầu tư tối ưu hóa vốn.
- Giao dịch linh hoạt: Cho phép giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh trên cùng một tài khoản, mang lại trải nghiệm mượt mà và tiết kiệm thời gian.
- Nộp/rút tiền cọc tối ưu-24/7 và tốc độ lệnh nhanh nhất.
- Hỗ trợ khách hàng: Đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp luôn sẵn sàng hỗ trợ nhà đầu tư trong suốt quá trình giao dịch.

Tăng trưởng vượt bậc, đạt tăng
30.105 **97,7%**
tài khoản so với năm 2023

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Tiếp nối thành công năm 2024, DNSE đặt mục tiêu:

Duy trì vị trí
Top 2
trên thị trường chứng khoán phái sinh

Tăng trưởng thị phần lên trên
30%
và mở rộng số lượng tài khoản mở mới



Phát triển thêm các sản phẩm phái sinh sáng tạo, tối ưu hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

VỖ ĐÀI PHÁI SINH: SÂN CHƠI BÙNG NỔ DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ



Ý tưởng và mục tiêu chương trình

“Vỗ đài Phái sinh” là chương trình mang tính đột phá, được DNSE triển khai như một chiến lược trọng điểm nhằm thúc đẩy sự tham gia và tương tác của nhà đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán phái sinh. Với cảm hứng từ các cuộc thi đấu võ thuật, chương trình tạo ra một sân chơi nơi các nhà đầu tư thể hiện kỹ năng giao dịch, tranh tài và đạt được những phần thưởng xứng đáng.

Mục tiêu của chương trình:

- Tăng thị phần giao dịch trên thị trường phái sinh.
- Giúp nhà đầu tư rèn luyện và hoàn thiện chiến lược đầu tư.
- Xây dựng cộng đồng giao dịch năng động, tương tác cao.

Cách thức tổ chức độc đáo

Chương trình được thiết kế với hệ thống thi đấu minh bạch, sáng tạo và mang tính cạnh tranh cao:

- Thể lệ tham gia đơn giản: Chỉ cần có tài khoản tại DNSE, nhà đầu tư đã có thể tham gia và thi đấu mà không cần đăng ký phức tạp.
- Hệ thống xếp hạng: Dựa trên hiệu suất giao dịch thực tế, hệ thống tự động cập nhật điểm số hàng tuần, giúp nhà đầu tư theo dõi tiến độ của mình so với các đối thủ.
- Giải thưởng hấp dẫn: Tổng giá trị giải thưởng lên tới hàng trăm triệu đồng, bao gồm tiền mặt, phần thưởng hiện vật và các ưu đãi dịch vụ từ DNSE.

Kết quả và thành công vang dội

Chương trình Vỗ đài Phái sinh đã ghi nhận những con số ấn tượng, minh chứng cho sức hút mạnh mẽ:

- Hơn **15.000** người tham gia, thể hiện sự quan tâm rộng lớn từ cộng đồng đầu tư.
- Hơn **2.000** nhà đầu tư thi đấu hàng tuần, cho thấy sự cam kết và cạnh tranh mạnh mẽ.
- Tổng giá trị giao dịch đạt **300 nghìn tỷ đồng**, khẳng định chương trình không chỉ là sân chơi mà còn thúc đẩy thanh khoản cho thị trường.

>15.000 người tham gia

Hơn

2.000 nhà đầu tư
thi đấu hàng tuần

Tổng giá trị giao dịch đạt

300 nghìn tỷ đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

VỖ ĐÀI PHÁI SINH: SÂN CHƠI BÙNG NỔ DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Những phản hồi tích cực từ cộng đồng

Chương trình nhận được nhiều lời khen ngợi từ các nhà đầu tư:

- “Sân chơi sáng tạo”: Nhiều nhà đầu tư đánh giá cao ý tưởng độc đáo và cách tổ chức chuyên nghiệp của chương trình.
- “Động lực để giao dịch”: Một số nhà đầu tư cho biết chương trình đã giúp họ cải thiện chiến lược và tăng hiệu suất giao dịch.
- “Tương tác cộng đồng tốt hơn”: Sự cạnh tranh lành mạnh và tính tương tác cao đã giúp gắn kết các nhà đầu tư trong cộng đồng.

Định hướng phát triển cho Vỗ đài Phái sinh 2025

Sau thành công rực rỡ trong năm 2024, DNSE dự kiến mở rộng quy mô và cải tiến chương trình trong năm 2025:

- Tăng cường giải thưởng, bao gồm các phần thưởng giá trị lớn hơn và đa dạng hơn.
- Mở thêm các hạng mục thi đấu, bao gồm cả giao dịch cá nhân và theo nhóm.
- Xây dựng nền tảng trực tuyến chuyên dụng, cho phép nhà đầu tư theo dõi và tham gia chương trình dễ dàng hơn.

“Vỗ đài Phái sinh” không chỉ là một sân chơi giao dịch mà còn là biểu tượng cho sự đổi mới và cam kết của DNSE trong việc mang lại giá trị thực sự cho nhà đầu tư. DNSE kỳ vọng chương trình sẽ tiếp tục là cầu nối để nâng cao trải nghiệm giao dịch và thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam.





KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (IB)

Năm 2024 chứng kiến những thay đổi sâu sắc trong bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Dù tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu cải thiện, sự phân hóa rõ nét giữa các khu vực vẫn hiện hữu: các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn đáng kể, trong khi các quốc gia đang phát triển phải đối mặt với phục hồi chậm chạp và dòng vốn tháo chạy.

Bên cạnh đó, năm 2024 cũng ghi nhận các thay đổi quan trọng trong chính sách tiền tệ và quản lý Thị trường chứng khoán (“TTCK”), nâng cao chất lượng thị trường tài chính Việt Nam:

- Ban hành **Thông tư 68/2024/TT-BTC** quy định về việc ký quỹ trước của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài khi giao dịch và yêu cầu công bố thông tin trên TTCK. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc tháo gỡ các vướng mắc, giúp TTCK Việt Nam đáp ứng các tiêu chí nâng hạng theo tiêu chuẩn của FTSE Russell, qua đó thu hút thêm sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế.

- Luật Chứng khoán** (sửa đổi) được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV với hình thức rút gọn. Luật Chứng khoán mới đã cập nhật các quy định quan trọng như cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm (CCP), quy trình phát hành chứng khoán và các biện pháp tăng cường bảo vệ nhà đầu tư. Những điều chỉnh này không chỉ nâng cao hiệu quả vận hành thị trường mà còn củng cố lòng tin của các nhà đầu tư.

- Sự phục hồi tích cực của thị trường trái phiếu doanh nghiệp**, thể hiện qua hoạt động phát hành trái phiếu trong năm 2024 đạt 443.457 tỷ đồng tăng 31% so với cùng kỳ. Trong đó, trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt 342.716 tỷ đồng (tăng 55,4%) và trái phiếu phát hành ra công chúng đạt 32.114 tỷ đồng (tăng 18,6%). Những con số này cho thấy niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư đối với thị trường tài chính đang dần được khôi phục.

Hoạt động phát hành trái phiếu trong năm 2024 đạt

443.457 tỷ đồng

▲ tăng 31% so với cùng kỳ

Trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt

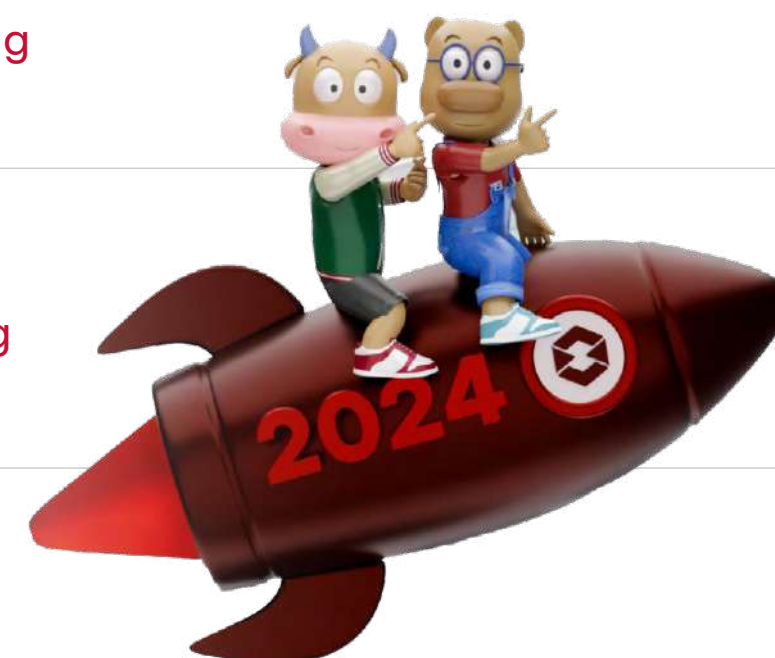
342.716 tỷ đồng

▲ tăng 55,4%

Trái phiếu phát hành ra công chúng đạt

32.114 tỷ đồng

▲ tăng 18,6%



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (IB)

Trong bối cảnh đó, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của DNSE dù mới được thành lập chính thức từ năm 2023 tuy nhiên với năng lực và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn, đã thực hiện tư vấn các sản phẩm phù hợp cho khách hàng, cùng với chiến lược chuyển dịch

NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN (ECM)

Thị trường vốn Việt Nam trong năm có sự dịch chuyển theo hướng ngày càng cân đối, hài hòa và bền vững hơn, song còn tiềm ẩn nhiều thách thức. Cụ thể, với ảnh hưởng của tỷ giá đô la Mỹ/tiền đồng tăng mạnh khoảng 5% buộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải can thiệp dẫn tới áp lực tâm lý lên thị trường, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 90.311 tỷ đồng trên sàn HoSE, tương đương hơn 3,55 tỷ USD. Nếu tính toàn thị trường chứng khoán, con số sẽ vượt 93.000 tỷ đồng, đây là mức kỷ lục trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam. Cùng những thách thức

cơ cấu tập trung vào các sản phẩm thế mạnh, đã từng bước khẳng định vị thế là một nhà tư vấn tài chính uy tín và linh hoạt, đáp ứng hiệu quả trước những biến động của thị trường trong bối cảnh đầy thách thức và đã đạt được những thành tựu nổi bật trong năm 2024, cụ thể:

cần được giải quyết như: quy mô thị trường vẫn còn khá nhỏ so với các nước trong khu vực và thiếu tính ổn định; các sản phẩm còn ít, chưa đa dạng; hạn chế về hạ tầng công nghệ, niềm tin của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài vào thị trường vốn chưa hồi phục, nền tảng nhà đầu tư chưa bền vững...

Năm 2024, DNSE vẫn nỗ lực hoàn thành các thương vụ thu xếp vốn thành công, tiêu biểu như:



Hoàn tất thương vụ mua bán cổ phần của Quỹ ngoại đến từ Phần Lan – Pyn Elite Fund – với tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2024 là

11,06% cổ phần CTCP Chứng khoán DNSE



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (IB)



Hoàn tất thương vụ IPO chào bán

900 tỷ đồng

của công ty CP Chứng khoán DNSE vào tháng 2/2024 – vinh dự trở thành công ty đứng sau **Thương vụ IPO duy nhất của Việt Nam trên thị trường vốn Đông Nam Á năm 2024.**



Niên yết cổ phiếu của CTCP Chứng khoán DNSE thành công trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 01/07/2024 với mã cổ phiếu **DSE** – chính thức đưa

330 triệu

cổ phiếu vào giao dịch. Với sự kiện này, DNSE đã hiện thực hóa bước đi chiến lược trong việc tăng quy mô doanh nghiệp, đồng thời cũng mở ra cơ hội huy động vốn nhanh chóng, hiệu quả từ các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế, tăng cường sự minh bạch, uy tín, từ đó thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.



Tư vấn và triển khai thành công thương vụ bán vốn cho Quỹ **Consilium** (Mỹ) – là quỹ đầu tư tập trung vào các thị trường biên và thị trường mới nổi với những thành tích và chỉ số vượt trội sau nhiều thập kỷ hoạt động tích cực để hiện thực hóa các cơ hội. Đến 31/12/2024, tỷ lệ sở hữu cổ phần DSE của Quỹ là

2,02%

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (IB)

NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ (DCM)

Năm 2024 đánh dấu sự phục hồi của thị trường nợ, hoạt động phát hành trái phiếu cải thiện và ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn đối với hoạt động phát hành. Cả năm toàn thị trường trái phiếu có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410,5 nghìn tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá gần 33 nghìn tỷ đồng. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp lên tới hơn 443 nghìn tỷ đồng. Về cơ cấu nhóm ngành, nhóm ngân hàng chiếm tỷ trọng lên đến 69%, tiếp đến là nhóm bất động sản với 20%, trong khi nhiều nhóm ngành suy giảm.

Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE năm qua đã thực hiện tư vấn chiến lược và đạt được chấp thuận về việc chào bán 2 đợt Trái phiếu với giá trị lên đến 400 tỷ đồng, cụ thể:

- Tư vấn chiến lược và triển khai phát hành thành công

100 tỷ trái phiếu riêng lẻ

cho Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital.

- Thành công đạt được chấp thuận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

300 tỷ trái phiếu DNSE

ra công chúng.



NGHIỆP VỤ M&A

Năm 2024, thị trường mua bán và sáp nhập (M&A) tại Việt Nam chứng kiến 1 năm giao dịch sôi động hơn 2023. Các thương vụ M&A không chỉ ở các tập đoàn lớn quốc tế mà còn có sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước. Tổng giá trị các thương vụ M&A tại Việt Nam trong năm 2024 đạt hơn 2,5 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2023. Trong đó, 88% giá trị giao dịch đến từ ngành bất động sản, tiêu dùng thiết yếu, công nghiệp, đặc biệt nhiều dự án lớn ở các lĩnh vực bán dẫn, năng lượng như sản xuất pin, tế bào quang điện, thanh silic, sản xuất linh kiện... được đầu tư mới hoặc mở rộng vốn.

Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE cũng đang tích cực đẩy mạnh hoạt động M&A cho một số doanh nghiệp lĩnh vực tài chính - công nghệ ("Fintech"), vật liệu xây dựng, bất động sản, nông nghiệp,... Năm 2024, DNSE đã tư vấn và triển khai thành công thương vụ M&A GoPay vào EnPay - các công ty thuộc ngành dịch vụ thanh toán, với giá trị giao dịch lên đến 3,3 triệu USD.





KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

TĂNG CƯỜNG AN NINH THÔNG TIN VỚI CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI

Trước những thách thức an ninh mạng ngày càng gia tăng và sự xuất hiện của các mối đe dọa tinh vi có sự hỗ trợ của AI, DNSE đã chủ động đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống bảo mật ngay từ đầu năm 2024, nhằm mang đến sự an toàn tối đa cho khách hàng.

DNSE đã hợp tác với hai nhà cung cấp bảo mật hàng đầu thế giới – **CrowdStrike (Hoa Kỳ)** và **eSentire (Canada)** – để triển khai một hệ thống phòng thủ đa lớp, toàn diện. **CrowdStrike Endpoint Detection & Response (EDR)** giúp bảo vệ máy chủ DNSE khỏi các cuộc tấn công, đồng thời phát hiện, ngăn chặn và cảnh báo nguy cơ kịp thời. Trong

khi đó, eSentire cung cấp giải pháp **Extended Detection & Response (XDR)** và **Managed Detection & Response (MDR - 24/7 SOC)**, giúp giám sát toàn bộ hoạt động mạng nội bộ và lưu lượng ra vào hệ thống theo thời gian thực.

Sự kết hợp giữa **CrowdStrike EDR** và **eSentire XDR/MDR** đảm bảo khả năng phát hiện sớm, xử lý nhanh và bảo vệ chặt chẽ hệ thống, giữ vững an toàn dữ liệu cho toàn bộ khách hàng tại DNSE. Đây không chỉ là một bước tiến trong công tác bảo mật mà còn thể hiện cam kết của DNSE trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến nhất để bảo vệ tài sản và thông tin khách hàng.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI

DNSE tiên phong triển khai hệ thống IPO 100% online đầu tiên tại Việt Nam

Đầu năm 2024, DNSE tạo dấu ấn mạnh mẽ khi **triển khai và vận hành thành công hệ thống IPO 100% online đầu tiên trên thị trường**, áp dụng ngay cho chính đợt IPO của công ty.

Hệ thống tiên tiến này cho phép nhà đầu tư **đăng ký, đặt mua và thanh toán tiền mua cổ phiếu IPO hoàn toàn online**, đảm bảo quy trình giao dịch minh bạch, tối ưu trải

nh nghiệm và rút ngắn thời gian so với phương thức truyền thống. Nhờ đó, DNSE đã IPO thành công, huy động **900 tỷ đồng**, trở thành **công ty chứng khoán đầu tiên IPO trong 5 năm qua**.

Sự đổi mới này không chỉ giúp DNSE khẳng định vị thế tiên phong trong ngành mà còn đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc số hóa thị trường tài chính Việt Nam.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI

FutureX & AmiX – Giải pháp giao dịch toàn diện, tối ưu lợi thế đầu tư

DNSE không ngừng đổi mới và nâng cấp FutureX – nền tảng giao dịch phái sinh hiện đại, mang đến những lợi thế vượt trội:



Tỷ lệ ký quỹ cạnh tranh nhất thị trường chỉ

18,48 %



Nộp/rút tiền cọc linh hoạt

24/7



Tốc độ khớp lệnh nhanh vượt trội



Song song với FutureX, DNSE còn phát triển AmiX – phần mềm tích hợp thông minh giúp nâng cao trải nghiệm giao dịch. AmiX hỗ trợ **giao dịch tự động**, **cung cấp dữ liệu lịch sử và tín hiệu từ Telegram**, giúp nhà đầu tư tối ưu chiến lược và quản lý rủi ro hiệu quả.

Nhờ những tính năng ưu việt, AmiX nhanh chóng trở thành công cụ không thể thiếu của nhà đầu tư, với **78,5% khách hàng đăng ký Market Data LTS**, khẳng định sự tin tưởng và đón nhận mạnh mẽ từ thị trường.



Ensa & Lệnh AI – Trợ lý đầu tư thế hệ mới, nâng tầm chiến lược giao dịch

Trợ lý ảo Ensa phiên bản 2.0 là một bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo mới nhất.

Tích hợp toàn diện công nghệ mới nhất - Trí tuệ nhân tạo tạo sinh: Khác biệt căn bản so với phiên bản trước, Ensa 2.0 được xây dựng trên nền tảng **kiến trúc đa tác tử tiên tiến (integrated multi-agent)**. Hệ thống bao gồm nhiều “trợ lý ảo AI” chuyên biệt, mỗi tác tử (agent) sở hữu kỹ năng và kiến thức đặc thù, cùng phối hợp tạo nên một hệ sinh thái trí tuệ đồng bộ.

Trải nghiệm hoàn toàn khác biệt so với phiên bản cũ: Khả năng phân tích được nâng cấp đáng kể, cung cấp những **đánh giá chuyên sâu về định giá cổ phiếu** và các yếu tố cơ bản của doanh nghiệp.

Không chỉ giới hạn ở thông tin thị trường, Ensa 2.0 còn **mở rộng phạm vi hỗ trợ**, bao gồm tư vấn về dịch vụ DNSE và kiến thức tài chính – đầu tư tổng quát.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI

Ensa & Lệnh AI – Trợ lý đầu tư thế hệ mới, nâng tầm chiến lược giao dịch



Trải nghiệm **tương tác thông minh và gần gũi** hơn. Giao tiếp tự nhiên, hình ảnh và đầy cảm xúc như một trợ lý – người bạn thực sự.

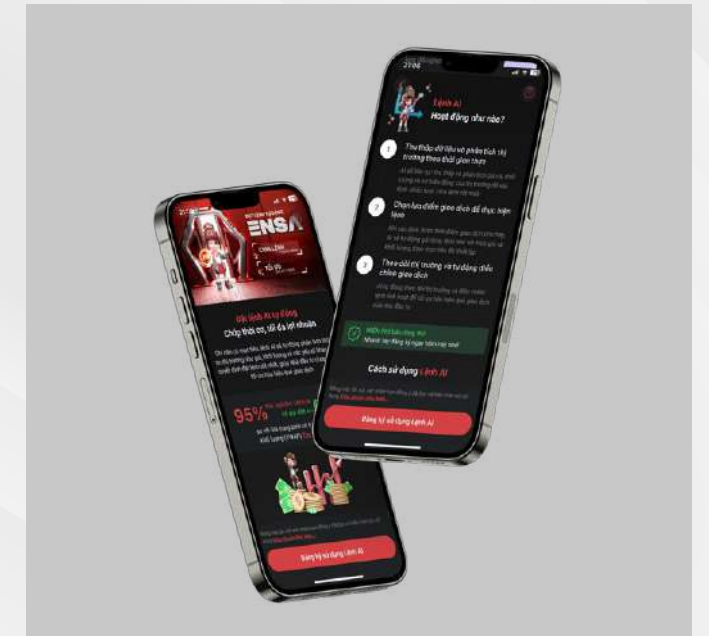
Các trợ lý ảo thông thường thường giải quyết bài toán có phạm vi hẹp, với mục tiêu người dùng rõ ràng tại từng thời điểm. **Ngược lại, Ensa được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng và phức tạp của nhà đầu tư**, toàn diện nhu cầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư, phân tích thông tin chuyên sâu, đến hỗ trợ ra quyết định đầu tư.

Trong năm 2024, Ensa được đánh giá cao từ phía chuyên môn và đông đảo khách hàng đón nhận. Ensa đã được vinh danh “**Giải pháp AI đột phá lĩnh vực tài chính**” tại AI Awards 2024 do Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng và đã thu hút được hơn 30 nghìn nhà đầu tư đặt gần 390 nghìn câu hỏi.

Trong kế hoạch của các sản phẩm AI, DNSE đã cho ra mắt các tính năng đầu tư thông minh phục vụ nhà đầu tư:

Chủ động gửi cảnh báo chốt lời cắt lỗ; cung cấp thông tin phân tích, đánh giá triển vọng; bản tin thị trường cá nhân hóa theo khẩu vị đầu tư;

Lệnh AI (Smart Order): Lệnh được chia nhỏ theo thời gian để giảm thiểu ảnh hưởng từ biến động thị trường, tận dụng tối đa cơ hội với tốc độ giao dịch nhanh và đặc biệt tiết kiệm thời gian – tự động hóa 100% và loại bỏ yếu tố cảm xúc trong đầu tư.



DNSE & TradingView – Hợp tác chiến lược, nâng tầm trải nghiệm giao dịch

DNSE tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong khi trở thành **công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam kết nối trực tiếp với TradingView** – nền tảng phân tích kỹ thuật hàng đầu thế giới. Sự hợp tác này mang đến cho nhà đầu tư DNSE trải nghiệm giao dịch đột phá, cho phép **đặt lệnh trực tiếp trên siêu biểu đồ** và tiếp cận **dữ liệu thị trường chứng khoán Việt Nam** một cách nhanh chóng, chính xác.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI

TradingView – Siêu biểu đồ dành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp

TradingView từ lâu đã được biết đến như công cụ phân tích mạnh mẽ, giúp nhà đầu tư chuyển hóa dữ liệu phức tạp thành quyết định giao dịch hiệu quả. Với việc tích hợp TradingView tại DNSE, khách hàng sẽ được tận hưởng **những lợi ích vượt trội**:



Chỉ báo & công cụ phân tích kỹ thuật chuyên sâu – Tùy chỉnh linh hoạt, giúp nhà đầu tư theo dõi và phân tích thị trường chính xác hơn.



Backtest chiến lược – Kiểm tra hiệu quả, tối ưu hóa giao dịch và đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt.



Cảnh báo giao dịch thông minh – Nhận thông báo tức thời, tối ưu chiến lược và giảm thiểu rủi ro.



Kho dữ liệu tài chính khổng lồ – Cập nhật thông tin từ tất cả các sàn giao dịch lớn, hỗ trợ phân tích chuyên sâu.



Ngôn ngữ lập trình Pine Script – Tự tạo chỉ báo, chiến lược giao dịch và tự động hóa giao dịch theo nhu cầu cá nhân.

Với TradingView, DNSE không chỉ mang đến công cụ giao dịch tối ưu mà còn mở ra **một hệ sinh thái đầu tư toàn diện**, nơi nhà đầu tư có thể **học hỏi, kết nối và giao dịch hiệu quả hơn bao giờ hết**.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

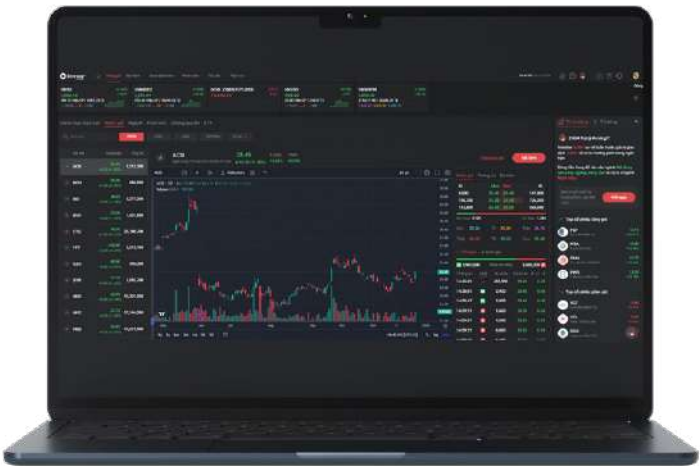
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VƯỢT TRỘI

Ra mắt Bảng giá Gen-Z – Tiên phong đổi mới trải nghiệm giao dịch

Cuối năm 2024, DNSE chính thức ra mắt **Bảng giá Gen-Z** với tham vọng định hình lại tiêu chuẩn bảng giá chứng khoán tại Việt Nam. Được thiết kế để mang đến trải nghiệm tối ưu không chỉ cho khách hàng DNSE mà còn cho mọi nhà đầu tư, mọi lứa tuổi. Bảng giá Gen-Z hứa hẹn trở thành công cụ giao dịch tiên tiến, đơn giản, hiệu quả nhất trên thị trường.

Dựa trên nghiên cứu chuyên sâu về hành vi người dùng và nhu cầu thị trường, **Bảng giá Gen-Z** liên tục được cập nhật với các tính năng hiện đại, giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác và toàn diện. Đây không chỉ là một cải tiến công nghệ mà còn là bước đi chiến lược của DNSE trong hành trình số hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường chứng khoán.



TỰ ĐỘNG HOÁ VÀ TỐI ƯU VẬN HÀNH

DNSE không chỉ tiên phong số hóa sản phẩm chứng khoán mà còn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản trị và vận hành, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao năng suất. Công ty đã phát triển và triển khai các hệ thống hiện đại như **CRM, ERP trên nền tảng Odoo, Datawarehouse, Business Intelligence**, giúp tự động hóa quy trình kinh doanh, phân tích dữ liệu chuyên sâu và hỗ trợ ra quyết định chiến lược nhanh chóng.

Bên cạnh đó, DNSE đầu tư phát triển các phần mềm nội bộ nhằm quản lý toàn diện hoạt động doanh nghiệp, từ **quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo trực tuyến (E-learning), khảo sát, thanh toán**, đến tự động hóa các tác vụ tài chính, kế toán và báo cáo. Các phòng ban như **Chăm sóc khách hàng, Nhân sự** cũng ứng dụng các nền tảng tiên tiến như **Snowplow, Chatwoot, Hubspot, CRM ErpNext**, giúp tối ưu hiệu suất, giảm chi phí vận hành và nâng cao trải nghiệm người dùng.

Đặc biệt, DNSE đẩy mạnh tích hợp quy trình **Automation và ứng dụng AI vào vận hành doanh nghiệp**, giúp tự động hóa quy trình kiểm duyệt, quản lý dữ liệu và tối ưu hóa hiệu suất làm việc. Các công nghệ này không chỉ giúp DNSE

nâng cao tốc độ xử lý nghiệp vụ mà còn tăng cường khả năng phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, tối thiểu các sai sót.

Ngoài ra, DNSE triển khai **quản lý dự án trên nền tảng số hóa**, giúp giám sát tiến độ theo thời gian thực, đồng thời áp dụng **hợp trực tuyến tốc độ cao**, rút ngắn khoảng cách giữa các đội ngũ và tăng cường tính linh hoạt trong vận hành. Việc tích hợp công nghệ vào quản trị không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của DNSE.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM & ĐỐI TÁC

B2B2C, ĐỐI TÁC KẾT NỐI

Kênh hợp tác B2B2C đã mang lại hơn 400 ngàn tài khoản mở mới cho DNSE trong năm 2024, góp phần vào cột mốc 1 triệu tài khoản chứng khoán của DNSE. Số tài khoản chứng khoán cá nhân của DNSE hết năm 2024 chiếm 10,8% toàn thị trường. Giải pháp kết nối nền tảng đã được nhiều đối tác tài chính - công nghệ (“Fintech”), ngân hàng đón nhận để cùng mục tiêu nâng cao trải nghiệm của khách hàng về tài chính đầu tư trên một nền tảng với những thao tác thân thiện và dễ dàng. Với sự thành công của sản phẩm chứng khoán cùng Zalopay, DNSE trong năm 2025 tiếp tục chào đón và mở rộng phạm vi của mình đối với các Fintech và ngân hàng lớn khác thông qua các giải pháp đa dạng đảm bảo phù hợp nhất với từng nhu cầu của đối tác.

DNSE tiếp tục phát huy vị thế tiên phong khi là công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam kết nối cùng nền tảng TradingView – nền tảng số 1 thế giới về các công cụ giao dịch theo biểu đồ. Thông qua thao tác liên kết tài khoản chứng khoán trên nền tảng TradingView khách hàng có tài khoản chứng khoán tại DNSE có thể thực hiện thao tác đặt lệnh trên siêu biểu đồ và được hưởng quyền lợi dữ liệu giao dịch thị trường chứng khoán Việt Nam nhờ sự bắt tay của hai bên.

DNSE cũng rộng mở với các đối tác là Fintech khi cung cấp giải pháp vượt trội về công nghệ giúp đối tác tự động hóa luồng giới thiệu khách hàng cho DNSE, tích hợp giao dịch chứng khoán và API về giá.

Nhờ sở hữu khối công nghệ “trong nhà” DNSE hoàn toàn chủ động và đáp ứng được nhanh chóng nhu cầu của các đối tác về kết nối và tự động hóa các thao tác tác nghiệp hàng ngày giúp cả khách hàng và DNSE nâng cao hiệu suất làm việc.



SACO - BẠN ĐỒNG HÀNH ĐẦU TƯ DNSE

Nền tảng Saco đã ra mắt thị trường chứng khoán hơn 1 năm với sứ mệnh hỗ trợ nhà đầu tư và đối tác kinh doanh của DNSE có trải nghiệm gọn gàng và đơn giản trong việc đầu tư hàng ngày. Nền tảng Saco liên tục đưa ra những cải tiến và tính năng mới, điểm khác biệt vượt trội là các đối tác kinh doanh đã có thể theo dõi doanh số hàng ngày trên nền tảng này. Kết thúc năm 2024, DNSE đã có hơn 1,700 Saco – bạn đồng hành đầu tư và hơn 26 ngàn tỷ giá trị giao dịch cơ sở qua chương trình này.

Trong 2025, DNSE sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng Saco với chương trình xây dựng đội ngũ, hỗ trợ kịp thời về kiến thức cũng như đảm bảo cập nhật thông tin nhanh chóng đến các đối tác kinh doanh của DNSE.



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM & ĐỐI TÁC



ENSA 2.0 - BƯỚC TIẾN VƯỢT BẬC TRONG CÔNG NGHỆ TRỢ LÝ ĐẦU TƯ THÔNG MINH

Tiếp nối thành công của phiên bản đầu tiên, tháng 8/2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng khi DNSE chính thức ra mắt Ensa 2.0 – thể hệ trợ lý chứng khoán AI tiên tiến. Được xây dựng trên nền tảng kiến trúc đa tác tử (multi-agent), Ensa 2.0 không đơn thuần là một chatbot mà là một hệ sinh thái trí tuệ tích hợp, nơi các “chuyên gia ảo” với những chuyên môn đặc thù cùng phối hợp để mang đến trải nghiệm tư vấn đầu tư toàn diện.

Với khả năng phân tích được nâng cấp đáng kể, Ensa 2.0 cung cấp những đánh giá chuyên sâu về định giá cổ phiếu và các yếu tố cơ bản của doanh nghiệp. Điểm đột phá của phiên bản mới nằm ở khả năng chủ động – Ensa không chỉ đợi câu hỏi từ nhà đầu tư mà còn tự động gửi báo cáo phân tích, cảnh báo biến động giá và tổng hợp thông tin giao dịch quan trọng. Tính năng theo dõi xu hướng giao dịch của khối ngoại và tự doanh được tích hợp, giúp nhà đầu tư nắm bắt kịp thời những động thái quan trọng của thị trường.

Một trong những tính năng được đánh giá cao nhất của Ensa 2.0 là hệ thống cảnh báo giá thông minh. Nhà đầu tư có thể dễ dàng cài đặt các ngưỡng giá theo dõi cho các mã cổ phiếu quan tâm và nhận thông báo kịp thời khi giá chạm ngưỡng, giúp tối ưu hóa thời điểm giao dịch và quản lý danh mục hiệu quả.

Sự ra mắt của Ensa 2.0 không chỉ khẳng định vị thế tiên phong của DNSE trong việc ứng dụng AI vào lĩnh vực tài chính-đầu tư mà còn đánh dấu một bước tiến quan trọng trong hành trình số hóa dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam. Với những tính năng vượt trội và khả năng tương tác thông minh, Ensa 2.0 đang dần hiện thực hóa tầm nhìn của DNSE – trở thành nền tảng chứng khoán thấu hiểu nhà đầu tư hàng đầu thị trường.

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM & ĐỐI TÁC

SENSES

Là công cụ sàng lọc cổ phiếu nhanh chóng qua các chỉ số tài chính và cung cấp số liệu thống kê đa dạng và đầy đủ cho thị trường phái sinh.

Đối với phân tích cổ phiếu: Senses cung cấp các chỉ số tài chính chính, báo cáo tài chính, báo cáo thu nhập được tính toán đặc trưng cho từng ngành nghề bao gồm: ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, sản xuất và bất động sản.

Đối với thị trường phái sinh: Senses là trang website duy nhất đầy đủ dữ liệu nhất về thị trường phái sinh trên thị trường, bao gồm dữ liệu về tổng giá trị giao dịch thị trường, hợp đồng mở (OI), số liệu về giao dịch thời điểm và tích lũy của giao dịch tự doanh và nhà đầu tư nước ngoài.

Chỉ sau 1 năm ra mắt, Senses đã đạt được những kết quả ấn tượng.

Người dùng đang hoạt động:

465.000 người

▲ tăng trưởng 108,5% so với 2023



Thời gian tương tác trung bình trên mỗi người dùng đang hoạt động: tăng 60% so với 2023; đặc biệt với người dùng phái sinh chỉ sau hơn 6 tháng golive, thời gian tương tác trung bình trên mỗi người dùng đang hoạt động lên hơn 16 phút.

Trong đó, người dùng mới:

400.000 người

▲ tăng trưởng 121,3% so với 2023

Số lượt xem đạt khoảng

1,4 triệu

▲ tăng 29% so với 2023

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024 HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM & ĐỐI TÁC

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ - TRADING IDEAS

Là sản phẩm khuyến nghị đầu tư cổ phiếu với định vị sản phẩm đảm bảo 3 yếu tố: đơn giản, định lượng và đầy đủ. Đây là sản phẩm với sự kết hợp giữa công nghệ cùng mô hình định lượng có back-test, phù hợp với từng khẩu vị rủi ro và trường phái đầu tư khác nhau (theo phân tích cơ bản và theo phân tích kỹ thuật). Với mỗi chiến thuật đầu tư, khách hàng sẽ được khuyến nghị các mã cổ phiếu có thể có tiềm năng mang lại hiệu suất đầu tư tốt trong tương lai. Các mã cổ phiếu được lựa chọn thỏa mãn các điều kiện và tiêu chí đánh giá, bao gồm nền tảng tài chính cơ bản tốt, có tín hiệu phân tích kỹ thuật, và đã được kiểm chứng tính hiệu quả trong quá khứ. Ngoài ra, các mã cổ phiếu khuyến nghị được chọn lọc theo các điều kiện về giá và giá trị giao dịch, loại bỏ các mã cổ phiếu thuộc diện cảnh báo, hạn chế, cấm giao dịch. Sản phẩm có hiệu suất đầu tư trung bình năm vượt trội, đạt từ 55% đến 72%, và có tỷ lệ khuyến nghị thành công (win-rate) từ 56%-86%.

Sản phẩm có hiệu suất đầu tư trung bình năm vượt trội

55-72%



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận khởi đầu tích cực và có phần chững lại trong nửa cuối năm cùng với sự suy yếu chung trên các thị trường mới nổi và cận biên. VN-Index có mức tăng trưởng thấp hơn đà tăng của thị trường chứng khoán toàn cầu nhưng vẫn khả quan hơn thị trường khu vực Đông Nam Á (ASEAN).

Sử dụng đòn bẩy luôn là một trong những phương pháp và công cụ đắc lực gia tăng hiệu suất đầu tư trong bối cảnh môi trường lãi suất hạ nhiệt. Năm 2024, DNSE tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong việc cung cấp các giải

pháp tài chính cá nhân hóa, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm margin phục vụ mọi nhu cầu vay của khách hàng. Với mục tiêu tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, DNSE tập trung phát triển hệ sinh thái vay toàn diện. Đặc biệt trong năm 2024, đã có nhiều sản phẩm tài chính mới được ra mắt, bao gồm:

Bộ sản phẩm miễn lãi R3 – R5 – R10: Dành cho các nhà đầu tư có thời gian nắm giữ ngắn hạn và tối ưu lợi nhuận từ nguồn vay miễn lãi

	R3	R5	R10
0% Miễn lãi	3 ngày	5 ngày	10 ngày
% Lãi suất	15%/năm	12,5%/năm	15%/năm
Tỷ lệ vay	10% – 50%	10% – 50%	10% – 50%
\$ Phí giao dịch	Miễn phí	0.045%	0.045%
Thời hạn vay	90 ngày	90 ngày	90 ngày
Danh mục vay	>200 mã	>200 mã	>200 mã



KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Sản phẩm gia tăng tỉ lệ vay Flash Margin: Dành cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, lựa chọn các mã cổ phiếu được nâng tỉ lệ vay lên mức tối đa 50%

FLASH MARGIN



Tỷ lệ nắm giữ tối đa
Cho phép bạn vay ký quỹ tối đa, giúp tăng cường vị thế đầu tư và tối ưu hoá lợi nhuận.



“HIGH RISK, HIGH RETURN”
Flash Margin đặc biệt phù hợp cho những nhà đầu tư ưa mạo hiểm, mang đến cơ hội đạt được lợi nhuận cao trong thời gian ngắn.



Thời gian nắm giữ ngắn
Linh hoạt lướt sóng theo những biến động thị trường, nắm bắt cơ hội sinh lời trong thời gian ngắn nhất.



Danh mục thanh khoản cao
Sinh lời nhanh, phù hợp đầu tư ngắn hạn.



Chính sách ưu đãi margin hấp dẫn cho khách hàng thân thiết từ Pro X trở lên



Danh mục Chef Portfolio – Margin 5,99 Plus: Danh mục cổ phiếu được tinh chọn hàng tháng bởi chuyên gia, cùng gói vay ưu đãi 5,99% trong 30 ngày đầu.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Tính năng Demo Margin: Công cụ minh họa gói vay, hỗ trợ khách hàng lựa chọn gói vay phù hợp nhu cầu



Các tính năng và sản phẩm tài chính mới ra mắt trong năm 2024 đã góp phần tích cực trong việc tăng trưởng số lượng khách hàng mới sử dụng margin, từ đó thúc đẩy dư nợ và doanh thu margin cho DNSE.

Về phương diện hệ thống, DNSE tiên phong áp dụng **hệ thống quản trị vay theo deal**, cho phép tối ưu hóa quy trình quản lý và giám sát các khoản vay một cách hiệu quả và nhanh chóng. Ưu thế đặc biệt này giúp nhà đầu tư tránh tối đa rủi ro bán chéo cổ phiếu tốt trong danh mục, bảo toàn tối đa nguồn vốn, giúp DNSE đáp ứng tốt hơn các yêu cầu phức tạp từ khách hàng. Nhờ đó, dư nợ cho

vay giao dịch ký quỹ năm 2024 tăng trưởng 56,8% so với 2023; đồng thời doanh thu margin 2024 ghi nhận mức tăng trưởng 25,9% so với cùng kỳ năm trước.

Sản phẩm giao dịch ký quỹ tại DNSE được phát triển dựa trên hệ thống quy chế, quy trình và các tiêu chí được cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. DNSE luôn cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro. Các khoản vay ký quỹ được kiểm soát thông qua một quy trình đa tầng với sự tham gia của nhiều bộ phận, cùng với

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM TÀI CHÍNH



sự kiểm tra định kỳ của Kiểm soát nội bộ. Điều này đảm bảo rằng tất cả các giao dịch vay ký quỹ đều nằm trong phạm vi an toàn, được kiểm soát kỹ lưỡng từ khâu phê duyệt đến quản lý và hậu kiểm.

DNSE không chỉ quản lý danh mục giao dịch ký quỹ một cách chặt chẽ mà còn linh hoạt điều chỉnh dựa trên những biến động của thị trường, từ đó đảm bảo tính ổn định và an toàn cho cả công ty và khách hàng. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận cùng hệ thống giám sát liên tục giúp DNSE duy trì tính minh bạch và giảm thiểu tối đa rủi

ro trong hoạt động cho vay ký quỹ, mang lại niềm tin vững chắc cho nhà đầu tư.

Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ năm 2024 tăng trưởng

56,8%
so với 2023

Doanh thu margin 2024 ghi nhận mức tăng trưởng

25,9%
so với cùng kỳ năm trước



Chiến lược phát triển 2025

- Tầm nhìn phát triển
- Kế hoạch hành động

TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN

Kế thừa tầm nhìn từ ngày đầu thành lập, DNSE sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nền tảng công nghệ nhằm cung cấp những giải pháp giao dịch tối ưu về tính năng, chi phí và

tốc độ cho mọi đối tượng khách hàng. Chiến lược phát triển năm 2025 của HĐQT tập trung vào ba định hướng chính như sau:



XÂY DỰNG NỀN TẢNG GIAO DỊCH LIÊN TỤC VÀ NHANH CHÓNG

DNSE tiếp tục khẳng định vị thế là công ty chứng khoán tiên phong về công nghệ - yếu tố cốt lõi đã thu hút các nhà đầu tư từ những ngày đầu thành lập. Công ty đặt mục tiêu hàng đầu là đảm bảo hệ thống giao dịch ổn định, liên tục với tốc độ xử lý nhanh nhất thị trường.

Năm 2024, DNSE đã triển khai thành công hệ thống IBM LinuxONE, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nâng cấp hạ tầng công nghệ. Việc đầu tư vào hệ thống này đã mang lại những cải thiện đáng kể về hiệu suất xử lý giao dịch. Cụ thể, 99% lệnh giao dịch được xử lý nhanh hơn từ 25% đến 100% so với trước đây, giúp tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch của khách hàng và tăng cường khả năng đáp ứng trong những thời điểm thị trường có thanh khoản cao. Đặc biệt, tốc độ xử lý batch cuối ngày cũng

được cải thiện 30%, giúp rút ngắn thời gian hoàn tất các quy trình nghiệp vụ sau giờ giao dịch, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành tổng thể của công ty. Sự đầu tư này thể hiện cam kết của DNSE trong việc liên tục cải tiến nền tảng công nghệ, đảm bảo cung cấp dịch vụ giao dịch ổn định và hiệu quả cho khách hàng.

Trong năm 2025, DNSE sẽ tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ, tập trung nâng cao tốc độ xử lý giao dịch. Bên cạnh đó, DNSE sẽ tiếp tục cải thiện quy trình xử lý batch cuối ngày để rút ngắn thời gian hoàn tất nghiệp vụ sau giao dịch, giúp khách hàng quản lý danh mục hiệu quả hơn. Hệ thống an toàn bảo mật cũng được nâng cấp với các công nghệ mới nhằm bảo vệ dữ liệu khách hàng trước rủi ro an ninh mạng.

99% lệnh giao dịch được xử lý nhanh hơn từ

25% đến 100%

Tốc độ xử lý batch cuối ngày cũng được cải thiện

30%

TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN

PHÁT TRIỂN KÊNH BÁN ĐA DẠNG TRÊN CÁC NỀN TẢNG

DNSE sẽ tập trung vào việc phát triển kênh bán đa dạng trên các nền tảng nhằm mở rộng thị phần và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển đa kênh, trong đó tập trung mở rộng việc tối ưu hóa nội dung số trên các nền tảng mạng xã hội, giúp tiếp cận và gắn bó với khách hàng trên các nền tảng: Facebook, Website DNSE, Instagram, TikTok, website và ứng dụng Mạng xã hội Bò và Gấu.

Bên cạnh đó, DNSE không ngừng mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác công nghệ tài chính như Ví điện tử

Zalopay, các công ty Fintech và ngân hàng nhằm đa dạng hóa tiện ích giao dịch chứng khoán cho khách hàng, tạo ra một hệ sinh thái giao dịch toàn diện và thuận tiện. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của DNSE trong việc không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu trở thành nền tảng giao dịch chứng khoán hàng đầu trên thị trường.



TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN

KIẾN TẠO ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ HỖ TRỢ CHO VẬN HÀNH KINH DOANH TỐI ƯU DỰA TRÊN TỰ ĐỘNG HÓA

DNSE tập trung vào việc nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc ứng dụng AI và tự động hóa vào quy trình dịch vụ khách hàng và vận hành nội bộ. Công ty sẽ tối ưu hóa quy trình quản trị nội bộ bằng công nghệ số, đồng thời đẩy mạnh thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ. DNSE chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ hiện hữu để thích ứng với chuyển đổi số, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo và học tập liên tục trong toàn công ty.

Song song với các chiến lược trên, DNSE sẽ tối ưu hóa nguồn vốn thông qua đa dạng hóa kênh huy động và quản trị chi phí hiệu quả dựa trên nền tảng công nghệ. Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng cường quản trị rủi ro và tuân thủ, đồng thời nâng cao giá trị cho cổ đông và các bên liên quan.

Với nền tảng công nghệ vượt trội cùng chiến lược phát triển toàn diện, DNSE kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng

mạnh mẽ và bền vững trong năm 2025, khẳng định vị thế công ty chứng khoán công nghệ hàng đầu tại Việt Nam.

Cùng với nền tảng công nghệ tốt nhất và vận hành tối ưu, sự tăng trưởng của DNSE có thể nói là là kết quả của cả các yếu tố chiến lược – công nghệ – vận hành. Đồng thời, các yếu tố này sẽ tăng thêm sức bật để DNSE tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh hơn, mạnh mẽ hơn.



TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2025
Tổng doanh thu thuần	849
Lợi nhuận trước thuế	327
Lợi nhuận sau thuế	262



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

XÂY DỰNG SẢN PHẨM ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN VÀ ĐƠN GIẢN HÓA TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

DNSE không ngừng hoàn thiện và mở rộng hệ sinh thái đầu tư toàn diện, mang đến cho nhà đầu tư nhiều lựa chọn đa dạng, từ giao dịch chứng khoán cơ sở, chứng khoán phái sinh đến các dịch vụ tài chính như cho vay ký quỹ theo từng gói vay đa dạng và linh hoạt phù hợp với khẩu vị rủi ro được cá nhân hóa, đầu tư sinh lời có kỳ hạn và các giải pháp tối ưu hóa nguồn vốn.

DNSE hiện tập trung vào việc đơn giản hóa toàn diện trải nghiệm đầu tư cho khách hàng từ quá trình mở tài khoản giao dịch, nộp rút tiền, đặt lệnh giao dịch, thông tin thị trường cập nhật, hiệu suất đầu tư và báo cáo tài sản. Ví dụ, sản phẩm tài khoản liên kết với Ngân hàng Techcombank giúp khách hàng thực hiện giao dịch mà không cần thao tác nộp tiền từng lần, từ đó tối ưu hóa thời gian và nâng cao hiệu quả giao dịch.

DNSE tập trung phát triển các công cụ hỗ trợ giao dịch thông minh như lệnh AI, hệ thống Trading Ideas với các

khuyến nghị đầu tư tự động, cùng các công cụ cung cấp thông tin giao dịch nhanh như bot AI Ensa và Senses. Song song đó, DNSE chú trọng vào việc phát triển và nâng cấp các công cụ giao dịch tự động hiện đại như tích hợp TradingView – nền tảng phân tích biểu đồ hàng đầu thế giới, cung cấp giao diện trực quan, các công cụ vẽ biểu đồ hiện đại và khả năng tùy chỉnh linh hoạt. Những giải pháp công nghệ tiên tiến này không chỉ góp phần nâng cao trải nghiệm giao dịch mà còn cung cấp cho nhà đầu tư bộ công cụ toàn diện để nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược giao dịch thông minh và tối ưu hóa hiệu suất đầu tư trong mọi điều kiện thị trường.

DNSE cam kết tiếp tục đổi mới, ứng dụng công nghệ hiện đại và mở rộng hệ sinh thái tài chính để mang lại giá trị vượt trội cho nhà đầu tư.



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

ĐA DẠNG HÓA VÀ KẾT NỐI HỆ SINH THÁI TÀI CHÍNH

DNSE không ngừng mở rộng các dịch vụ và sản phẩm của mình thông qua việc hợp tác với các đối tác chiến lược như Ví điện tử Zalopay, nền tảng Fintech. Sự kết hợp này không chỉ giúp DNSE nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ mà còn tạo ra những sản phẩm tài chính cá nhân hóa, phù hợp với từng nhóm khách hàng khác nhau. Việc kết nối này là một yếu tố quan trọng trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư cho khách hàng, từ đó DNSE có thể cung cấp cho các nhà đầu tư nhiều lựa chọn khác nhau từ cổ phiếu, trái phiếu đến các sản phẩm phái sinh.

Dự kiến trong năm 2025, DNSE sẽ tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính của mình bằng cách thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính lớn Vietcombank, Vietinbank và BIDV. Mục tiêu của những sự kết hợp này là đa dạng hóa danh mục sản phẩm Trứng Vàng, một sản

phẩm đầu tư đa dạng bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và chứng chỉ quỹ. Sản phẩm này được thiết kế để tối ưu hóa nguồn vốn cho nhà đầu tư thông qua lợi suất hấp dẫn và linh hoạt về kỳ hạn. Việc kết hợp này không chỉ mang lại lợi ích cho công ty mà còn giúp khách hàng tiếp cận những sản phẩm với chất lượng cao và phù hợp với nhu cầu của họ.



Dự kiến trong năm

2025

DNSE sẽ tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tài chính



GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ

DNSE hướng đến xây dựng một hệ sinh thái truyền thông gần gũi và dễ tiếp cận, thông qua nội dung đa dạng trên nhiều kênh. Các hoạt động Marketing sáng tạo giúp tăng cường sự gắn kết với cộng đồng nhà đầu tư, từ đó tạo nên một môi trường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phát

triển bền vững. Việc xây dựng hệ sinh thái đa kênh – đa phương tiện – đa nền tảng, bằng những nội dung hài hước, gần gũi và đơn giản với nhà đầu tư sẽ giúp DNSE tiếp cận được với đông đảo người dùng với chi phí tối ưu nhất.

CON NGƯỜI LÀ NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN

GREAT PLACE TO WORK

Với định hướng đặt con người làm trung tâm, DNSE tạo dựng một môi trường làm việc lý tưởng, nơi mỗi cá nhân được khuyến khích phát huy năng lực, sáng tạo và phát triển. Việc được công nhận là “Great Place to Work” chính là minh chứng cho cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự gắn kết và chất lượng.

Bên cạnh việc triển khai các kế hoạch đã đề ra cho năm 2025, DNSE sẽ không ngừng mở rộng và phát triển các mảng kinh doanh mới, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, khai thác tối đa tiềm năng tài sản và nắm bắt các cơ hội thị trường, từ đó gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông.





Quản trị doanh nghiệp

- Báo cáo của HĐQT 2024
- Báo cáo Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
- Hoạt động Quản trị rủi ro
- Thông tin Cổ phiếu DSE & Cơ cấu Cổ đông tại 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ cổ phần cuối kỳ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
01	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không điều hành	07/7/2020		0%
02	Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT không điều hành	07/7/2020		0%
03	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT điều hành	07/7/2020		0%
04	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT không điều hành	19/04/2022		0,02%
05	Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập HĐQT	10/08/2023		0,1%

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Hoàng Giang	28/28	100%	
02	Ông Lê Anh Tuấn	28/28	100%	
03	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	28/28	100%	
04	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	28/28	100%	
05	Ông Bùi Anh Dũng	28/28	100%	

BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024



Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức tổng cộng là 28 cuộc họp định kỳ, bất thường để kịp thời đưa ra các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời, bảo đảm việc ứng phó linh hoạt với các diễn biến của thị trường, với tỷ lệ thông qua và thống nhất cao. Các quyết định này được công ty công bố tại mục 5 Phần II Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 22/01/2025. Các cuộc họp như sau:

BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2024/NQ-HĐQT-DNSE	10-01-24	Thông qua và phê duyệt việc ký kết và triển khai Hợp đồng cung cấp dịch vụ đại lý phân phối cổ phiếu và các Phụ lục cần thiết khác với công ty Cổ phần Chứng khoán VINA phục vụ cho đợt chào bán cổ phiếu của công ty; và các nội dung khác	100%
02	02/2024/NQ-HĐQT-DNSE	25-01-24	Thông qua giá chào bán và danh sách nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng	100%
03	03/2024/NQ-HĐQT-DNSE	26-01-24	Thông qua mức thù lao chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023	100%
04	04/2024/NQ-HĐQT-DNSE	01-02-24	Thông qua phương án xử lý đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	100%
05	05/2024/NQ-HĐQT-DNSE	01-02-24	Thông qua Kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty	100%
06	06/2024/NQ-HĐQT-DNSE	22-02-24	Thông qua việc trả lại tiền đã nộp cho nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký và thanh toán không hợp lệ trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của công ty	100%
07	07/2024/NQ-HĐQT-DNSE	26-02-24	Thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp	100%
08	8.1/2024/NQ-HĐQT-DNSE	13-03-24	Thông qua miễn nhiệm chức danh Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với ông Lê Anh Tuấn	100%
09	8.2/2024/NQ-HĐQT-DNSE	13-03-24	Thông qua bổ nhiệm chức danh Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với ông Phan Nguyễn Hữu Phương	100%
10	01AGM/2024/NQ-HĐQT-DNSE	17-04-24	Thông qua việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế về quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và một số nội dung khác	100%
11	9/2024/NQ-HĐQT-DNSE	22-04-24	Thông qua việc triển khai chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt và ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2023	100%
12	10/2024/NQ-HĐQT-DNSE	02-05-24	Thông qua bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty	100%
13	11/2024/NQ-DNSE-HĐQT	06-05-24	Thông qua chốt danh sách cổ đông và thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	100%
14	12/2024/NQ-HĐQT-DNSE	29-05-24	Thông qua Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	100%

BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	13/2024/NQ-HĐQT-DNSE	05-06-24	Thông qua phê duyệt phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và các nội dung khác có liên quan	100%
16	14/2024/NQ-HĐQT-DNSE	05-06-24	Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	100%
17	14/2024/NQ-HĐQT-DNSE	21-06-24	Thông qua ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu của DNSE tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100%
18	15/2024/NQ-DNSE-HĐQT	09-07-24	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc.	100%
19	16/2024/NQ-DNSE-HĐQT	12-07-24	Lựa chọn công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2024.	100%
20	17/2024/NQ-DNSE-HĐQT	12-07-24	Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ.	100%
21	18/2024/NQ-DNSE-HĐQT	21-08-24	Bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ (Người phụ trách Kiểm toán nội bộ).	100%
22	19/2024/NQ-HĐQT-DNSE	05-09-24	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết HĐQT số 13/2024/NQ-HĐQT-DNSE ngày 05/06/2024.	100%
23	20/2024/NQ-HĐQT-DNSE	06-09-24	Phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng điều chỉnh	100%
24	20.1/2024/NQ-DNSE-HĐQT	10-10-24	Thông qua Nguyên tắc và Khung phân quyền của công ty.	100%
25	20^/2024/NQ-DNSE-HĐQT	15-11-24	Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt.	100%
26	21/2024/NQ-DNSE-HĐQT	18-11-24	Đính chính Nghị quyết 20^/2024/NQ-DNSE-HĐQT.	100%
27	22/2024/NQ-HĐQT-DNSE	04-12-24	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết HĐQT số 19/2024/NQ-HĐQT-DNSE ngày 05/09/2024.	100%
28	23/2024/NQ-HĐQT-DNSE	31-12-24	Mức thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2024.	100%

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên giám sát đối với hoạt động điều hành công ty của Ban Tổng Giám Đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến

quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

VỀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Năm 2024, công ty duy trì số thành viên HĐQT là 05 thành viên, trong đó bao gồm 01 thành viên là thành viên độc lập HĐQT, HĐQT hoạt động và thực hiện chức năng nhiệm vụ một cách có hiệu quả, nâng cao vai trò trong việc quản trị các lĩnh vực được giao, đảm bảo mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả nhất. Cơ cấu HĐQT hiện tại là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính, chứng khoán và công nghệ, phù hợp cơ cấu theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính độc lập, khách quan.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kể từ khi nhậm chức vào ngày 10/08/2023, thành viên độc lập HĐQT đã thể hiện sự tích cực trong việc tham dự đầy đủ các phiên họp, đóng góp ý kiến và đưa ra những đề xuất thiết thực nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty.

Qua quá trình giám sát, thành viên độc lập HĐQT ghi nhận Ban lãnh đạo đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và người lao động. Hoạt động quản trị được thực thi đúng thẩm quyền, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tính minh bạch và công bằng đối với mọi cổ đông.

HĐQT đã giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để định hướng hoạt động của công ty; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán và các đơn vị có liên quan.

HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp để rà soát và đánh giá toàn diện các mảng hoạt động quan trọng của công ty, bao gồm: định hướng chiến lược, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác quản trị rủi ro, chiến lược đầu tư công nghệ, cũng như việc hoàn thiện hệ thống quy trình quản lý.

Các phiên họp HĐQT được tổ chức đúng quy trình, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ. Mọi quyết định của HĐQT đều được thông qua dựa trên sự đồng thuận của đa số thành viên, đảm bảo tính dân chủ và khách quan.



BÁO CÁO CỦA HĐQT 2024

BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên

Các giao dịch này đã được công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 lập ngày 22/01/2025. Nội dung các dịch vụ chủ yếu về hợp tác và cung cấp sản

phẩm/dịch vụ, giao dịch mua bán chứng khoán. Các giao dịch đã được công bố và chấp thuận đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc thông qua các cơ chế kiểm tra và báo cáo định kỳ. Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường, Ban Điều hành đã nỗ lực duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu 829 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 182 tỷ đồng, giảm 21% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế trong năm 2024 của DNSE đạt hơn 228 tỷ đồng, mặc dù giảm nhưng phù hợp với định hướng và chiến lược của công ty trong việc tập trung đầu tư vào phát triển công nghệ, con người và phát triển mở rộng thị phần. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả này là nỗ lực duy trì cân bằng giữa tăng trưởng doanh thu và chiến lược đầu tư dài hạn để xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho DNSE trong dài hạn.

Trong quá trình điều hành, Tổng Giám Đốc và Ban Điều hành luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghị quyết của HĐQT. Công ty tiếp tục xây dựng môi trường

kinh doanh bền vững và tăng cường công tác quản trị rủi ro. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Điều hành trong việc duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đồng thời định hướng phát triển dài hạn của công ty trong bối cảnh thị trường đầy biến động.

Tổng doanh thu
829 tỷ đồng
▲ tăng 12% so với năm trước

Lợi nhuận sau thuế đạt
182 tỷ đồng
▼ giảm 21% so với năm 2023

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ cổ phần cuối kỳ
01	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Trưởng BKS	19/04/2023	0,009%
02	Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên BKS	07/07/2020	0
03	Ông Trần Vĩnh Cửu	Thành viên BKS	19/04/2023	0

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực thi vai trò giám sát của mình theo đúng khuôn khổ được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động. Mỗi thành viên không chỉ hoàn thành trọng trách được giao một cách hiệu quả mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao thông qua

việc tham gia đầy đủ và tích cực vào các cuộc họp, bao gồm cả các phiên thường kỳ và bất thường. Các thành viên đều chủ động đóng góp ý kiến và tham gia biểu quyết về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA BKS

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
01	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	2/2	100%	100%
02	Ông Nguyễn Quang Sơn	2/2	100%	100%
03	Ông Trần Vĩnh Cửu	2/2	100%	100%

Ban Kiểm soát đã tổ chức thành công hai cuộc họp định kỳ trong năm 2024, tập trung thảo luận và đánh giá nhiều nội dung quan trọng, bao gồm: đánh giá tổng thể kết quả hoạt động năm 2024 và xây dựng chiến lược cho năm 2025; thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 và chuẩn bị nội dung báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên; rà soát kết quả hoạt động theo từng giai đoạn (quý/6 tháng) và hoạch định kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo; cùng các vấn đề về quản trị nhân sự.

Các phiên họp được Trưởng Ban Kiểm soát chủ trì với sự tham dự đầy đủ của toàn bộ thành viên. Mọi nội dung họp

đều được ghi chép và lưu trữ đầy đủ trong biên bản theo đúng quy định.

Dựa trên kết quả giám sát, Ban Kiểm soát đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc các giải pháp nhằm tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, hạn chế rủi ro trong hoạt động. Những đề xuất này không chỉ giúp đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt với các quy định của Pháp luật, Điều lệ DNSE và các quy chế nội bộ, mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP

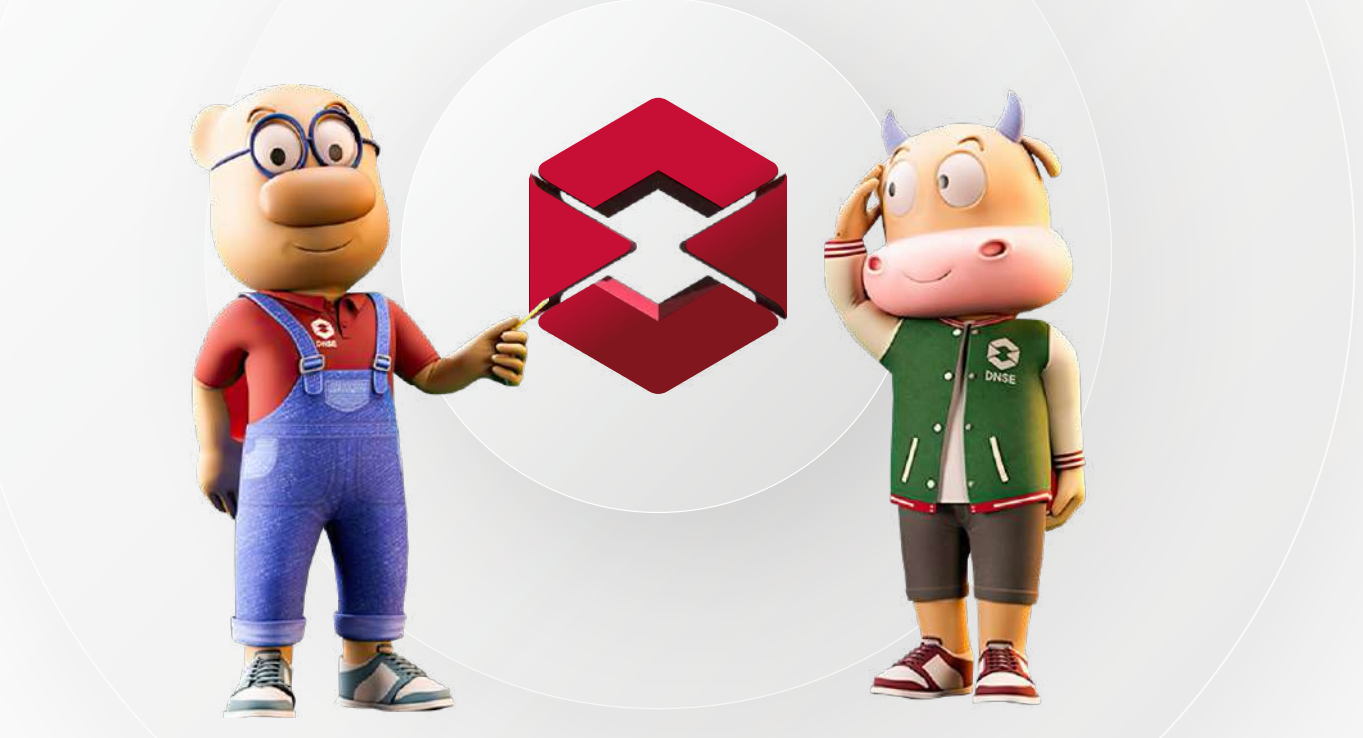
Về hoạt động quản trị

Công ty đã vận hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Việc công bố thông tin được thực hiện đúng quy định của thị trường chứng khoán.

Đặc biệt, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự năng động trong việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh và xây dựng đội ngũ nhân sự các cấp.

Đánh giá về hệ thống kế toán

Hệ thống kế toán của công ty được vận hành chuyên nghiệp, tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập định kỳ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực và hợp pháp.



Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Ban Kiểm soát đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát bằng việc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty.

Các đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp nhận nghiêm túc, triển khai

thực hiện và theo dõi kết quả một cách có hệ thống. Những phát hiện và đề xuất này được chia sẻ rộng rãi trong các hội nghị sơ kết, tổng kết nhằm nâng cao hiệu quả quản trị. Sự phối hợp giữa các bên luôn được duy trì theo đúng khuôn khổ pháp lý và các quy định của DNSE.

Ban Kiểm soát đã báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trước các cổ đông tại các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ DNSE. Trong năm 2024, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào yêu cầu Ban Kiểm soát về việc xem xét sổ sách kế toán, tài liệu hoặc yêu cầu kiểm tra liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của DNSE.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích cho HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc năm 2024 (nội dung này dẫn chiếu tại Báo cáo tài chính DNSE 2024 – trang 194 - 195 trong Báo cáo thường niên 2024)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

(Theo Báo cáo quản trị công ty lập ngày 22/01/2025)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	0	0%	36.492.600	11,06%	Mua cổ phiếu trở thành cổ đông lớn và Mua cổ phiếu
02	Nguyễn Quỳnh Mai	Người nội bộ	55.602	0,0185%	30.602	0,009%	Mua và Bán cổ phiếu
03	Phan Thị Thùy Trang	Người có liên quan của Người nội bộ	330.000	0,10%	0	0%	Bán cổ phiếu



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ

(Theo Báo cáo quản trị công ty lập ngày 22/01/2025)

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Công ty mẹ - Cổ đông lớn	0108400691 cấp lần đầu ngày 09/08/2018 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Số 46 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	31/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024	- Cổ tức đã trả 168.300.000.000 VND - Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 17.194.616 VND - Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ: 576.211.546 VND - Chi phí lãi tiền gửi và các thỏa thuận giao dịch: 25.497.438 VND
Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Cổ đông lớn	0109201071 cấp lần đầu ngày 29/05/2020 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Số 46 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	31/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024	- Cổ tức đã trả: 33.000.000.000 VND - Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 51.127.608 VND - Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ: 23.876.370.000 VND - Chi phí lãi tiền gửi và các thỏa thuận giao dịch: 51.755.536 VND
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	CA5604 cấp ngày 15/12/2011 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	C/O PYN Fund Management Ltd, PL 139 00101, Helsinki, Finland	23/01/2024 - 20/05/2024	01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024	- Cổ tức đã trả: 36.246.300.000 VND - Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 40.433.452 VND
Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS	Người nội bộ			02/01/2024 - 31/12/2024	01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024	- Cổ tức đã trả: 390.602.000 VND - Doanh thu phí giao dịch và các dịch vụ chứng khoán: 16.989.051 VND - Chi phí lãi tiền gửi và các thỏa thuận giao dịch: 107.382.906 VND

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ

(Theo Báo cáo quản trị công ty lập ngày 22/01/2025)



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2024, DNSE tiếp tục nâng cao các quy trình quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro tại DNSE đã được phát triển toàn

diện hơn, nâng cao tính tự động hóa trong việc xử lý rủi ro, bao gồm việc nhận diện, đánh giá, đo lường và xử lý rủi ro một cách kịp thời, phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của thị trường tài chính và các yếu tố kinh tế vĩ mô.



Nhận diện rủi ro

DNSE đã tăng cường khả năng nhận diện các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro vận hành, và rủi ro pháp lý. Các công cụ và phương pháp phân tích hiện đại được sử dụng nhằm xác định và đánh giá kịp thời những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Quá trình này được thực hiện liên tục và đồng bộ, với sự tham gia của tất cả các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo không bỏ sót các nguy cơ tiềm ẩn.



Đo lường rủi ro

DNSE liên tục cải tiến các phương pháp đo lường rủi ro, từ việc phân tích sâu các yếu tố thị trường đến việc đánh giá tác động của từng loại rủi ro cụ thể đối với từng mảng hoạt động của công ty. Các mô hình phân tích và dự báo rủi ro được sử dụng đồng bộ với hệ thống quản lý rủi ro toàn diện, giúp công ty có cái nhìn chính xác và nhanh chóng điều chỉnh chiến lược khi cần thiết.



Giám sát và kiểm soát rủi ro

DNSE đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát và giám sát rủi ro, áp dụng các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt trong toàn bộ quy trình hoạt động với các bộ chỉ số (bao gồm và không hạn chế) như: Hạn mức rủi ro, hạn mức vốn, thẩm quyền phê duyệt, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý và các ngưỡng hạn mức rủi ro. Việc giám sát rủi ro được triển khai trên tất cả các cấp độ quản lý và điều hành nhằm đảm bảo việc thực thi các biện pháp quản trị rủi ro đúng quy định và đạt hiệu quả cao nhất. Các yếu tố giám sát này được quy định trong khung phân quyền phê duyệt hạn mức và quản trị tự động bằng hệ thống công nghệ đem lại hiệu quả cao.



Xử lý rủi ro

Khi rủi ro xảy ra, DNSE đã thiết lập các quy trình ứng phó nhanh chóng, bảo đảm việc xử lý rủi ro được thực hiện kịp thời, tự động nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại có thể gây ra. Công ty đã xây dựng kế hoạch hành động chi tiết để đối phó với các tình huống phát sinh, từ đó giúp duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan.



Báo cáo rủi ro

Hệ thống báo cáo rủi ro tại DNSE được hoàn thiện với tính minh bạch và chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa ra các quyết định chiến lược của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị. Trưởng các phòng ban/ bộ phận nghiệp vụ phải đảm bảo tính chính xác và tính phù hợp của hệ thống báo cáo quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý, quy định của DNSE theo từng thời kỳ, đồng thời gửi cho bộ phận Quản trị rủi ro ("QTRR") định kỳ, hàng ngày, bất thường. Bộ phận QTRR gửi báo cáo độc lập tới Ban Tổng Giám đốc định kỳ, hàng ngày hoặc bất thường diễn ra theo sự vụ.

Nhờ những cải tiến liên tục trong hoạt động quản trị rủi ro, DNSE đã duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, đồng thời bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng và các cổ đông, góp phần xây dựng niềm tin vững chắc cho các nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2024

Trong hoạt động kinh doanh của DNSE, các loại rủi ro trọng yếu được nhận diện bao gồm: **rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, và rủi ro hoạt động**. DNSE đã thiết lập các biện pháp quản trị và

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường phát sinh từ biến động giá trị tài sản mà DNSE đang sở hữu hoặc cung cấp dịch vụ liên quan. Các biến động này có thể đến từ những thay đổi của tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ hoặc sự thay đổi trong cung cầu thị trường. Danh mục tài sản mà DNSE sở hữu bao gồm nhưng không hạn chế các loại tài sản sau:

- Danh mục chứng khoán mà DNSE nhận làm tài sản đảm bảo khi cung cấp các dịch vụ tài chính và các sản phẩm khác;
- Danh mục chứng khoán mà DNSE đầu tư;
- Danh mục các tài sản khác mà DNSE nắm giữ, đầu tư;

Các biện pháp quản trị:

- Đối với nghiệp vụ đầu tư tiền gửi: DNSE xây dựng hệ thống đánh giá định kỳ định mức tín nhiệm đối với các ngân hàng, định chế tài chính;

kiểm soát nhằm giảm thiểu tác động của những rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh và bảo vệ lợi ích của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

- Đối với nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ:
 - Danh mục cho vay giao dịch ký quỹ được xây dựng theo nguyên tắc minh bạch và điều chỉnh theo điều kiện của thị trường và của cổ phiếu nói riêng để xác định tỷ lệ cho vay giao dịch ký quỹ. Việc xây dựng và phê duyệt danh mục cho vay độc lập với hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính độc lập và minh bạch, tuy nhiên vẫn tham khảo ý kiến từ bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu kinh doanh;
 - Xây dựng các chỉ số hạn mức rủi ro, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý đối với từng danh mục tài sản và tổng thể cài đặt trên hệ thống công nghệ;
 - Giám sát sự biến động giá và thanh khoản của các cổ phiếu danh mục dư nợ theo mã chứng khoán. Xây dựng hệ thống phát hiện và xử lý tự động khi xảy ra rủi ro thanh khoản;



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2024



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi các khách hàng của DNSE không thực hiện được các nghĩa vụ tài chính đúng hạn, không có khả năng thanh toán đầy đủ (gốc và lãi) hoặc không chuyển giao tài sản đúng cam kết, tài sản không thanh khoản. Rủi ro này phát sinh trong lĩnh vực tiền gửi với các định chế tài chính ngân hàng hay hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Vì vậy, DNSE chú trọng việc tuân thủ các hạn mức cho vay đối với từng khách hàng, hạn mức tiền gửi ở các tổ chức tín dụng được đánh giá minh bạch và tính rủi ro thấp.

Các biện pháp quản trị: Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ:

- Xây dựng hạn mức cho vay phù hợp theo đối tượng khách hàng, khung phê duyệt theo trách nhiệm và tín nhiệm của khách hàng, đảm bảo cho vay an toàn đúng người, đúng thời điểm;
- Xây dựng mô hình đánh giá cổ phiếu để phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp; Đối với từng sản phẩm có

quy trình đề xuất, đánh giá thẩm định và phê duyệt phù hợp;

- Chuẩn hóa tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng, biểu mẫu tín dụng;
- Báo cáo theo dõi tài sản đảm bảo hàng ngày, theo dõi các biến động bất thường để có hướng xử lý kịp thời;
- Giám sát dư nợ theo khách hàng, theo mã cổ phiếu; Xây dựng mô hình đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng;
- Nghiệp vụ xử lý call margin được tách bạch khỏi bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính minh bạch và xử lý kịp thời;
- Xây dựng Tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa trên một khách hàng, hạn mức tối đa trên một mã cổ phiếu;

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2024

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi DNSE không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn do thiếu hụt nguồn vốn ngắn hạn.

Các biện pháp quản trị:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho từng hoạt động, nghiệp vụ và xác định hạn mức rủi ro cho từng hoạt động;
- Tăng cường kiểm soát dòng tiền, đảm bảo thanh khoản ổn định và duy trì hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác;
- Xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản và tìm kiếm các nguồn tài chính thay thế khi cần thiết;

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý phát sinh khi DNSE không tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động chứng khoán và tài chính dẫn đến DNSE bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho DNSE (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).

Các biện pháp quản trị

- Có bộ phận pháp chế hoạt động nhằm theo dõi, nghiên cứu, bình luận các thông tin pháp luật liên quan; phổ biến kịp thời các thông tin pháp luật và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận trong việc xây dựng các quy chế, quy định trong công ty;

- Liên tục giám sát hoạt động kinh doanh để đảm bảo dòng tiền không bị gián đoạn, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của công ty;
- Cân khớp dòng tiền hàng ngày, tháng, quý, năm. Theo dõi sát tính thanh khoản của tài sản để có thể xử lý kịp thời;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính;

- Liên tục cập nhật các quy định mới từ cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan chức năng liên quan;
- Xây dựng hệ thống tuân thủ pháp lý chặt chẽ, kiểm tra định kỳ để đảm bảo DNSE luôn tuân thủ mọi quy định của pháp luật;
- Thiết lập các quy trình xử lý nhanh các vấn đề pháp lý, giảm thiểu rủi ro và bảo vệ lợi ích của công ty;
- Định kỳ thực hiện rà soát tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng biểu mẫu của công ty;



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2024

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động phát sinh từ các vấn đề kỹ thuật, hệ thống, hoặc lỗi do con người trong quá trình vận hành, gây gián đoạn dịch vụ hoặc tổn thất tài chính.

Các biện pháp quản trị:

- Tăng cường đầu tư vào công nghệ hiện đại, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và hiệu quả;
- Đào tạo nhân viên định kỳ để nâng cao kỹ năng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình vận hành;

- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro từ hoạt động hàng ngày;
- Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống cốt lõi, hệ thống đặt lệnh... nhằm đảm bảo tính ổn định, thông suốt của hệ thống; mọi quy trình nghiệp vụ đều thực hiện theo nguyên tắc kiểm tra chéo để đảm bảo tính độc lập giữa người thực hiện và người kiểm soát. Nguyên tắc này được áp dụng trong mọi quy trình nghiệp vụ và hoạt động của các phòng ban/ bộ phận;



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025

Năm 2025, DNSE tiếp tục thực hiện chính sách quản trị rủi ro cẩn trọng nhưng vẫn hỗ trợ phát triển kinh doanh, mở rộng thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh, tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm giao dịch và giao dịch ký quỹ đa dạng nhưng đồng thời quản trị rủi ro hiệu quả, nhận diện các rủi ro tiềm ẩn kịp thời, tránh các tổn thất tài chính cho công ty.

Ưu tiên hàng đầu tại DNSE là đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả song song với việc duy trì quản trị rủi ro

chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu và tổn thất tài chính. Việc xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ bởi hệ thống công nghệ quản trị tự động tiên tiến sẽ là yếu tố then chốt giúp DNSE nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính và đáp ứng kịp thời các biến động của thị trường trong năm 2025.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU DSE & CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2024



Hình 24: Diễn biến giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch năm 2024

Mã chứng khoán niêm yết: DSE

Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE)

- Số lượng cổ phiếu phổ thông (Tại thời điểm 31/12/2024): 330.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (Tại thời điểm 31/12/2024): 330.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ (Tại thời điểm 31/12/2024): 0 cổ phần
- Giá giao dịch (Tại thời điểm 31/12/2024): 26.500 VND

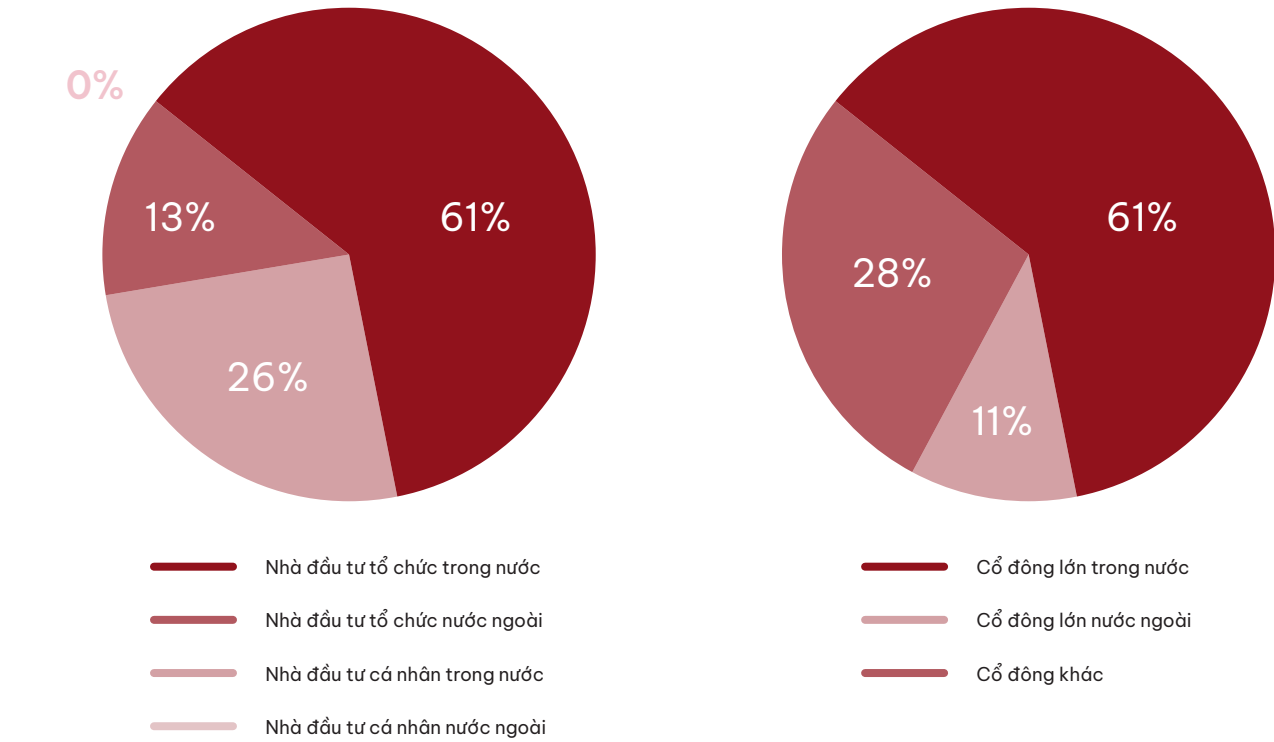
Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt: 5%
(1 cổ phiếu nhận được 500 VND)

- Ngày chốt danh sách: 03/05/2024
- Ngày thực hiện thanh toán: 20/05/2024

Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: 5%
(1 cổ phiếu nhận được 500 VND)

- Ngày đăng ký cuối cùng: 29/11/2024
- Ngày thực hiện thanh toán: 19/12/2024

THÔNG TIN CỔ PHIẾU DSE & CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2024



Hình 25: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2024

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN (Sở hữu từ 5% trở lên)

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (*)
01	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL	Số 46 phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	168.300.000	51,00%
02	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	C/O PYN Fund Management LTD, PL 139 00101, Helsinki, Finland	36.492.600	11,06%
03	CÔNG TY CỔ PHẦN ENCAPITAL HOLDINGS	Số 46 phố Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	33.000.000	10,00%
Tổng cộng			237.792.600	72,06%

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 330.000.000 cổ phiếu. Số liệu tại ngày 31/12/2024.



Phát triển bền vững

- Đầu tư phát triển nhân lực
- Trách nhiệm đối với xã hội, nhà nước và cổ đông

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính trong nước lẫn quốc tế không ngừng biến động, DNSE vẫn giữ vững tầm nhìn chiến lược, kiên định với các mục tiêu thách thức và tham vọng. Ban lãnh đạo công ty xác định rằng con người là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy doanh nghiệp phát

triển bền vững và thích ứng linh hoạt với mọi thay đổi của thị trường.

Năm 2024, các hoạt động nhân sự của DNSE tập trung vào những mục tiêu chính sau:



Thu hút và giữ chân nhân tài

Tăng cường tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, xây dựng chính sách phúc lợi hấp dẫn, đồng thời đầu tư vào việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ.

Những định hướng này không chỉ giúp DNSE củng cố đội ngũ nhân sự hiện tại mà còn tạo ra một nền tảng vững chắc để phát triển nguồn nhân lực bền vững trong tương lai.



Thúc đẩy sáng tạo và gắn kết đội ngũ

Tạo ra môi trường làm việc sáng tạo và khích lệ gắn kết đội ngũ.



Ứng dụng công nghệ vào hoạt động vận hành

Đẩy mạnh số hóa các quy trình vận hành, tối ưu hóa hiệu suất công việc và giảm thiểu chi phí quản lý.



ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI



Trong năm 2024, DNSE tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính bằng việc đẩy mạnh kế hoạch tuyển dụng, tìm kiếm nhân tài đồng hành và đã thu hút hơn 80 nhân sự chất lượng cao; trong đó đội ngũ Công nghệ chiếm hơn 40% số lượng nhân sự được tuyển mới. Việc tuyển dụng đội ngũ Công nghệ không chỉ để phục vụ các dự án hiện tại mà còn nhằm phát triển các sản phẩm tài chính đột phá, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng và thực hiện cam kết mạnh mẽ trong việc ứng dụng công nghệ vào vận hành, đổi mới.

- **Cơ chế lương thưởng linh hoạt và cạnh tranh** là ưu tiên hàng đầu, với mức lương luôn được cập nhật theo xu hướng thị trường và cơ chế thưởng hiệu suất minh bạch, công bằng. Điều này không chỉ đảm bảo sự hài lòng của nhân viên mà còn khuyến khích nhân sự cống hiến nhiều hơn.
- Ngoài ra, DNSE cũng triển khai các **gói phúc lợi toàn diện** như bảo hiểm sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên; các chế độ thăm hỏi ốm đau ...

Không chỉ dừng lại ở việc tuyển dụng, DNSE còn tập trung đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực dài hạn thông qua các chương trình đào tạo xuyên suốt trong năm. Mỗi nhân sự mới đều được tham gia chương trình định hướng và đào tạo hội nhập nhằm đảm bảo nhân sự nhanh chóng hòa nhập và phát triển cùng công ty. Năm 2024 công ty đã tổ chức 13 khóa đào tạo chuyên môn và chia sẻ kiến thức nghiệp vụ; 04 khóa kỹ năng mềm; 02 khóa dành cho lãnh đạo và các buổi chia sẻ nội bộ được tổ chức hàng tháng nhằm khuyến khích CBNV tiếp thu kiến thức và kỹ năng mới. DNSE cũng khuyến khích nhân viên học tập suốt đời bằng cách hỗ trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Với mục tiêu giữ chân nhân tài, DNSE xây dựng chính sách phúc lợi hấp dẫn không chỉ dừng lại ở mức lương cạnh tranh mà còn phải đáp ứng được các nhu cầu thực tế của nhân viên.

Trong năm 2024, tìm kiếm nhân tài đồng hành và đã thu hút hơn

80 nhân sự chất lượng cao

Đội ngũ Công nghệ chiếm hơn

40 % số lượng nhân sự được tuyển mới

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÚC ĐẨY SÁNG TẠO VÀ KHÍCH LỆ GẮN KẾT ĐỘI NGŨ

DNSE tự hào sở hữu một đội ngũ nhân sự trẻ trung, năng động, nơi công ty không chỉ tạo dựng một môi trường làm việc thoải mái mà còn khuyến khích sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống (work-life balance). Đây là những yếu tố quan trọng, được thế hệ Gen Z và 9x đặc biệt coi trọng trong môi trường làm việc, góp phần gia tăng sự gắn bó và tinh thần đoàn kết trong đội ngũ.

Không gian làm việc truyền cảm hứng: DNSE trang bị các khu vực giải trí hiện đại như bàn bi-a, máy chơi game PS, pantry thư giãn, và tổ chức thường xuyên các hoạt động nội bộ sôi động như Team Building, Year-End Party, hay sinh nhật nhân viên hàng tháng.

Khuyến khích hoạt động nhóm và tôn trọng khác biệt cá nhân: Công ty tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho các câu lạc bộ thể thao, chuyên môn, sở thích như CLB bóng đá, CLB chạy bộ, CLB đàn móc, CLB games... Các câu lạc bộ này không chỉ giúp nhân viên gắn kết thông qua các hoạt động chung mà còn thúc đẩy tinh thần thể thao, duy trì sức khỏe và nâng cao thể lực để hoàn thành công việc hiệu quả.

Thúc đẩy sáng tạo và cải tiến không ngừng trên tinh thần “Luôn làm tốt hơn”: DNSE luôn khuyến khích tinh thần sáng tạo và chủ động trong các nhóm Công nghệ và Marketing, trao quyền cho mỗi nhóm phát triển sản phẩm linh hoạt nhằm mang đến những giải pháp đột phá, đáp ứng nhu cầu khách hàng nhanh nhất. Năm 2024, cuộc thi Hackathon với chủ đề “Reinvent the wheel” đã trở thành dấu ấn trong văn hóa sáng tạo của DNSE, nơi các đội thi được tự thành lập đội, tự chọn vấn đề và tự đưa ra giải pháp. Chỉ trong 24 giờ, tại không gian tách biệt hoàn toàn với thành phố, 7 đội thi với 60 thành viên không chỉ đề xuất những giải pháp công nghệ hữu ích, bám sát nhu cầu thực tế mà còn phải thực hiện các hình thức trình bày thú vị. Đặc biệt, phần trao đổi và phản biện từ Ban giám khảo, khách mời, đội thi đều đem đến những góc nhìn thiết thực.

Một số sáng kiến xuất sắc đã được triển khai và chứng minh hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hiệu suất công việc. Những nỗ lực này không chỉ giúp DNSE trở thành môi trường làm việc lý tưởng mà còn khơi dậy tinh thần đổi mới, thúc đẩy mỗi cá nhân đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.



ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH



Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động, DNSE đã đưa ra các giải pháp công nghệ hiện đại nhằm cải tiến vận hành nội bộ, góp phần tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu suất lao động như: tự động hóa toàn bộ các quy trình tuyển dụng, quản lý data nhân sự; tiến hành đào tạo trên hệ thống E-learning; tự động hóa các tác vụ tài chính, kế toán, và báo cáo; các dự án Công nghệ được quản lý thông qua nền tảng số hóa giúp theo dõi tiến độ và báo cáo hiệu quả theo thời gian thực; ứng dụng họp trực tuyến tốc độ cao giúp DNSE đã rút ngắn khoảng cách giữa các đội ngũ và nâng cao sự linh hoạt trong làm việc... Việc áp dụng công nghệ vào vận hành nội bộ không chỉ giúp DNSE tăng hiệu quả hoạt động

mà còn thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn bộ đội ngũ.

Tháng 9 năm 2024, DNSE tự hào đón nhận Chứng nhận Great Place To Work tại Việt Nam trên cả 5 năm phương diện: Tin cậy, Tôn trọng, Công bằng, Gắn bó và Tự hào; ghi dấu mốc quan trọng trong hành trình xây dựng và phát triển môi trường làm việc lý tưởng. Việc đạt chứng nhận này không chỉ phản ánh sự cam kết của DNSE đối với nhân viên mà còn khẳng định công ty là một trong những điểm đến hấp dẫn, nơi mọi nhân viên đều cảm nhận rõ giá trị và niềm tự hào khi trở thành một phần của DNSE.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, NHÀ NƯỚC VÀ CỔ ĐÔNG

Với nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách, Pháp luật của Nhà nước và chuẩn mực đạo đức kinh doanh, DNSE luôn minh bạch, kịp thời trong công tác công bố thông tin, thực hiện trách nhiệm tài chính đối với Nhà nước và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cổ đông. Những nỗ lực này không chỉ góp phần đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

DNSE cam kết tạo ra những giá trị thiết thực cho xã hội thông qua việc cung cấp cơ hội việc làm, chăm lo, đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên và gia đình, cũng như hỗ trợ các bạn trẻ trên hành trình nghề nghiệp thông qua chương trình Thực tập sinh, Cộng tác viên, các sự kiện gặp gỡ sinh viên tại trường Đại học, đồng thời tham gia đóng góp cho các hoạt động xã hội một cách ý nghĩa, thiết thực.

Hoạt động thiện nguyện vì trẻ em

Chương trình Tết ấm vùng cao 2024 (Tháng 1/2024)

DNSE đã đồng hành cùng Đoàn Thanh niên UBCK Nhà nước ủng hộ các em nhỏ là học sinh tiểu học, học sinh mầm non, thầy cô tại điểm trường Dinh Lũng và thăm hỏi, tặng quà trạm biên phòng Lũng Cú nhân dịp năm mới.

Chương trình Mái trường cho em (Tháng 7/2024)

DNSE đã chung tay cùng Đoàn Thanh niên UBCK Nhà nước để xây dựng những phòng học khang trang, đầy đủ trang thiết bị của Trường PTDT bán trú Tiểu học Mường Lống 2 đóng tại bản Sa Lầy. Qua chương trình, DNSE hy vọng có thể tạo động lực để các em nhỏ của bản Sa Lầy vươn lên trong học tập, kiên trì theo đuổi một tương lai tươi sáng hơn và đặc biệt là tiếp sức cho các thầy cô trên hành trình bầm bả gieo con chữ.

Chương trình Mùa xuân cho em (Tháng 3/2024)

Với tinh thần lan tỏa niềm yêu thương tới mọi miền Tổ quốc, CLB Móc Máy - EnCrochet của DNSE đã tổ chức chương trình thiện nguyện, thăm hỏi và tặng quà cho các em nhỏ của Điểm trường Mầm non Bản Trờ B - Tà Xùa.

Chương trình Ủng hộ người dân vùng bão lũ (Tháng 9/2024)

Hướng về người dân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bão Yagi, tập thể DNSE đã phát động chương trình quyên góp cũng như dừng sự kiện Trung thu, dành một phần ngân sách tổ chức để chung tay hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Số tiền ủng hộ được chuyển trực tiếp đến các gia đình bị thiệt hại, giúp người dân ổn định cuộc sống sau bão.



Hoạt động đồng hành cùng sinh viên ngành tài chính

Nhằm mục tiêu hỗ trợ cho sinh viên, thế hệ trẻ làm quen và phát huy khả năng trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, năm 2024, DNSE đồng hành, tài trợ Cuộc thi S - Financial Investment Competition của CLB Chứng khoán (SCUE), Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Xuyên suốt chuỗi hoạt động, hội thảo, các vòng thi

gay cấn, các chuyên gia DNSE đã mang đến những kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết, giúp các bạn sinh viên có được góc nhìn đa chiều về xu hướng tương lai của ngành tài chính. Đây sẽ là những hành trang quan trọng giúp các bạn tự tin, vững vàng hơn trên hành trình theo đuổi lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, NHÀ NƯỚC VÀ CỔ ĐÔNG



Đồng tổ chức Giải bơi - chạy DNSE Aquaman 2024

Lựa chọn gắn bó, thúc đẩy bộ môn bơi - chạy (aquathlon) tại Việt Nam, năm 2024 là năm thứ hai liên tiếp DNSE đồng hành cùng đối tác VnExpress Marathon đồng tổ chức Giải bơi - chạy DNSE Aquaman Vietnam.

Đây là giải hai môn phối hợp bơi - chạy đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam. Với chất lượng chuyên môn cao, cùng nhiều hoạt động bên lề thú vị, DNSE

Aquaman Vietnam đã trở thành một giải đấu biểu tượng của bộ môn bơi - chạy tại Việt Nam.

Giải đấu 2024 được tổ chức tại Hồ Tràm, Vũng Tàu, thu hút 1.000 vận động viên, lan tỏa mạnh mẽ những thông điệp tích cực về rèn luyện sức khỏe và tinh thần dân tộc, bền bỉ, nỗ lực chinh phục những mục tiêu mới, vươn tới ước mơ của mỗi người.





Báo cáo tài chính

- Thông tin về Công ty
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép Thành lập và Hoạt động	62/UBCK-GP	ngày 30 tháng 10 năm 2007
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 3 năm 2024.	
Quyết định Thành lập Chi nhánh	132/QĐ-UBCK	ngày 16 tháng 3 năm 2021
	Quyết định Thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 339/QĐ-UBCK ngày 27 tháng 3 năm 2024.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	0102459106	ngày 30 tháng 10 năm 2007
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 1 năm 2025.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch
	Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên
	Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên
	Ông Trần Vĩnh Cửu	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
	Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 9/7/2024)
	Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 13 tháng 3 năm 2024)
	Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 13 tháng 3 năm 2024)
Trụ sở đăng ký	Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky 63 – 65 Ngõ Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hổ Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1 Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina) Số 62 Đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Lợi Đông Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00268-25-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		8.172.043.402.888	6.597.764.367.356
I. Tài sản tài chính	110		8.165.535.289.615	6.568.700.001.482
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.093.162.138.811	505.275.910.457
1.1. Tiền	111.1		943.162.138.811	505.275.910.457
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		150.000.000.000	-
2. Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	167.084.604.843	298.584.681.685
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7(c)	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116	7(d)	(42.162.233.378)	(44.556.698.543)
7. Các khoản phải thu	117	8	279.408.951.492	550.334.911.418
7.1. Phải thu bán các TSTC	117.1		543.380.024	345.150.124.150
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		278.865.571.468	205.184.787.268
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		278.865.571.468	205.184.787.268
8. Trả trước cho người bán	118	9	5.398.019.316	2.512.503.804
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	1.776.882.726	1.114.284.104
12. Các khoản phải thu khác	122	8	4.619.337.217	6.928.554.633
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(87.887.482)	(62.776.323)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		6.508.113.273	29.064.365.874
1. Tạm ứng	131	10	1.786.932.505	23.635.074.373
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11(a)	4.610.307.968	5.402.291.501
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		110.872.800	27.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		2.465.208.715.384	848.298.327.765
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		2.328.606.423.400	729.681.708.989
2. Các khoản đầu tư	212		2.328.606.423.400	729.681.708.989
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	2.328.606.423.400	729.681.708.989
II. Tài sản cố định	220		96.209.664.181	84.720.317.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.829.030.347	12.279.282.510
- Nguyên giá	222		23.334.856.971	19.518.941.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.505.826.624)	(7.239.659.257)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	44.713.526.577	19.884.750.722
- Nguyên giá	225		51.823.316.600	20.991.823.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		(7.109.790.023)	(1.107.072.878)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	39.667.107.257	52.556.284.348
- Nguyên giá	228		77.273.623.614	74.754.292.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(37.606.516.357)	(22.198.007.652)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		512.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		39.880.627.803	33.896.301.196
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		4.570.199.721	2.926.278.681
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11(b)	8.697.526.654	7.166.402.836
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	16.576.642.324	13.789.036.252
5. Tài sản dài hạn khác	255		10.036.259.104	10.014.583.427
5.1. Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	255.1		10.036.259.104	10.014.583.427
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.637.252.118.272	7.446.062.695.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		6.607.451.933.915	4.140.717.286.256
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.589.049.715.018	4.126.428.950.224
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		6.505.929.479.835	3.643.056.054.047
1.1. Vay ngắn hạn	312	16	6.494.297.154.123	3.643.056.054.047
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313	21	11.632.325.712	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	7.136.073.928	3.032.653.338
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.797.067.584	531.808.131
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	25.652.481.098	30.277.977.003
11. Phải trả người lao động	323		18.553.360.015	16.149.415.347
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.053.140.363	526.339.935
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	24.101.558.414	17.582.968.619
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	20	4.826.335.385	415.271.515.408
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
II. Nợ phải trả dài hạn	340		18.402.218.897	14.288.336.032
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		18.342.547.231	14.227.038.282
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343	21	18.342.547.231	14.227.038.282
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	22	59.671.666	61.297.750

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.029.800.184.357	3.305.345.408.865
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.029.800.184.357	3.305.345.408.865
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.872.725.725.300	3.000.041.575.300
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	23	3.300.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.300.000.000.000	3.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		572.725.725.300	41.575.300
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.598.930.256	2.598.930.256
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.234.930.256	3.234.930.256
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		151.240.598.545	299.469.973.053
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		185.698.569.156	305.663.728.982
7.2. Lỗ chưa thực hiện	417.2		(34.457.970.611)	(6.193.755.929)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		10.637.252.118.272	7.446.062.695.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		330.000.000	300.000.000
8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của CTCK	008	24(a)	285.955.300.000	35.758.920.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		135.418.200.000	35.758.870.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	008.3		150.000.000.000	-
e. TSTC chờ thanh toán	008.5		537.100.000	50.000
9. TSTC đã lưu ký giao dịch tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009	24(b)	1.000.000	180.000
a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		1.000.000	180.000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	24(c)	124.900.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	24(d)	16.734.762.040.000	11.700.477.370.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		13.607.403.860.000	10.832.883.870.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.491.165.540.000	3.149.520.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		469.837.510.000	699.083.870.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		166.355.130.000	165.360.110.000
2. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24(e)	491.384.660.000	1.301.366.710.000
a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		33.898.400.000	844.296.140.000
b. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		457.486.260.000	457.070.570.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	24(f)	193.294.460.000	193.516.650.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
7. Tiền gửi của khách hàng	026		1.384.800.822.128	877.334.497.982
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	24(g)	941.995.361.434	698.351.886.798
7.1.1. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư tại VSDC	027.1	24(g)	397.689.451.143	92.064.884.837
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	24(g)	7.102.118	7.066.607
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	24(g)	45.108.907.433	86.910.659.740
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		41.230.123.230	83.279.527.507
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		3.878.784.203	3.631.132.233
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24(h)	1.384.800.822.128	877.334.352.382
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		983.232.586.782	781.638.335.312
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.878.784.203	3.631.132.233
8.3. Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	031.3		397.689.451.143	92.064.884.837
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	145.600

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		47.867.656.597	157.859.157.924
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	25(a)	48.600.093.155	135.168.649.806
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	25(b)	(8.130.419)	305.587.898
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	25(c)	(724.306.139)	22.384.920.220
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	25(c)	245.031.636.946	195.975.927.147
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25(c)	360.548.475.343	286.223.721.868
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	25(d)	144.838.599.511	67.645.377.330
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	25(d)	-	100.000.000
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	25(d)	682.848.455	558.959.844
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	25(d)	5.647.148.100	4.207.341.031
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	10	25(d)	-	200.000.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	25(d)	2.795.604.695	1.743.145.684
Cộng doanh thu hoạt động	20		807.411.969.647	714.513.630.828
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		41.077.932.588	(174.279.666)
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	26	10.250.339.381	71.137.312.989
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	25(b)	28.257.710.347	(71.741.387.169)
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		2.569.882.860	429.794.514
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	27	182.560.836.396	211.495.914.184
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		60.494.071	122.293.335
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	174.827.949.700	111.115.541.840
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		93.394.129	140.356.789
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		2.477.929.071	2.515.735.142
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	10.877.141.831	4.904.893.885
2.12. Chi phí hoạt động khác	32	30	7.501.862.484	3.883.841.382
Cộng chi phí hoạt động	40		419.477.540.270	334.004.296.891

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	31	600.001.345	896.049
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	31	4.943.889.910	3.457.413.905
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	31	21.698.630	2.981.903.200
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		5.565.589.885	6.440.213.154
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện	51		917	579.312
4.2. Chi phí lãi vay	52	32	28.039.839.956	22.102.263.239
4.4. Chi phí tài chính khác	55		11.262.863	-
Cộng chi phí tài chính	60		28.051.103.736	22.102.842.551
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	33	151.909.511.385	94.313.051.564
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		213.539.404.141	270.533.652.976
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	34	15.952.482.384	18.343.103.609
8.2. Chi phí khác	72		1.990.401.520	3.240.699.072
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		13.962.080.864	15.102.404.537
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		227.501.485.005	285.636.057.513
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		255.767.325.771	213.589.082.446
9.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(28.265.840.766)	72.046.975.067
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		45.730.859.513	56.651.795.907
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35	45.732.485.597	56.590.678.327
10.2. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35	(1.626.084)	61.117.580
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		181.770.625.492	228.984.261.606
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	36	556	763

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		227.501.485.005	285.636.057.513
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(81.873.953.603)	(56.241.857.414)
- Khấu hao tài sản cố định	03		25.938.672.289	16.249.206.641
- Các khoản dự phòng	04		(2.369.354.006)	5.033.374.569
- Chi phí lãi vay	06		28.039.839.956	22.102.263.239
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(4.592.359.891)	(3.457.413.905)
- Dự thu tiền lãi	08		(128.890.751.951)	(96.169.287.958)
3. Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ	10		28.257.710.347	(71.741.387.169)
- Lỗ/(lãi) đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		28.257.710.347	(71.741.387.169)
4. Giảm/(tăng) các doanh thu phi tiền tệ	18		8.130.419	(305.587.898)
- Lãi/(lỗ) đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		8.130.419	(305.587.898)
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(2.962.332.569.552)	(890.641.596.157)
- Giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		103.234.236.076	349.062.996.536
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(1.608.174.714.411)	(671.696.076.362)
- Tăng các khoản cho vay	33		(1.398.516.845.823)	(202.691.909.825)
- Giảm/(tăng) phải thu bán các TSTC	35		344.606.744.126	(345.150.124.150)
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		55.209.967.751	16.947.059.990
- Tăng các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(662.598.622)	(114.986.407)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(660.170.896)	114.062.755.250
- Giảm các tài sản khác	40		21.848.141.868	2.517.727.110
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		184.930.190.402	206.525.315.938
- Giảm chi phí trả trước	42		(739.140.285)	(6.668.660.131)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(61.873.991.382)	(42.984.523.518)
- Lãi vay đã trả	44		(206.451.440.563)	(218.848.689.646)
- Tăng phải trả cho người bán	45		1.265.259.453	172.719.603
- Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		526.800.428	263.169.506

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		11.516.009.880	435.921.169
- Tăng phải trả người lao động	48		2.403.944.668	9.497.925.923
- Giảm phải trả, phải nộp khác	50		(406.341.759.433)	(88.322.732.718)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(4.453.202.789)	(13.649.484.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2.788.439.197.384)	(733.294.371.125)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(16.127.020.068)	(44.027.637.328)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62		959.090.909	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		4.943.889.910	3.457.413.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(10.224.039.249)	(40.570.223.423)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		872.684.150.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	73		31.668.504.695.292	14.905.480.241.429
3.2. Tiền vay khác	73.2		31.668.504.695.292	14.905.480.241.429
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(28.817.263.595.216)	(13.997.266.859.671)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(28.817.263.595.216)	(13.997.266.859.671)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		(7.375.785.089)	(1.008.988.238)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(330.000.000.000)	(60.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		3.386.549.464.987	847.204.393.520
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		587.886.228.354	73.339.798.972
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		505.275.910.457	431.936.111.485
Tiền	101.1		505.275.910.457	431.936.111.485
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	5	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Tiền	103.1		943.162.138.811	505.275.910.457
Các khoản tương đương tiền	103.2		150.000.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	74.694.636.947.976	41.690.278.902.160
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(71.625.186.817.994)	(44.313.429.384.116)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	150.629.816.581.129	80.257.589.853.960
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(153.185.390.494.643)	(77.046.964.378.246)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(6.409.746.722)	(3.864.953.471)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	448.861.516.416	576.958.292.063
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(448.861.662.016)	(576.958.705.463)
Tăng tiền thuần trong năm	20	507.466.324.146	583.609.626.887
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	877.334.497.982	293.724.871.095
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	877.334.497.982	293.724.871.095
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	698.351.886.798	251.035.496.978
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	32.1	92.064.884.837	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	7.066.607	7.022.034
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	86.910.659.740	42.682.352.083

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2024 VND	2023 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	1.384.800.822.128	877.334.497.982
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	1.384.800.822.128	877.334.497.982
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	941.995.361.434	698.351.886.798
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	42.1	397.689.451.143	92.064.884.837
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	7.102.118	7.066.607
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	45.108.907.433	86.910.659.740

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 6 tháng 3 năm 2024.

Công ty được công nhận niêm yết và cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào các ngày 21 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 7 năm 2024, mã cổ phiếu là DSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 – 65 Ngõ Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2024: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 16 tháng 4 năm 2024.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 3.300.000.000.000 VND (1/1/2024: 3.000.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 231 nhân viên (1/1/2024: 186 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(h) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(k) Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án về điều chỉnh và sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Theo đó, số dư của các quỹ này sẽ được sử dụng để thực hiện bổ sung vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động để tăng vốn cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa sử dụng số dư của các quỹ này.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(o) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(p) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	64.010.188.198	204.118.233.862
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	2.328.606.423.400	729.681.708.989
Các khoản cho vay	(iii)	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
Các khoản phải thu	(iii)	279.408.951.492	550.334.911.418
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	1.776.882.726	1.114.284.104
Các khoản phải thu khác	(iii)	4.531.449.735	6.865.778.310
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	16.576.642.324	13.789.036.252
Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.036.259.104	10.014.583.427
		10.454.444.411.860	7.269.763.077.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng/doanh nghiệp có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31/12/2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.505.929.479.835	6.506.629.355.617 (*)	6.506.629.355.617 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.136.073.928	7.136.073.928	7.136.073.928	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.797.067.584	1.797.067.584	1.797.067.584	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.101.558.414	24.101.558.414	24.101.558.414	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.826.335.385	4.826.335.385	4.826.335.385	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	18.342.547.231	18.795.294.926 (*)	- (*)	18.795.294.926
	6.562.133.062.377	6.563.285.685.854	6.544.490.390.928	18.795.294.926

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ lãi dự trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, nợ thuê tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Tại ngày 1/1/2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn	3.643.056.054.047	3.658.500.591.482 (*)	3.658.500.591.482 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.032.653.338	3.032.653.338	3.032.653.338	-
Phải trả người bán ngắn hạn	531.808.131	531.808.131	531.808.131	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	17.582.968.619	25.832.968.619	25.832.968.619	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	415.271.515.408	415.271.515.408	415.271.515.408	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	14.227.038.282	14.904.013.689 (*)	- (*)	14.904.013.689
	4.093.702.037.825	4.118.073.550.667	4.103.169.536.978	14.904.013.689

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	204.118.233.862
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
Các khoản cho vay	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.328.606.423.400	729.681.708.989
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16.576.642.324	13.789.036.252
Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh	10.036.259.104	10.014.583.427
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(6.494.297.154.123)	(3.643.056.054.047)
Các công cụ tài chính có lãi suất không cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	64.010.188.198	-
Nợ phải trả tài chính		
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	(11.632.325.712)	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	(18.342.547.231)	(14.227.038.282)
	3.644.455.100.841	3.054.165.010.905

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 272.282.522 VND lợi nhuận thuần của Công ty. (31/12/2023: 1.632.945.871 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty tính rủi ro về giá cổ phiếu dựa trên giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán mà Công ty nắm giữ và mức biến động bình quân về các chỉ số giá thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Upcom) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Năm	Mức biến động bình quân về giá của các sàn giao dịch	Giá gốc của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom VND	Giá trị thị trường của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom VND	Mức tăng lợi nhuận sau thuế theo mức biến động có lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND	Mức giảm lợi nhuận sau thuế theo mức biến động bất lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND
2024	3%	137.472.715.590	106.453.684.339	2.554.888.424	(2.554.888.424)
2023	7%	100.598.906.002	94.466.447.823	5.290.121.078	(5.290.121.078)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom của Công ty là 106.453.684.339 VND (1/1/2024: 94.466.447.823 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 2.554.888.424 VND (1/1/2024: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 7%, tương ứng 5.290.121.078 VND).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	861.280.535.751	378.886.430.250
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	81.881.603.060	126.389.480.207
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	-
	1.093.162.138.811	505.275.910.457

(*) Số dư này phản ánh hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,7%/năm, đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính ngân hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	263.288.376	48.286.320.335.460	70.277.784	23.853.464.971.336
Cổ phiếu	10.699.808	236.770.068.570	31.258.718	961.641.106.220
Trái phiếu	243.046.528	31.571.602.614.471	32.141.297	5.871.803.750.531
Giấy tờ có giá	9.541.906	16.477.946.141.599	6.784.269	17.019.003.081.485
Chứng khoán khác	134	1.510.820	93.500	1.017.033.100
Của Nhà đầu tư	7.250.243.209	146.682.401.982.926	4.920.579.293	86.483.904.845.946
Cổ phiếu	6.885.774.484	144.943.950.122.710	4.743.728.881	85.791.931.912.426
Trái phiếu	3.200.189	1.325.385.055.516	30.100	535.225.690.400
Chứng khoán khác	361.268.536	413.066.804.700	176.820.312	156.747.243.120
		194.968.722.318.386		110.337.369.817.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	Giá gốc VND	31/12/2024 Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	1/1/2024 Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	135.468.827.029	104.307.358.219	104.307.358.219	99.593.677.139	93.177.032.823	93.177.032.823
- Công ty Cổ phần Vinhomes	42.925.920.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	-	-	-	96.480.277.388	90.837.723.600	90.837.723.600
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP	-	-	-	2.661.668.410	1.902.830.000	1.902.830.000
- Các cổ phiếu khác	92.542.907.029	64.307.358.219	64.307.358.219	451.731.341	436.479.223	436.479.223
Trái phiếu niêm yết	64.010.188.198	60.630.920.504	60.630.920.504	-	-	-
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	2.003.888.561	2.146.326.120	2.146.326.120	1.005.228.863	1.289.415.000	1.289.415.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	204.118.233.862	204.118.233.862	204.118.233.862
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	101.773.775.342	101.773.775.342 (*)	101.773.775.342
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	-	-	-	102.344.458.520	102.344.458.520 (*)	102.344.458.520
	201.482.903.788	167.084.604.843	167.084.604.843	304.717.139.864	298.584.681.685	298.584.681.685

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	2.774.750.000.000	(*)	2.765.500.000.000	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	2.574.750.000.000		955.000.000.000	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	200.000.000.000		1.810.500.000.000	
Dài hạn	2.328.606.423.400	(*)	729.681.708.989	(*)
Trái phiếu (iii)	1.385.532.763.400		630.222.544.200	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm (iv)	144.000.000.000		-	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (v)	799.073.660.000		99.459.164.789	
	5.103.356.423.400		3.495.181.708.989	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,40% đến 7,30% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,40% đến 8,00%).

(ii) Các chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng phát hành này hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 5,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,20% đến 7,50%).

(iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 10 năm có lãi suất năm từ 5,58% đến 11,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 8 năm có lãi suất năm từ 6,43% đến 11,00%).

(iv) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng này hưởng lãi suất năm từ 4,70% đến 5,50%.

(v) Các chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng phát hành này hưởng lãi suất năm từ 4,40% đến 4,70% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,25% đến 4,75%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 2.616.250.000.000 VND (1/1/2024: 955.000.000.000 VND), các chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị là 999.073.660.000 VND (1/1/2024: 1.760.500.000.000 VND) và các trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.370.000.000.000 VND (1/1/2024: 420.000.000.000 VND) được dùng để cầm cố cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	3.783.968.871.148	(*)	2.411.829.162.050	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	97.616.604.922	(*)	71.239.468.197	(*)
	3.881.585.476.070		2.483.068.630.247	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (*)	42.162.233.378	44.556.698.543

(*) Toàn bộ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị là các khoản cho vay đối với các cá nhân. Biến động dự phòng của các khoản cho vay trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	44.556.698.543	39.586.100.297
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(2.394.465.165)	4.970.598.246
Số dư cuối năm	42.162.233.378	44.556.698.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản phải thu	279.408.951.492	550.334.911.418
<i>Phải thu bán các TSTC</i>	543.380.024	345.150.124.150
<i>- Phải thu từ bán cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 06122023/HĐMBCP/DNSE-DTTT</i>	-	345.150.000.000
<i>- Khác</i>	543.380.024	124.150
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	278.865.571.468	205.184.787.268
<i>- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi</i>	104.733.271.572	103.776.135.447
<i>- Dự thu lãi trái phiếu</i>	45.241.547.945	20.268.671.233
<i>- Dự thu lãi hoạt động cho vay ký quỹ</i>	128.854.072.055	81.119.353.339
<i>- Dự thu tiền lãi từ hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	36.679.896	20.627.249
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.776.882.726	1.114.284.104
<i>- Phải thu hoạt động tư vấn</i>	-	100.000.000
<i>- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</i>	1.776.882.726	1.014.284.104
Các khoản thu khác	4.619.337.217	6.928.554.633
<i>- Phải thu nhà đầu tư giao dịch phái sinh</i>	4.253.601.743	6.696.938.919
<i>- Phải thu phí giao dịch</i>	365.735.474	231.615.714
	285.805.171.435	558.377.750.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Pax Sky Sài Gòn	1.685.056.730	-
Trả trước cho người bán khác	3.712.962.586	2.512.503.804
	5.398.019.316	2.512.503.804

10. TẠM ỨNG

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng cho nghiệp vụ tự doanh	-	22.631.472.061
Tạm ứng cho nghiệp vụ các hoạt động khác	1.786.932.505	1.003.602.312
	1.786.932.505	23.635.074.373

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mua sắm nội thất	115.318.922	142.525.892
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	135.237.065	181.783.631
Chi phí trả trước khác	4.359.751.981	5.077.981.978
	4.610.307.968	5.402.291.501

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mua sắm nội thất	3.377.036.546	3.231.990.700
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.538.656.205	2.782.633.793
Chi phí trả trước khác	3.781.833.903	1.151.778.343
	8.697.526.654	7.166.402.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Mua trong năm	-	5.387.815.204	5.387.815.204
Thanh lý trong năm	(1.571.900.000)	-	(1.571.900.000)
Số dư cuối năm	4.250.150.000	19.084.706.971	23.334.856.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Khấu hao trong năm	959.777.789	3.567.668.650	4.527.446.439
Thanh lý trong năm	(261.279.072)	-	(261.279.072)
Số dư cuối năm	2.283.347.521	9.222.479.103	11.505.826.624
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510
Số dư cuối năm	1.966.802.479	9.862.227.868	11.829.030.347

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 1.516 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 1.516 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.250.150.000	7.013.631.519	11.263.781.519
Mua trong năm	1.571.900.000	6.683.260.248	8.255.160.248
Số dư cuối năm	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	866.630.884	3.754.509.716	4.621.140.600
Khấu hao trong năm	718.217.920	1.900.300.737	2.618.518.657
Số dư cuối năm	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.383.519.116	3.259.121.803	6.642.640.919
Số dư cuối năm	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	2024 VND	Thiết bị máy chủ 2023 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	20.991.823.600	-
Tăng trong năm	30.831.493.000	20.991.823.600
Số dư cuối năm	51.823.316.600	20.991.823.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.107.072.878	-
Khấu hao trong năm	6.002.717.145	1.107.072.878
Số dư cuối năm	7.109.790.023	1.107.072.878
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	19.884.750.722	-
Số dư cuối năm	44.713.526.577	19.884.750.722

Công ty thuê một số thiết bị máy chủ theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	
	2024 VND	2023 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.754.292.000	44.737.612.000
Mua trong năm	2.519.331.614	30.016.680.000
Số dư cuối năm	77.273.623.614	74.754.292.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	22.198.007.652	9.674.392.546
Khấu hao trong năm	15.408.508.705	12.523.615.106
Số dư cuối năm	37.606.516.357	22.198.007.652
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	52.556.284.348	35.063.219.454
Số dư cuối năm	39.667.107.257	52.556.284.348

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 9.061 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 8.965 triệu VND).

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.129.231.918	9.266.952.068
Tiền lãi phân bổ lũy kế	5.327.410.406	4.402.084.184
	16.576.642.324	13.789.036.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngân hàng (i)				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.920.799.999.253	7.957.624.065.318	(7.321.531.877.771)	2.556.892.186.800
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	398.000.000.000	2.228.000.000.000	(1.861.000.000.000)	765.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.246.000.000.000	(1.092.000.000.000)	1.154.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	192.500.000.000	830.000.000.000	(627.500.000.000)	395.000.000.000
- Các tổ chức tín dụng khác	723.200.000.000	4.375.648.783.347	(4.151.348.783.347)	947.500.000.000
Vay khác (ii)				
- Vay tổ chức	106.500.000.000	10.796.137.239.833	(10.534.174.397.627)	368.462.842.206
- Vay cá nhân	102.056.054.794	3.235.094.606.794	(3.029.708.536.471)	307.442.125.117
	3.643.056.054.047	31.668.504.695.292	(28.817.263.595.216)	6.494.297.154.123

(i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các ngân hàng chịu lãi suất năm từ 2,40% đến 6,50%, có tài sản bảo đảm là các khoản tiền và tương đương tiền/tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu các ngân hàng với tổng giá trị là 5.135.323.660.000 VND (1/1/2024: 3.135.500.000.000 VND).

(ii) Các khoản vay khác từ các tổ chức và cá nhân chịu lãi suất năm từ 0,20% đến 9,80%, không có tài sản bảo đảm (1/1/2024: 7,70% đến 12,10%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	5.934.002.572	2.350.774.234
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	1.202.071.356	681.879.104
	7.136.073.928	3.032.653.338

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.743.363	529.700.965	(377.552.314)	157.892.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.610.992.235	45.732.485.597	(61.873.991.382)	8.469.486.450
Thuế thu nhập cá nhân	5.621.377.859	189.164.478.953	(177.917.924.179)	16.867.932.633
Các loại thuế khác	39.863.546	1.316.179.100	(1.198.872.645)	157.170.001
	30.277.977.003	236.742.844.615	(241.368.340.520)	25.652.481.098

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	89.801.325	268.039.357	(352.097.319)	5.743.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.004.837.426	56.590.678.327	(42.984.523.518)	24.610.992.235
Thuế thu nhập cá nhân	5.110.895.473	79.390.431.115	(78.879.948.729)	5.621.377.859
Các loại thuế khác	30.366.801	325.866.558	(316.369.813)	39.863.546
	16.235.901.025	136.575.015.357	(122.532.939.379)	30.277.977.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	24.065.558.414	15.508.270.431
Lãi dự trả liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	2.038.698.188
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	36.000.000
	24.101.558.414	17.582.968.619

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản (i)	-	414.765.255.208
Các khoản phải trả khác	4.826.335.385	506.260.200
	4.826.335.385	415.271.515.408

(i) Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo thỏa thuận với các nhà đầu tư đó, kỳ hạn từ không kỳ hạn đến 3 tháng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thông báo tới toàn bộ các khách hàng về việc dừng ký kết các thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản mới. Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã gửi Công văn số 2912/2023/CV-TGD đến UBCKNN báo cáo lộ trình về việc tắt toán các khoản phải trả của các thỏa thuận đã phát sinh còn hiệu lực theo yêu cầu tại Công văn số 8975/UBCK-TT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBCKNN. Toàn bộ các thỏa thuận này đã được chấm dứt và không còn số dư từ ngày 31 tháng 3 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	12.429.747.597	797.421.885	11.632.325.712	-	-	-
Từ trên một năm đến năm năm	18.795.294.926	452.747.695	18.342.547.231	14.904.013.689	676.975.407	14.227.038.282
	31.225.042.523	1.250.169.580	29.974.872.943	14.904.013.689	676.975.407	14.227.038.282

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	59.671.666	61.297.750

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2024 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2024 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	306.488.748	(8.130.419)	298.358.329

	1/1/2023 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2023 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	900.850	305.587.898	306.488.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Vốn cổ phần

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Biến động vốn cổ phần trong năm như sau

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	30.000.000	300.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

(*) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết số 02.1/2023/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty chứng khoán				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	13.541.820	135.418.200.000	3.575.887	35.758.870.000
TSTC chờ thanh toán	53.710	537.100.000	5	50.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	15.000.000	150.000.000.000	-	-
		285.955.300.000		35.758.920.000
(b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	100	1.000.000	18	180.000
(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Trái phiếu	1.249	124.900.000	-	-
(d) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	1.360.740.386	13.607.403.860.000	1.083.288.387	10.832.883.870.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	249.116.554	2.491.165.540.000	314.952	3.149.520.000
TSTC giao dịch cầm cố	46.983.751	469.837.510.000	69.908.387	699.083.870.000
TSTC chờ thanh toán	16.635.513	166.355.130.000	16.536.011	165.360.110.000
		16.734.762.040.000		11.700.477.370.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

(e) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.389.840	33.898.400.000	84.429.614	844.296.140.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	45.748.626	457.486.260.000	45.707.057	457.070.570.000
		491.384.660.000		1.301.366.710.000
(f) TSTC chờ về của Nhà đầu tư				
	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	19.329.446	193.294.460.000	19.351.665	193.516.650.000
(g) Tiền gửi của khách hàng				
	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	941.995.361.434		698.351.886.798	
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	941.995.361.434		698.351.886.798	
2. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	397.689.451.143		92.064.884.837	
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.102.118		7.066.607	
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	45.108.907.433		86.910.659.740	
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	41.230.123.230		83.279.527.507	
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.878.784.203		3.631.132.233	
	1.384.800.822.128		877.334.497.982	
(h) Phải trả Nhà đầu tư				
	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý				
Của nhà đầu tư trong nước	983.232.586.782		781.638.335.312	
Của nhà đầu tư nước ngoài	3.878.784.203		3.631.132.233	
Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	397.689.451.143		92.064.884.837	
	1.384.800.822.128		877.334.352.382	

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2024	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	1.713.661	29.575	50.681.883.420	47.936.891.334	2.744.992.086
Chứng chỉ tiền gửi	35.208.301	182.054	6.409.804.686.469	6.376.570.660.295	33.234.026.174
Trái phiếu chưa niêm yết	5.800.300	457.322	2.652.602.467.420	2.641.505.059.590	11.097.407.830
Trái phiếu niêm yết	39.373.039	114.683	4.515.425.370.274	4.513.901.703.209	1.523.667.065
			13.628.514.407.583	13.579.914.314.428	48.600.093.155

2023	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	7.092.783	29.332	208.048.532.252	177.579.978.504	30.468.553.748
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.700.000	29.500	345.150.000.000	280.000.000.000	65.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.046.212	2.833.591	2.964.536.626.478	2.946.104.294.402	18.432.332.076
Trái phiếu chưa niêm yết	14.179.212	174.606	2.475.780.358.582	2.454.662.594.600	21.117.763.982
			5.993.515.517.312	5.858.346.867.506	135.168.649.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2024	Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) trong năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu niêm yết	135.468.827.029	104.307.358.219	(31.161.468.810)	(6.416.644.316)	(24.744.824.494)
Công ty Cổ phần Vinhomes	42.925.920.000	40.000.000.000	(2.925.920.000)	-	(2.925.920.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	-	-	-	(5.642.553.788)	5.642.553.788
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP	-	-	-	(758.838.410)	758.838.410
Các cổ phiếu khác	92.542.907.029	64.307.358.219	(28.235.548.810)	(15.252.118)	(28.220.296.692)
Trái phiếu niêm yết	64.010.188.198	60.630.920.504	(3.379.267.694)	-	(3.379.267.694)
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	2.003.888.561	2.146.326.120	142.437.559	284.186.137	(141.748.578)
	201.482.903.788	167.084.604.843	(34.398.298.945)	(6.132.458.179)	(28.265.840.766)
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					(8.130.419)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					28.257.710.347
Lỗ chưa thực hiện trong năm					(28.265.840.766)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2023	Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) trong năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu niêm yết	100.598.906.002	94.466.447.823	(6.132.458.179)	(78.179.433.246)	72.046.975.067
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	-	-	-	(64.999.289.400)	64.999.289.400
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.661.668.410	1.902.830.000	(758.838.410)	(1.163.885.714)	405.047.304
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	96.480.277.388	90.837.723.600	(5.642.553.788)	(11.922.445.064)	6.279.891.276
Các cổ phiếu khác	1.456.960.204	1.725.894.223	268.934.019	(93.813.068)	362.747.087
Chứng chỉ tiền gửi	204.118.233.862	204.118.233.862	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	101.773.775.342	101.773.775.342	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	102.344.458.520	102.344.458.520	-	-	-
	304.717.139.864	298.584.681.685	(6.132.458.179)	(78.179.433.246)	72.046.975.067
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					305.587.898
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					(71.741.387.169)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					72.046.975.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

(c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(724.306.139)	22.384.920.220
- Cổ tức	11.450.601	7.355.612.850
- Tiền lãi	(735.756.740)	15.029.307.370
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	245.031.636.946	195.975.927.147
Từ các khoản cho vay	360.548.475.343	286.223.721.868
	604.855.806.150	504.584.569.235

(d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	144.838.599.511	67.645.377.330
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	100.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	682.848.455	558.959.844
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.647.148.100	4.207.341.031
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	-	200.000.000
Thu nhập hoạt động khác	2.795.604.695	1.743.145.684
	153.964.200.761	74.454.823.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. LỖ BÁN CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ

2024

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	1.761.581	28.880	50.874.574.820	52.391.915.228	(1.517.340.408)
Chứng chỉ tiền gửi	9.217.050	216.440	1.994.938.899.936	2.000.209.293.550	(5.270.393.614)
Trái phiếu chưa niêm yết	74.179.462	108.801	8.070.827.089.987	8.074.289.695.346	(3.462.605.359)
			10.116.640.564.743	10.126.890.904.124	(10.250.339.381)

2023

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	5.978.223	36.644	219.065.257.015	285.981.372.563	(66.916.115.548)
Chứng chỉ tiền gửi	1.850.922	3.026.617	5.602.032.687.123	5.602.752.074.831	(719.387.708)
Trái phiếu chưa niêm yết	4.043.284	150.080	606.816.497.474	610.318.307.207	(3.501.809.733)
			6.427.914.441.612	6.499.051.754.601	(71.137.312.989)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM
TSTC VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	2024 VND	2023 VND
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	184.955.301.561	206.525.315.938
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng (Thuyết minh 7(d))	(2.394.465.165)	4.970.598.246
	182.560.836.396	211.495.914.184

28. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	2024 VND	2023 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	56.274.089.044	24.369.914.749
Chi phí hoa hồng môi giới	52.796.100.635	37.867.290.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.493.142.282	15.465.732.842
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	20.909.149.632	14.705.973.423
Chi phí công cụ dụng cụ	8.156.117.954	2.541.316.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.312.570.961	11.443.196.887
Chi phí khác	5.886.779.192	4.722.116.791
	174.827.949.700	111.115.541.840

29. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lưu ký trả VSDC	5.762.897.494	4.118.522.994
Chi phí vị thế trả VSDC	3.144.649.800	443.276.700
Phí quản lý tài sản ký quỹ	1.969.594.537	343.094.191
	10.877.141.831	4.904.893.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành	30.401.250	267.900.560
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	6.062.527.963	3.207.753.324
Chi phí khác	1.408.933.271	408.187.498
	7.501.862.484	3.883.841.382

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	600.001.345	896.049
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.943.889.910	3.457.413.905
Doanh thu khác về đầu tư	21.698.630	2.981.903.200
	5.565.589.885	6.440.213.154

32. CHI PHÍ LÃI VAY

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	7.212.494.287	17.973.526.183
Chi phí lãi vay	20.827.345.669	4.128.737.056
	28.039.839.956	22.102.263.239

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	80.023.995.918	41.162.405.180
Chi phí vật tư văn phòng và công cụ dụng cụ	4.820.743.235	4.045.050.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.445.530.007	783.473.799
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.592.427.473	368.299.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.829.954.878	40.408.064.014
Chi phí khác	10.196.859.874	7.545.758.437
	151.909.511.385	94.313.051.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. THU NHẬP KHÁC

	2024 VND	2023 VND
Tiền phạt thu được từ đối tác	14.846.600.000	18.239.346.573
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	959.090.909	-
Các khoản khác	146.791.475	103.757.036
	15.952.482.384	18.343.103.609

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	45.730.615.901	56.589.208.327
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.869.696	1.470.000
	45.732.485.597	56.590.678.327
(Lợi ích)/chi phí TNDN hoãn lại		
Phát sinh từ chênh lệch tạm thời	(1.626.084)	61.117.580
Chi phí thuế TNDN	45.730.859.513	56.651.795.907

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	227.501.485.005	285.636.057.513
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	45.500.297.001	57.127.211.503
Chi phí không được khấu trừ thuế	230.982.936	994.236.974
Thu nhập không bị tính thuế	(2.290.120)	(1.471.122.570)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.869.696	1.470.000
	45.730.859.513	56.651.795.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	181.770.625.492	228.984.261.606

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước mang sang	300.000.000	300.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	26.885.246	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	326.885.246	300.000.000

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024	2023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	556	763

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	443.457.804	55.912.659
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	1.683.000.000.000	1.683.000.000.000
Phải thu phí lưu ký	3.033.553	-
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	7.335.629.357	34.001.429
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	330.000.000.000	330.000.000.000
Phải thu phí lưu ký	617.333	-
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)		
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	364.926.000.000	-
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	834.879.919	215.925.278
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	22.153.895
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	3.906.020.000	4.156.020.000
Phải trả gốc lãi vay ngắn hạn	2.043.058.579	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán mua phần mềm khác	-	2.731.903.200
Cổ tức đã trả	168.300.000.000	39.000.000.000
Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ	576.211.546	-
Chi phí quản trị hệ thống	-	9.000.000.000
Chi phí mua phần mềm	-	22.765.860.000
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	1.429.382.838
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	25.497.438	14.980.755
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	17.194.616	-
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.252.838.209.761	3.407.908.647.175
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.252.450.664.616	3.407.861.843.637
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	1.580.472.843.637
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	1.582.496.859.047
Hoàn đặt cọc từ bên liên quan về mua trái phiếu/cổ phiếu và phát triển phần mềm	-	43.792.223.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Thu nhập khác	-	1.430.136.986
Cổ tức đã trả	33.000.000.000	16.957.339.800
Chi phí dịch vụ tư vấn	23.876.370.000	-
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	51.755.536	3.842.734
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	627.603.948
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.921.819.755.536	859.641.770.127
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.914.518.127.608	859.608.234.128
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	406.535.234.128
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	406.535.234.128
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	51.127.608	-
Đặt cọc cho bên liên quan để mua trái phiếu	-	100.000.000.000
Hoàn đặt cọc từ bên liên quan về mua trái phiếu	-	100.000.000.000
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)		
Cổ tức đã trả	36.246.300.000	-
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	40.433.552	-
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS		
Cổ tức đã trả	390.602.000	90.120.400
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán và lãi vay	139.886.646	365.214
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	223.938
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	14.189.367.838	48.534.590.968
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	14.123.997.656	48.403.737.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Giá trị giao dịch	
		2024 VND	2023 VND
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		-	702.138.314
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		22.153.895	679.984.419
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		16.989.051	31.355.404
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch	1.350.000.000	2.790.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Chi nhánh	1.350.000.000	2.790.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	100.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	100.000.000	180.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập	100.000.000	40.000.000
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.969.000.000	1.887.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	988.818.182	-
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	880.364.087	-
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày 13/3/2024)	452.694.805	1.720.636.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, môi giới – lưu ký, bảo lãnh – tư vấn và kinh doanh nguồn vốn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	47.867.656.597	150.485.747.611	682.848.455	611.145.702.174	2.795.604.695	812.977.559.532
Chi phí hoạt động trực tiếp	41.138.426.659	185.705.091.531	2.571.323.200	210.611.940.132	7.501.862.484	447.528.644.006
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	8.944.345.683	28.119.123.489	127.594.143	114.196.073.328	522.374.742	151.909.511.385
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	13.962.080.864	13.962.080.864
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(2.215.115.745)	(63.338.467.409)	(2.016.068.888)	286.337.688.714	8.733.448.333	227.501.485.005

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	-	10.484.212.243.964
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	153.039.874.308	153.039.874.308
Tổng tài sản	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	153.039.874.308	10.637.252.118.272
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	-	6.560.299.994.793
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47.151.939.122	47.151.939.122
Tổng nợ phải trả	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	47.151.939.122	6.607.451.933.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	157.859.157.924	71.852.718.361	858.959.844	488.639.862.169	1.743.145.684	720.953.843.982
Chi phí hoạt động trực tiếp	(51.986.331)	116.020.435.725	2.656.091.931	233.598.756.735	3.883.841.382	356.107.139.442
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	20.650.668.591	9.399.560.302	112.366.589	63.922.422.915	228.033.167	94.313.051.564
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	15.102.404.537	15.102.404.537
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	137.260.475.664	(53.567.277.666)	(1.909.498.676)	191.118.682.519	12.733.675.672	285.636.057.513

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	-	7.289.003.428.357
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	157.059.266.764	157.059.266.764
Tổng tài sản	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	157.059.266.764	7.446.062.695.121
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	418.304.168.746	-	3.674.830.060.948	-	4.093.134.229.694
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47.583.056.562	47.583.056.562
Tổng nợ phải trả	-	418.304.168.746	-	3.674.830.060.948	47.583.056.562	4.140.717.286.256

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	11.449.986.360	10.052.091.360
Từ 2 – 5 năm	31.852.700.140	36.012.565.440
	43.302.686.500	46.064.656.800

40. PHÍ DỊCH VỤ ĐÃ TRẢ VÀ PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY KIỂM TOÁN

	2024 VND	2023 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm	268.000.000	230.000.000
Phí cho các dịch vụ khác	650.000.000	126.500.000
	918.000.000	356.500.000

41. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt

Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

